

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 2

**BỘ A-HÀM**  
**II**



HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC  
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

# LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẶNG KINH

Tập 2

Tổ chức và điều hành:

**Sa môn Thích Tịnh Hạnh**

Với sự cộng tác của:

- Hòa thượng Thích Phổ Tuệ;
  - Hòa thượng Giáo sư Thích Quảng Độ;
  - Hòa thượng Thích Đồng Minh;
  - Thượng tọa Giáo sư Thích Tuệ Sĩ;
  - Giáo sư Tiến sĩ Lê Mạnh Thát (*Trí Siêu*);
  - Giáo sư Tiến sĩ Lý Kim Hoa (*Nguyên Hồng*);
- v.v...

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH  
TẬP 2

BỘ A-HÀM

II

KINH  
TRƯỜNG A-HÀM

SỐ 2

(TRƯỜNG A-HÀM BIỆT DỊCH).

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC  
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

Tổ chức và điều hành:

### Sa môn Thích Tịnh Hạnh

Với sự cộng tác của:

- Hòa thượng Thích Phổ Tuệ;
  - Hòa thượng Giáo sư Thích Quảng Độ;
  - Hòa thượng Thích Đồng Minh;
  - Thượng tọa Giáo sư Thích Tuệ Sĩ;
  - Giáo sư Tiến sĩ Lê Mạnh Thát (*Trí Siêu*);
  - Giáo sư Tiến sĩ Lý Kim Hoa (*Nguyên Hồng*);
- v.v...

## NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

### I- Viết hoa toàn bộ:

1. **Tên người:** (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật:** Đức Như Lai, Bạc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách:** luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

### II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh:** thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh:** Bát chánh đạo, Tứ thánh đế, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính:** Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. **Chủng loại:** chư Thiên
5. **Phương hướng:** phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

### III- Viết hoa chữ đầu + gạch nối: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh:** nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh:** A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị:** Tỳ-kheo, Ưu-bà-dĩ, A-la-hán...
5. **Chủng loại:** A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

### IV- Gạch nối: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

ví dụ: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

#### V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)  
ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tối), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số:** số hiệu kinh, số trang dẫn  
ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

#### VI- Đặc biệt:

- ✓ Âm “y” và “i”: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.  
ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵: viết là “Phạm” không viết là “Phạn” (phát âm theo chữ *Brahma*).
- ✓ 慧: viết là “Tuệ” không viết là “Huệ”.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 9 năm 2000

Sa môn THÍCH TỊNH HẠNH

## MỤC LỤC

### TRƯỜNG A-HÀM BIỆT DỊCH

SỐ 7: KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN .....	3
QUYỂN I.....	3
QUYỂN II.....	25
QUYỂN III .....	47
SỐ 8: PHẬT NÓI KINH DUYÊN KHỞI BÀ-LA-MÔN ĐẠI KIẾN CỐ .....	69
QUYỂN I.....	69
QUYỂN II.....	79
SỐ 9: PHẬT NÓI KINH NHÂN TIÊN .....	93
SỐ 10: PHẬT NÓI KINH DUYÊN KHỞI HAI BÀ-LA-MÔN BẠCH Y VÀ KIM TRÀNG .....	103
QUYỂN I.....	103
QUYỂN II.....	111
QUYỂN III .....	117
SỐ 11: PHẬT NÓI KINH PHẠM CHÍ NI-CÂU-ĐÀ .....	125
QUYỂN I.....	125
QUYỂN II.....	134
SỐ 12: PHẬT NÓI KINH ĐẠI TẬP PHÁP MÔN.....	141
QUYỂN I.....	141
QUYỂN II.....	154
SỐ 13: KINH TRƯỜNG A-HÀM THẬP BÁO PHÁP.....	167
QUYỂN I.....	167
QUYỂN II.....	182
SỐ 14: PHẬT NÓI KINH CON NGƯỜI DO DỤC SANH.....	203
SỐ 15: PHẬT NÓI KINH ĐẾ-THÍCH SỞ VẤN.....	223
SỐ 16: PHẬT NÓI KINH THI-CA-LA-VIỆT LẠY SÁU PHƯƠNG .....	243
SỐ 17: PHẬT NÓI KINH CON TRAI CỦA THIỆN SANH.....	251
SỐ 18: PHẬT NÓI KINH CÔNG ĐỨC TIN PHẬT.....	267
SỐ 19: PHẬT NÓI KINH ĐẠI TAM-MA-NHA .....	277
SỐ 20: KINH PHẬT GIÁO HÓA PHẠM CHÍ A-BẠT.....	283

SỐ 21: PHẬT NÓI KINH PHẠM VĨNG SÁU MƯƠI HAI KIẾN .....	305
SỐ 22: KINH TỊCH CHÍ QUẢ .....	333
SỐ 23: KINH ĐẠI LÂU THÁN .....	355
QUYỂN I .....	355
QUYỂN II .....	374
QUYỂN III .....	397
QUYỂN IV .....	421
QUYỂN V .....	442
QUYỂN VI .....	462
SỐ 24: KINH KHỞI THẾ .....	481
QUYỂN I .....	481
QUYỂN II .....	500
QUYỂN III .....	520
QUYỂN IV .....	535
QUYỂN V .....	553
QUYỂN VI .....	569
QUYỂN VII .....	585
QUYỂN VIII .....	601
QUYỂN IX .....	621
QUYỂN X .....	639
SỐ 25: KINH KHỞI THẾ NHÂN BỐN .....	661
QUYỂN I .....	661
QUYỂN II .....	680
QUYỂN III .....	698
QUYỂN IV .....	714
QUYỂN V .....	731
QUYỂN VI .....	748
QUYỂN VII .....	768
QUYỂN VIII .....	783
QUYỂN IX .....	802
QUYỂN X .....	820

TRƯỜNG A-HÀM BIỆT DỊCH

長阿含別譯

SỐ 7

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

*Hán dịch: Đời Đông Tấn, Sa-môn Thích Pháp Hiển.*

## QUYỂN I

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại giảng đường Trùng các, trong rừng Đại lâm, thành Tỳ-da-ly, cùng với Đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ Đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan, vào lúc sáng sớm mang y bát vào thành khất thực, trở về chỗ nghỉ, ăn xong rửa bát, súc miệng, thau dọn y bát, bảo Tôn giả A-nan:

—Tôn giả hãy lấy tọa cụ đến cho Ta. Ta nay muốn đến khu tháp miếu Già-ba-la để nhập định tư duy.

Nói xong, Ngài liền cùng Tôn giả A-nan đi đến chốn ấy. Đến nơi, Tôn giả A-nan liền trải tọa cụ, Đức Thế Tôn bèn ngồi kiết già, tĩnh lặng tư duy. Tôn giả A-nan cũng ở chỗ riêng cách Phật không xa, ngồi ngay gần nhập định.

Không lâu sau, Đức Thế Tôn từ thiền định xuất, bảo Tôn giả A-nan:

—Thành Tỳ-da-ly này có các khu đền tháp như: Ưu-đà-diên, Cù-đàm, Am-la, Đa Tử, Bà-la, Già-ba-la. Những đền tháp này thật đáng mến thích.

Đức Phật bảo:

—Này Tôn giả A-nan, người có đủ bốn thân tức còn có thể sống lâu một kiếp hoặc gần một kiếp. Như Lai hiện tại có thân lực lớn, há lại không thể trụ thế một kiếp hay gần một kiếp sao?

Lúc ấy Đức Thế Tôn đã mở lời để Tôn giả A-nan có thể thưa thỉnh nhưng Tôn giả A-nan lặng thỉnh, không thể nhận biết. Đức Thế Tôn đã ân cần nói lại ba lần, Tôn giả A-nan mờ mịt vẫn không rõ, nên không cầu thỉnh Như Lai sống lâu một kiếp hoặc gần một kiếp để đem lại lợi ích cho chư Thiên và loài người trong thế gian. Vì sao thế? Vì Tôn giả A-nan đã bị ma vương làm cho mê hoặc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói lời ấy ba lần vẫn chưa thấy tâm Tôn giả A-nan tỉnh ngộ nên Ngài lặng thỉnh. Khi đó Ma vương đến chỗ Phật thưa:

–Đức Thế Tôn, nay nên vào Niết-bàn! Đấng Thiên Thệ nay nên vào Niết-bàn. Vì sao vậy? Tôi ngày xưa tại bên bờ sông Ni-liên-thiên cầu thỉnh Đức Thế Tôn vào Niết-bàn, hồi ấy Ngài đáp: “Bốn chúng đệ tử của Ta là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di còn chưa đầy đủ, lại chưa hàng phục các phái ngoại đạo, do đó Ta chưa vào Niết-bàn”. Bạch Đức Thế Tôn, nay bốn chúng đệ tử của Ngài đã đầy đủ, lại đã hàng phục các phái ngoại đạo, các việc phải làm đều đã hoàn tất, vậy Ngài nên vào Niết-bàn.

Ma vương ba lần thưa thỉnh, Đức Như Lai liền đáp:

–Lành thay! Ta ngày xưa ở bên bờ sông Ni-liên-thiên đã hứa với người: do bốn chúng đệ tử chưa được đầy đủ, nay các chúng đệ tử của Ta đã được đầy đủ, sau ba tháng nữa Ta sẽ vào Niết-bàn.

Ma vương nghe Phật nói lời này thì hết sức vui mừng bèn trở về thiên cung.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền xả thọ mạng, dùng thần lực chỉ duy trì sự sống trong ba tháng nữa. Tức thì đại địa hiện đầy đủ mười tám tướng chấn động, trống trời tự kêu vang. Do thần lực của Phật nên trong không trung có tiếng nói lớn: “Đức Như Lai không bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn”. Chư Thiên và loài người bỗng đứng nghe được lời báo ấy đều rất đau lòng, xót xa. Đức Thế Tôn bèn nói bài kệ:

*Tất cả loài chúng sanh  
Theo nghiệp có sanh tử  
Ta nay cũng sanh tử  
Mà không tùy theo nghiệp.  
Tất cả việc tạo tác  
Ta nay đều xả bỏ.*

Đức Thế Tôn nói kệ ấy xong thì an trú trong vắng lặng. Khi ấy Tôn giả A-nan thấy đại địa chấn động lớn, tâm vô cùng lo sợ, tự nghĩ: “Nay vì sao bỗng nhiên có hiện tượng này? Đây không phải là nhân duyên nhỏ. Ta nên đến thưa hỏi Đức Thế Tôn”. Nghĩ như vậy rồi liền từ tòa ngồi đứng dậy, đến trước Phật, đầu mặt lễ sát nơi chân Ngài, bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn, con một mình tư duy bỗng thấy đại địa hiện đủ mười tám tướng chuyển động, lại nghe trong hư không có tiếng trống trời vang lên, tâm con vô cùng lo sợ, không rõ hiện tượng này là nhân duyên gì?

Đức Phật dạy Tôn giả A-nan:

–Có tám nhân duyên làm cho đại địa chấn động:

1. Đại địa nương nơi nước, nước nương vào gió, gió nương vào hư không, trong hư không khi gió lớn nổi lên, gió đã chuyển động thì nước kia cũng động, nước đã động thì đại địa chấn động.

2. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tu tập chứng đắc thần thông, mới được thành tựu, muốn thử nghiệm nên khiến cho đại địa chấn động.

3. Bồ-tát tại cõi trời Đâu-suất sắp xuống trần để giáng thần nhập vào thai mẹ, cho nên đại địa chấn động.

4. Bồ-tát từ hông bên phải sanh ra nên khiến đại địa chấn động.

5. Bồ-tát từ già cung vua, xuất gia học đạo, thành tựu Nhất thiết chủng trí nên đại địa chấn động.

6. Đức Như Lai thành đạo, bắt đầu vì chúng sinh nơi các cõi trời, người chuyển bánh xe pháp nên khiến cho đại địa chấn động.

7. Khi Đức Như Lai dùng diệu lực của thần thông xả bỏ thọ mạng nên khiến cho đại địa chấn động.

8. Đức Như Lai khi sắp nhập Niết-bàn nên khiến đại địa chấn động.

Tôn giả A-nan nên biết, có tám việc như thế là nhân duyên khiến cho đại địa chấn động. Nay Tôn giả A-nan, có tám bộ chúng:

1. Sát-đế-lợi

2. Bà-la-môn

3. Trưởng giả, Cư sĩ

4. Sa-môn

5. Tứ thiên vương
6. Đao-lợi thiên
7. Ma vương
8. Phạm vương.

Ta quán xét căn cơ những người đáng được hóa độ trong tám bộ chúng ấy, tùy theo nơi chốn, cảnh giới mà hiện thân hình, vì họ giảng nói chánh pháp, nhưng các hạng chúng sanh kia cũng không biết là Ta nói pháp.

Tôn giả A-nan, có tám thắng xứ:

1. Trong: tướng có sắc, ngoài: quán sắc với cảnh giới hẹp.
2. Trong: tướng có sắc, ngoài: quán sắc với vô lượng cảnh giới.
3. Trong: tướng không sắc, ngoài: quán sắc với cảnh giới hẹp.
4. Trong: tướng không sắc, ngoài: quán sắc với vô lượng cảnh giới.
5. Quán tất cả sắc xanh.
6. Quán tất cả sắc vàng.
7. Quán tất cả sắc đỏ.
8. Quán tất cả sắc trắng.

Đây là pháp vô cùng thù thắng của người tu hành.

Lại nữa, Tôn giả A-nan, có tám pháp giải thoát:

1. Trong: tướng có sắc, ngoài: quán sắc.
2. Trong: tướng không sắc, ngoài: quán sắc, tư duy sắc là bất tịnh.
3. Tịnh giải thoát.
4. Không xứ giải thoát.
5. Thức xứ giải thoát.
6. Vô sở hữu xứ giải thoát.
7. Phi tướng phi phi tướng xứ giải thoát.
8. Diệt tận định giải thoát.

Đây cũng là phép thù thắng của người tu tập. Nếu thực hành đầy đủ, rốt ráo, tức ở nơi các pháp đạt được tự tại vô ngại.

Này Tôn giả A-nan, Ta xưa kia, khi mới thành đạo, hóa độ ông Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp bên bờ sông Ni-liên-thiên. Bấy giờ Ma vương đến chỗ Ta, cầu thỉnh:

–Bạch Đức Thế Tôn, nay Ngài nên vào Niết-bàn. Bạch Đấng Thiện Thế, nay Ngài nên vào Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì những người đáng độ đều đã giải thoát, nay chính là lúc nên vào Niết-bàn.

Ba lần thưa thỉnh như vậy, Ta liền đáp:

–Nay chưa đúng lúc để vào Niết-bàn. Vì sao? Vì bốn chúng đệ tử của Ta chưa được đầy đủ. Người đáng được hóa độ đều chưa độ hết. Các phái ngoại đạo cũng chưa được hàng phục.

Ta đáp ba lần như vậy, Ma vương nghe thế trong lòng sầu não, liền trở về thiên cung. Vừa rồi Ma vương lại đến thỉnh Ta:

–Bạch Đức Thế Tôn, nay nên vào Niết-bàn. Bạch Đấng Thiện Thệ, nay nên vào Niết-bàn. Vì sao? Tôi ngày xưa ở bên bờ sông Ni-liên-thiên khuyến thỉnh Đức Thế Tôn vào Niết-bàn. Khi đó Đức Thế Tôn bảo: “Bốn chúng đệ tử của Ta là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di còn chưa đầy đủ, lại chưa hàng phục các chúng ngoại đạo, do đó nên chưa vào Niết-bàn”. Bạch Đức Thế Tôn, ngày nay bốn chúng đệ tử đã được đầy đủ, lại cũng đã hàng phục các chúng ngoại đạo, những việc nên làm đều đã hoàn tất, vậy Ngài nên vào Niết-bàn.

Ma vương ba lần thưa thỉnh như vậy, Ta liền đáp:

–Ta ngày xưa nơi bờ sông Ni-liên-thiên đã tự hứa với người, do bốn chúng đệ tử của Ta chưa được đầy đủ, nay thì đã được đầy đủ, nên sau ba tháng nữa Ta sẽ vào Niết-bàn.

Ma vương nghe Ta nói thế thì vô cùng vui mừng hả hê, bèn trở về thiên cung. Ta khi đó nhận lời thỉnh cầu của Ma vương xong, liền xả thọ mạng, chỉ duy trì sự sống trong ba tháng. Do nhân duyên này mà đại địa chấn động.

Tôn giả A-nan nghe Đức Phật nói như vậy thì hết sức buồn thảm, xót xa, rơi lệ bạch Phật:

–Cúi mong Đức Thế Tôn hãy thương xót chúng con, mà duy trì thọ mạng một kiếp hoặc gần một kiếp để đem lại lợi ích cho chư Thiên và loài người trong thế gian.

Ba lần thưa thỉnh như thế. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Ông nay không phải đúng lúc để thưa thỉnh Như Lai về việc ấy. Vì sao? Ta đã hứa với Ma vương là sau ba tháng nữa sẽ vào Niết-bàn. Nay ông còn thỉnh Ta trụ thế nữa sao? Ông làm thị giả cho Ta xưa nay có từng nghe Ta nói hai lời không?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Thật chưa từng nghe Bậc Thầy của trời người có nói hai lời. Con trước đây từng được nghe Đức Thế Tôn vì bốn chúng đệ tử mà nói

pháp: “Người chứng đắc bốn thần túc thì có thể duy trì thọ mạng đủ một kiếp hoặc gần một kiếp”. Huống chi Như Lai là Đấng có vô lượng thần lực tự tại, nay há không thể duy trì thọ mạng trong một kiếp hoặc gần một kiếp, mà lại xả bỏ tuổi thọ, mạng sống chỉ còn ba tháng! Cúi mong Đức Thế Tôn hãy thương xót chúng con mà kéo dài thọ mạng trong một kiếp hoặc gần một kiếp.

Đức Thế Tôn đáp:

–Ta nay sở dĩ xả bỏ thọ mạng chính cũng do ông đấy. Vì sao? Ta trước đây vì việc này đã nói với ông: “Người đạt đủ bốn thần túc còn có thể duy trì thọ mạng trong một kiếp hoặc gần một kiếp”. Nay Đức Như Lai có đại thần lực há không thể duy trì thọ mạng đủ một kiếp hoặc gần một kiếp sao? Cứ như vậy Ta đã ân cần nói lại ba lần, mở ra con đường khuyến khích, thưa thỉnh mà ông vẫn cứ lạng thính không chịu lên tiếng thỉnh Ta duy trì thọ mạng một kiếp hay gần một kiếp, cho nên Ta nay chỉ duy trì thọ mạng trong ba tháng nữa. Vì sao ông tới lúc này mới thỉnh Ta trụ thế?

Tôn giả A-nan nghe Đức Phật nói thế, biết là Đức Phật đã quyết định vào Niết-bàn, không thể thưa thỉnh gì nữa nên tâm sanh đau khổ, áo não, khóc lóc, không thể tự kiềm chế. Đức Thế Tôn thấy Tôn giả A-nan quá khổ não liền dùng Phạm âm an ủi:

–Tôn giả A-nan, nay ông chớ quá đau buồn! Các pháp hữu vi đều là như vậy, mọi sự tụ họp đều phải xa lìa.

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Tất cả pháp hữu vi,  
Đều trở về vô thường  
Mọi ân ái tụ hội,  
Tất phải chịu chia ly.  
Các hành pháp như vậy  
Không nên sanh sầu khổ.*

Tôn giả A-nan rơi lệ, nói:

–Đấng Tôn Quý Vô Thượng, Bậc Thầy của trời người, không còn bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn, con nay làm sao mà không đau buồn sâu khổ.

Liền vỗ đầu lớn tiếng kêu than:

–Ôi thôi! Khổ thay, con mắt của thế gian sắp mất, chúng sanh không bao lâu sẽ chẳng còn gặp Đấng Cha Lành.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Ông nay không nên sanh tâm ưu phiền sâu khổ! Dầu ở lâu một kiếp hoặc gần một kiếp rồi cũng đều phải diệt, vì tánh tướng của các pháp hữu vi là như thế. Ông chớ nên vì Ta mà riêng chịu buồn khổ. Ta nay muốn trở về giảng đường Trùng các, ông hãy lấy tọa cụ đem đến cho Ta.

Rồi Đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan trở về giảng đường Trùng các. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Nay ông hãy gọi các chúng Tỳ-kheo ở giảng đường Trùng các trong khu vực Đại lâm này, tất cả đều đi đến giảng đường Đại tập.

Tôn giả A-nan vâng theo lời dạy, liền gọi khắp các chúng Tỳ-kheo: “Đức Thế Tôn dạy tất cả hãy đi tới giảng đường Đại tập”. Các vị Tỳ-kheo tụ hội đông đủ xong, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Các Tỳ-kheo đều đã có mặt. Cúi mong Đức Như Lai tự biết là đúng lúc.

Lúc ấy Đức Như Lai từ giảng đường Trùng các đi đến giảng đường Đại tập, trải tòa ngồi và bảo các Tỳ-kheo:

–Ta trước đây vì các vị mà giảng nói các pháp, vậy các vị nên thường tư duy, siêng năng tụng đọc, tu tập Phạm hạnh thanh tịnh, giữ gìn giới cấm, làm phước lợi cho chư Thiên và loài người ở thế gian.

Này các Tỳ-kheo, Ta xưa nay vì các vị giảng nói những pháp gì, các vị phải suy nghĩ kỹ, tinh tấn tu tập chớ sanh tâm biếng nhác. Như pháp Ba mươi bảy phẩm trợ đạo gồm có: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát thánh đạo. Các vị phải nên suy nghĩ, siêng năng thực hành. Các pháp này có thể giúp người tu tập đạt đến giải thoát.

Lại nữa các Tỳ-kheo, tất cả các pháp đều vô thường, thân mạng mỏng manh dễ mất cũng như làn chớp hiện ra rồi vụt tắt. Các vị không nên khởi tâm biếng trễ. Các vị nên biết, Đức Như Lai không còn bao lâu, sau ba tháng nữa sẽ vào Niết-bàn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Ta nay sắp lìa bỏ*

Thân già suy yếu này  
 Nay Ta đã xả thọ  
 Thân mạng còn ba tháng  
 Người đáng được hóa độ  
 Thấy đều đã độ xong  
 Vì vậy không bao lâu  
 Ta sẽ vào Niết-bàn.  
 Các pháp Ta đã nói  
 Chính là thầy các vị  
 Phụng hành và giữ gìn  
 Tu tập chớ bỏ mất  
 Các vị luôn tinh tấn  
 Như Ta còn không khác.  
 Sanh tử rất mong manh  
 Thân mạng đều vô thường  
 Luôn dốc cầu giải thoát  
 Chớ theo nẻo buông lung  
 Quán chánh niệm thanh tịnh  
 Khéo giữ gìn giới cấm  
 Định ý với tư duy  
 Giữ căn trước ngoại cảnh  
 Nếu đạt được như vậy  
 Là hộ trì Chánh pháp  
 Tự đến chốn giải thoát  
 Lợi ích cho trời, người.

Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Đức Phật nói những lời ấy, lòng vô cùng đau đớn, kinh hoàng, hoảng loạn, buồn khổ, nước mắt chảy dài, bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, cúi mong Thế Tôn duy trì thọ mạng, chớ vào Niết-bàn, để đem lại lợi ích cho chúng sanh, khiến điều thiện nơi cõi trời người luôn được tăng trưởng. Cúi xin Đức Như Lai trụ thế, chớ vào Niết-bàn, để mở bày con mắt trí tuệ cho chúng sanh. Tất cả chúng sanh bị rơi vào chỗ tối tăm, kính xin Đức Như Lai vì họ làm ngọn đèn chiếu sáng. Tất cả chúng sanh đều lặn hụp trong biển lớn sanh tử, kính

xin Đức Như Lai vì họ mà làm thuyền bè.

Các thầy Tỳ-kheo đều vật vã thở than, kêu lớn:

–Hỡi ôi, khổ thay! Đức Như Lai chẳng bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn, tất cả chúng sanh còn biết nương tựa vào đâu?

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các vị Tỳ-kheo:

–Tất cả các pháp đều vô thường, ân ái, tụ hội đều phải biệt ly. Các vị không nên mong Ta lưu trú mãi ở đời. Vì sao vậy? Vì nay chẳng phải là lúc khuyến thỉnh Ta. Trước đây, Ta đã vì các vị lược nói những pháp trọng yếu, vậy các vị nên khéo vâng giữ, tu tập, cũng như Ta còn tại thế.

Mặt trời đã về chiều, Đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan trở về giảng đường Trùng các. Sáng hôm sau, Đức Thế Tôn đắp y cầm bát cùng Tôn giả A-nan vào thành khát thực, đã được thức ăn liền trở về chỗ cũ, thọ thực xong thì rửa bát, súc miệng, cùng các Tỳ-kheo đến thôn Kiên-đồ. Trên đường đi ngang qua thành Tỳ-da-ly, Đức Thế Tôn ngoái nhìn về hướng thành mà mỉm cười. Tôn giả A-nan cung kính đánh lễ nơi chân và hỏi:

–Đấng Tôn Quý Vô Thượng không bao giờ mỉm cười mà không có duyên cớ?

Đức Phật liền đáp:

–Này A-nan, Ta nay sở dĩ hướng về thành mỉm cười vì đây chính là lần sau cùng Ta nhìn thấy thành này.

Đang lúc Đức Như Lai nói lời ấy thì trong hư không chẳng có chút mây mà tuôn mưa. Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, thật hết sức kỳ lạ, hư không trong lặng, chẳng có chút mây che, bỗng nhiên lại có mưa lớn.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Tôn giả có biết chăng? Chư Thiên trên không trung nghe Ta nói: “Đây chính là lần sau cùng Ta nhìn thấy thành Tỳ-da-ly” nên rất buồn rầu, thương cảm rơi lệ. Đây là nước mắt của chư Thiên chứ chẳng phải là mưa.

Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Đức Phật nói lời đó, lại càng bi thương, buồn bã như muốn ngất đi, liền bạch Phật:

–Nay các hàng trời, người đều vô cùng đau buồn, sao Đức Thế Tôn lại muốn xả bỏ thọ mạng để vào Niết-bàn?

Khi ấy Đức Thế Tôn dùng Phạm âm để an ủi:

–Các vị không nên sanh tâm sầu khổ.

Các thầy Tỳ-kheo thưa:

–Nay Đức Thế Tôn nói đây là lần sau cùng nhìn thấy thành Tỳ-da-ly, không còn bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn. Chúng con làm sao mà không lo lắng, buồn khổ được!

Cứ như vậy, lần lượt mọi người báo cho nhau. Tiếng đồn thấu đến các vị Ly-xa. Các vị Ly-xa nghe được lời ấy, đều buồn thương sâu não, lớn tiếng than thở:

–Hỡi ôi, khổ thay! Con mắt của thế gian sắp mất. Chúng sanh nay không còn chỗ nương tựa!

Họ cùng bảo nhau:

–Chúng ta nay nên đến chỗ Phật, cầu xin Đức Thế Tôn ở lại thành Tỳ-da-ly, duy trì thọ mạng một kiếp hoặc gần một kiếp để tạo lợi ích cho chư Thiên và loài người trong thế gian.

Họ liền sửa soạn xe cộ, vội đi đến chỗ Đức Phật. Vừa ra khỏi cửa thành, từ xa họ đã trông thấy Đức Như Lai, cũng thấy Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo đều buồn bã, rơi nước mắt, các vị Ly-xa càng thêm âu sầu thảm thiết. Họ cùng tiến đến trước Đức Phật, cung kính đánh lễ nơi chân Phật và thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, nay Ngài muốn vào Niết-bàn, tất cả chúng sanh sẽ mất con mắt trí tuệ, cõi này sẽ rơi vào cảnh tối tăm, làm sao có thể thấy được con đường tu tập. Kính mong Đức Thế Tôn nên duy trì thọ mạng trong một kiếp hoặc gần một kiếp.

Ba lần thưa thỉnh như vậy, Đức Phật đáp:

–Các pháp hữu vi đều là vô thường, dầu Ta có trú lại đời một kiếp hoặc gần một kiếp rồi cũng phải trở về vô thường.

Đức Như Lai liền nói kệ:

*Tu-di tuy cao rộng  
Rốt cuộc cũng tiêu tan  
Biển lớn tuy sâu thăm  
Rồi cũng bị khô cạn  
Nhật nguyệt tuy soi sáng  
Không lâu lặn về Tây  
Đại địa tuy vững chắc*

*Hay nâng đỡ hết thảy  
 Kiếp tận, lửa nghiệp đốt  
 Lại cũng về vô thường  
 Mọi ân ái tụ hội  
 Rồi cũng phải chia ly  
 Chư Như Lai quá khứ  
 Thân Kim cang không hoại  
 Cũng trở về vô thường  
 Ta nay đâu riêng khác  
 Pháp chư Phật như vậy  
 Các ông chẳng nên thỉnh  
 Chớ riêng hướng về Ta  
 Mà lại sanh sầu não.*

Đức Thế Tôn nói kệ xong, bảo các vị Ly-xa:

–Các ông nên lắng lòng bi thương để nghe lời dạy sau cùng của Như Lai.

Các vị Ly-xa cùng thưa:

–Lành thay Đức Thế Tôn! Chúng con xin lắng nghe.

Đức Thế Tôn bèn trải tọa cụ ngồi kiết già. Chúng Tỳ-kheo và các vị Ly-xa đều cố gắng tự kiềm chế, nhẫn nại, cùng ngồi qua một bên. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các vị Ly-xa:

–Các vị nên biết, có bảy pháp khiến cho sự tu tập ngày càng tăng tiến, không bị tổn giảm:

1. Vui vẻ, hòa đồng, không trái nghịch nhau.
2. Cùng nhau học hỏi, lãnh hội giảng luận về nghiệp lành.
3. Giữ gìn giới cấm, duy trì lễ giáo, oai nghi.
4. Cung kính cha mẹ và các bậc tôn trưởng.
5. Hòa thuận với mọi người thân thích, cùng nhau vâng lời, thuận hợp.
6. Trong nước có đền tháp thì nên sửa sang tu bổ để cúng dường.
7. Vâng giữ Phật pháp, thân thiện, cung kính chư vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, mến mộ các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.

Bảy pháp như vậy nếu nhận lãnh, thực hành, sẽ khiến cho người ấy uy đức ngày càng tăng trưởng, đất nước thêm thịnh, dân chúng an

lạc. Các ông từ nay cho đến trọn đời phải nên vâng giữ thực hiện, không được biếng trễ.

Các vị Ly-xa liền bạch Phật:

–Chúng con, nếu trong bảy pháp này, tu tập được một pháp hãy còn khiến cho chúng con uy đức tăng tiến, huống chi là thực hành đầy đủ cả bảy pháp. Lành thay, Đức Thế Tôn! Chúng con hôm nay đã được phước lợi, nguyện suốt đời vâng giữ không quên.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các vị từ nay cũng nên tu tập, thực hành bảy pháp:

1. Luôn vui vẻ, hòa hợp cùng nhau như nước với sữa.
2. Nên cùng nhau nhóm họp, giảng luận về kinh pháp.
3. Giữ gìn giới cấm, không sanh tư tưởng hủy phạm.
4. Cung kính các vị Sư trưởng, Thượng tọa.
5. Tôn kính chăm sóc các Tỳ-kheo tu tập ở các nơi tĩnh lặng vắng vẻ.
6. Khuyến hóa hàng tín thí lo việc sửa sang, tu bổ các trú xứ của ba ngôi báu.
7. Luôn tinh tấn giữ gìn Phật pháp.

Các vị nên biết, nếu có thầy Tỳ-kheo dốc tu tập bảy pháp này thì công đức trí tuệ ngày một tăng tiến.

Lại nữa, các Tỳ-kheo, có bảy pháp, các vị phải nên tu học:

1. Không nên như người tại gia kinh doanh tài sản làm sự nghiệp sinh sống.
2. Không được hý luận, cười cợt, đùa giỡn.
3. Không nên ham thích ngủ nghỉ, phế bỏ sự siêng năng.
4. Không luận bàn các sự việc vô ích ở thế gian.
5. Xa lánh kẻ tri thức xấu ác, gần gũi bạn lành.
6. Luôn nghĩ nhớ chân chánh, không sanh tư tưởng tà vạy.
7. Nếu ở trong Phật pháp có chỗ lãnh hội thấu đạt, thông tỏ, cũng lại mong tiến thêm lên nữa.

Các vị hãy nên tu tập bảy pháp ấy thì công đức trí tuệ ngày thêm tăng trưởng.

Lại nữa, các Tỳ-kheo, có bảy pháp, các thầy nên thực hành:

1. Đối với Phật, Pháp, Tăng luôn phát khởi niềm tin vững chắc.
2. Biết hổ thẹn với chính mình.

3. Biết hổ thẹn với người.
4. Tâm thường ưa thích sự học hỏi, hiểu biết.
5. Luôn giữ tâm được tĩnh lặng, không xao động.
6. Thích nghe ý nghĩa của kinh điển.
7. Ưa tu tập về trí tuệ.

Các thầy, nếu tinh tấn tu tập bảy pháp này thì công đức trí tuệ luôn tăng trưởng.

Lại nữa, các Tỳ-kheo, có bảy pháp Giác ý, các thầy nên thực hành:

1. Trạch pháp.
2. Tinh tấn.
3. Hỷ.
4. Niệm.
5. Định.
6. Ý (Khinh an).
7. Xả.

Nếu các thầy có thể thực hành bảy pháp này thì công đức trí tuệ ngày một tăng tiến.

Lại nữa các Tỳ-kheo, còn có bảy pháp:

1. Quán vô thường.
2. Quán vô ngã.
3. Quán bất tịnh.
4. Quán khổ.
5. Quán thế gian không vui.
6. Không tham đắm năm dục.
7. Siêng tu tập các pháp vắng lặng, giải thoát.

Nếu các vị tinh tấn tu tập bảy pháp này thì công đức trí tuệ luôn tăng trưởng.

Lại nữa Tỳ-kheo, còn có bảy pháp, các thầy phải nên thực hành:

1. Thân thường thể hiện lòng từ.
2. Miệng thường nói theo lòng từ.
3. Ý thường nghĩ theo tâm từ.
4. Nếu được các hàng thí chủ bố thí, thì phải phân chia bình đẳng, không thiên vị.

5. Đối với các pháp thâm diệu ưa thích giảng nói không chán.
6. Không dùng các thứ sách vở thế gian để dạy người.
7. Thấy người chẳng phải là bạn đồng học không nên sanh tâm ganh ghét. Nếu các thầy hay tu tập theo bảy pháp này thì công đức trí tuệ ngày càng tăng trưởng.

Lại nữa, các Tỳ-kheo, còn có bảy pháp, các thầy nên thực hành:

1. Đối với chín bộ pháp, phải khéo phân biệt.
2. Khéo lý giải, lãnh hội ý nghĩa của các pháp ấy.
3. Hành đạo, đọc tụng, tu tập đều đúng thời.
4. Đi đứng ngồi nằm đều hợp với oai nghi.
5. Vì người giảng nói Chánh pháp, đều phải tự suy xét, đem chỗ mình đã thấu đạt chứng đắc để chỉ dạy người.
6. Nếu các hàng Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Trưởng giả, Cư sĩ tìm đến để được nghe pháp, thì phải khéo trừ lậu, tùy căn cơ mà giảng nói.
7. Khéo phân biệt được người trí, kẻ ngu.

Các thầy nếu tinh tấn thực hành bảy pháp này thì công đức trí tuệ ngày một tăng trưởng, cũng chính là có thể giữ gìn phát huy Chánh pháp của Ta.

Bấy giờ, trong nước, vợ của các vị Ly-xa nghe Đức Phật không bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn và nay là lần sau cùng Ngài nhìn thấy thành Tỳ-da-ly, nên tâm ý sâu nã, buồn thương liền cùng với năm trăm quyến thuộc sửa soạn năm trăm cỗ xe chở các vật dụng để cúng dường. Toàn bộ các cỗ xe thảy đều trang nghiêm chỉnh tề: xe do bò trắng kéo thì treo cờ phướn, lọng màu trắng. Cũng vậy, tùy màu sắc của bò kéo xe mà trang hoàng xe theo màu sắc đen, vàng...

Đoàn xe thứ lớp ra khỏi thành, đi đến chỗ Đức Phật. Đức Thế Tôn từ xa thấy đoàn xe kia đến, bảo các thầy Tỳ-kheo:

—Các thầy có thấy đoàn xe thứ tự trước sau, vô cùng trang nghiêm của phu nhân các vị Ly-xa đang đi đến kia không?

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

—Dạ, đã thấy.

Đức Phật nói:

—Thành Tỳ-da-ly này, Trưởng giả Ly-xa và hàng vợ con của họ, ra vào luôn theo đúng lễ nghi, phục sức cùng trang hoàng các phương tiện đi lại đều chỉnh tề, đẹp đẽ, so với trời Đao-lợi không khác.

Khi ấy vợ của các vị Ly-xa đã đến chỗ Đức Phật đầu mặt lễ chân Phật, thương khóc rơi lệ, không thể tự kiềm chế, rồi đem các phẩm vật cúng dường dâng lên Đức Thế Tôn, thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, kính xin Đức Thế Tôn duy trì thọ mạng để giáo hóa chúng sanh! Đức Thế Tôn nay vào Niết-bàn thì chúng con như bị mù tối, vĩnh viễn không ai khai ngộ. Chúng con phước mỏng, thọ sanh làm thân người nữ, thường bị mọi thứ hạn chế ngăn ngại, không được tự tại, không đủ nhân duyên để thường được gần gũi Đức Thế Tôn. Nay Thế Tôn lại muốn nhập Niết-bàn vậy là căn lành của chúng con ngày càng tổn giảm.

Đức Như Lai đáp:

–Các vị từ nay cho đến trọn đời phải luôn luôn tinh tấn giữ giới như người bảo vệ con mắt mình, ý niệm luôn chân chánh ngay thẳng, chớ sanh tâm xu nịnh, ganh ghét. Nếu được như thế là thường thấy Ta.

Vợ các vị Ly-xa nghe Phật dạy thế càng thêm buồn thương, không thể tự kiềm chế, sụt sùi thở than rồi lui ra ngồi qua một bên.

Bấy giờ cô gái Am-bà-la, dung nhan đoan chánh, nổi tiếng xinh đẹp, nghe Đức Phật không bao lâu sẽ vào Niết-bàn và nghe nói đây là lần sau cùng Ngài nhìn thấy thành Tỳ-da-ly, thì lòng buồn bã, thương khóc, liền cùng năm trăm quyến thuộc, trang hoàng năm trăm cỗ xe, lần lượt cùng ra khỏi thành đi đến chỗ Đức Phật. Đức Thế Tôn thấy họ từ xa đi đến, bèn nói với các Tỳ-kheo:

–Cô gái Am-bà-la nay đến thăm Ta. Cô ấy dung mạo xinh đẹp, thuộc loại ít có trong đời, các thầy phải giữ tâm niệm đoan chánh, chớ sanh tâm tham đắm. Các thầy nên quán thân này có những thứ không sạch: lục phủ ngũ tạng, các chất bài tiết cùng máu mủ đầy dẫy trong thân, tám vạn loài vật ký sinh cũng ở trong đó, tóc, lông, móng, răng, da mỏng bọc thịt, chín lỗ thường bài tiết, không có một thứ nào là đáng ưa. Lại nữa nguồn gốc sanh ra thân này do từ nơi bất tịnh, chỗ thân này thường lui tới cũng đều tràn đầy những thứ không sạch. Tuy được trang điểm, dùng đến các loại lụa là thuê vẽ, xông ướp các thứ nước thơm ví như bình báu bên trong chứa toàn đồ dơ nhớp. Hơn nữa, thân kia khi chết thì sinh chướng thối rữa, mỗi mỗi chi phần nơi thân xác đều tan rã, trong thân lại có trùng trở lại đục khoét thân thể, còn bị các loài thú dữ, chim chóc cắn mổ. Người đời do si mê không

thể quán sát chân chánh, nên tham đắm chấp trước chuyện ân ái, gìn giữ cho đến chết, ở trong đó tạo tác, sanh tham dục. Người có trí tuệ lại ưa thích thứ đó sao?

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Thân tuy mang chuỗi báu  
Hương hoa tự trang điểm  
Phân tiếu và nước miếng  
Trong ấy chứa bất tịnh  
Chúng sanh mền tiếc nó  
Mê lầm không giác ngộ  
Cũng như tro che lửa  
Người ngu giẫm đạp lên  
Kẻ trí nên xa lìa  
Chớ sanh tâm nhiễm đắm.*

Bấy giờ cô gái Am-bà-la đến trước Đức Phật, cung kính đánh lễ dưới chân, dâng cúng đủ các phẩm vật cúng dường Ngài xong, xót xa, nước mắt, thưa:

–Kính xin Đức Thế Tôn duy trì thọ mạng ở đời, không vào Niết-bàn, để tạo lợi ích cho chư Thiên và loài người trong thế gian. Nếu Đức Thế Tôn quyết định vào Niết-bàn thì tất cả chúng sanh không còn ai để dẫn dắt, chỉ dạy, cũng như bé thơ mất đi mẹ hiền.

Đức Thế Tôn bảo:

–Tất cả các hành, tánh tướng là như vậy. Nay tín nữ không nên sanh tâm buồn thương sầu não.

Đức Thế Tôn liền vì tất cả những người mới đến giảng nói giáo pháp:

–Các vị từ nay trở đi nên giữ gìn giới cấm, không nên thiếu sót hoặc hủy phạm. Người phá bỏ giới pháp thì các hàng trời, rồng, quỷ thần đều ghét bỏ, tiếng xấu đồn khắp, mọi người đều không muốn gặp, nhìn, nếu ở trong chúng thì không còn uy đức, các thiện thần lại không ủng hộ. Khi sắp lâm chung, tâm thức sợ sệt, dầu có chút việc lành đều không thể ghi nhớ, chết liền theo nghiệp, chịu khổ nơi cõi địa ngục, trải qua nhiều kiếp sau mới ra khỏi, lại phải thọ thân ngạ quỷ, súc sanh, cứ như vậy mà luân chuyển sanh không biết đến bao giờ mới giải thoát.

Các vị Tỳ-kheo trì giới thì các hàng trời, rồng, quý thần đều cung kính, tiếng tốt đồn xa, truyền khắp mọi nơi chốn, ở trong đại chúng thì uy đức rạng rỡ, các chúng quý thần hiền thiện thường theo ủng hộ. Khi mạng sống sắp hết, tâm thức luôn chánh niệm, phân minh, thọ mạng dứt liền sanh đến thế giới thanh tịnh.

Đức Như Lai vừa giảng nói pháp ấy xong, sáu vạn tám ngàn vô số trời, người, và tám bộ chúng xa cảnh trần, lìa cấu nhiễm, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh. Sáu mươi vị Tỳ-kheo dứt hết nghiệp lậu, tâm được giải thoát chứng quả A-la-hán:

Đức Thế Tôn lại bảo các vị Ly-xa và vợ của họ cùng cô Am-bà-la:

–Ta nay muốn đến thôn Kiên-đồ, các vị có thể trở về nơi chốn của mình. Nên biết, các hành đều là vô thường, nên theo đúng như pháp Ta đã giảng nói để tu tập, đừng như trẻ thơ mà khóc lóc, buồn thương sầu não.

Đức Thế Tôn liền từ tòa ngồi đứng dậy. Cùng lúc, các vị Ly-xa, vợ con họ và cô gái Am-bà-la nghe Đức Phật nói như thế thì cùng gào khóc lớn tiếng, cùng đi theo Đức Phật, không chịu quay về. Đức Thế Tôn thấy lòng luyến mộ, tình cảm sâu xa của họ không thể dùng ngôn từ để an ủi được, liền dùng thần lực hóa ra dòng sông sâu thẳm, sóng nước chảy xiết, hai bờ ngăn cách. Khi ấy các vị Ly-xa cùng quyến thuộc và cô gái Am-bà-la thấy Đức Như Lai cùng các thầy Tỳ-kheo ở bên kia bờ, lại càng thêm bi thương, buồn bã, cùng nói với nhau: “Chỗ này sao lại bỗng dưng có con sông lớn, sóng nước chảy xiết thật đáng sợ. Phải chăng Đức Như Lai thấy chúng ta cứ đi theo không muốn rời bỏ nên tạo ra việc này để cắt đứt đường đi tới”. Lúc ấy, các vị Ly-xa cùng vợ con họ và cô gái Am-bà-la qua sông không được, nên càng bồn chồn, hướng về phía bên kia sông, nghẹn ngào không nói nên lời, tuyệt vọng trở về.

Khi ấy Đức Như Lai đi đến khu rừng phía Bắc thôn Kiên-đồ. Ngài bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Các vị nên biết, có bốn loại pháp:

1. Giới
2. Định
3. Tuệ
4. Giải thoát.

Nếu không nghe biết về bốn pháp này thì những người ấy sẽ ở mãi trong đêm dài của biển sanh tử. Ta ngày xưa nếu không lãnh hội, tu tập bốn pháp ấy thì không thể mau chứng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Giới, Định, Tuệ, Giải thoát  
Nếu Ta chẳng sớm nghe  
Không thể mau chứng đắc  
Đạo Vô thượng chánh chân.  
Các vị nên siêng năng  
Tu tập bốn pháp ấy  
Đoạn trừ khổ sanh tử  
Ruộng phước của trời người.*

Đức Thế Tôn nói bài kệ này xong, lại vì các thầy Tỳ-kheo phân biệt giảng nói về ý nghĩa của bốn pháp ấy. Khi Đức Như Lai giảng nói pháp này, có một ngàn hai trăm vị Tỳ-kheo ở ngay nơi các pháp dứt hết nghiệp lậu, tâm được giải thoát, thành bậc A-la-hán.

Bấy giờ Đức Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo liền từ tòa ngồi đứng dậy, đi đến thôn Tượng, thôn Am-bà-la, thôn Diêm-phù rồi đi đến thành Thiện giả. Đến nơi, Đức Thế Tôn cùng các thầy Tỳ-kheo trước sau vây quanh ngồi lại một chỗ. Đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Có bốn Thánh đế, nên siêng năng quán sát:

1. Khổ đế.
2. Tập đế.
3. Diệt đế.
4. Đạo đế.

Này các Tỳ-kheo, Khổ đế là gì? Đó là tám khổ:

1. Sanh là khổ.
2. Già là khổ.
3. Bệnh là khổ.
4. Chết là khổ.
5. Mong cầu không đạt được là khổ.
6. Oán ghét gặp nhau là khổ.
7. Yêu thương phải xa lìa là khổ.

8. Năm thọ ẩm là khổ.

Các vị nên biết, đây là tám thứ khổ, là pháp hữu lậu, có tính chất bức bách. Đích thật là khổ.

Tập đế là gì? – Vô minh và Ái làm nhân chính cho tám khổ. Nên biết Tập này chính thật là nhân của khổ.

Diệt đế là gì? – Vô minh và Ái đã diệt tức các nguyên nhân của khổ diệt. Nên biết Diệt đế này chắc thật là tịch diệt vắng lặng.

Đạo đế là gì? – Là tám Chánh đạo:

1. Chánh kiến.
2. Chánh niệm.
3. Chánh tư duy.
4. Chánh nghiệp.
5. Chánh tinh tấn.
6. Chánh ngữ.
7. Chánh mạng.
8. Chánh định.

Tám pháp này chính là con đường tu tập của bậc Thánh giác ngộ. Nếu ai luôn tinh tấn, siêng năng quán sát bốn pháp ấy thì sẽ chóng lìa sanh tử, đạt đến chốn giải thoát. Các thầy Tỳ-kheo ở trong pháp này nếu đã đạt được cứu cánh, thì cũng nên hết lòng vì người khác giảng nói. Sau khi Ta diệt độ, các thầy cũng nên siêng năng nhớ nghĩ, tu tập.

Khi Đức Như Lai thuyết giảng pháp này vừa xong, có năm trăm vị Tỳ-kheo dứt hết nghiệp lậu, tâm được giải thoát, thành bậc A-la-hán. Chư Thiên trên hư không, số lượng là bốn vạn vị, ở trong các pháp xa trần lìa cấu, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Có bốn quyết định về sự thuyết pháp:

1. Nếu có Tỳ-kheo ưa muốn thuyết giảng giáo pháp, nói lời thế này: “Tôi tự thân theo Phật được nghe nên có thể khéo lãnh hội, giảng giải ý nghĩa pháp này, thọ trì đọc tụng, tự thấy rất là thông suốt”, thì các vị nên cung thỉnh Tỳ-kheo ấy giảng nói. Nên tùy theo pháp được nghe mà tự khéo suy nghĩ: “Đó là Kinh, đó là Luật, ở trong pháp tướng có pháp ấy chăng?” Nếu khi đã biết là Kinh, là Luật, ở trong pháp tướng có pháp ấy rồi thì phải thọ trì, khen ngợi: “Lành thay!” Nếu

trong Kinh và Luật không có pháp ấy thì không nên thọ trì, cũng đừng khen ngợi. Nên biết pháp đó không phải do Ta nói.

2. Nếu có thầy Tỳ-kheo ưa thích muốn thuyết giảng giáo pháp, nói lời thế này: “Tôi ở chỗ chúng Tỳ-kheo Tăng, nghe được pháp như vậy, khéo lãnh hội, giảng giải ý nghĩa, thọ trì đọc tụng rất thông suốt”, thì các vị nên cung thỉnh thầy ấy giảng nói. Nên tùy theo pháp được nghe mà tự khéo suy nghĩ: “Đây là Kinh, đây là Luật, ở trong pháp tướng có pháp ấy chăng?” Nếu là Kinh, là Luật, ở trong pháp tướng có pháp ấy, thì cần thọ trì, khen ngợi: “Lành thay!” Nếu là Kinh, là Luật, ở trong pháp tướng không có pháp ấy thì không nên thọ trì, cũng chớ khen ngợi. Nên biết pháp ấy chẳng phải Ta nói, lại cũng chẳng phải do chúng Tỳ-kheo nói.

3. Nếu có thầy Tỳ-kheo ưa muốn thuyết giảng giáo pháp, nói lời thế này: “Tôi tự thân từ chùa kia, ở nơi A-lan-nhã nọ, trong chúng có nhiều Tỳ-kheo, Thượng tọa, thấy đều là hàng đa văn, thông minh, trí tuệ, nghe được pháp như vậy và khéo lãnh hội, giải thích ý nghĩa, thọ trì đọc tụng thông suốt”, thì các vị nên cung thỉnh thầy ấy giảng nói. Nên tùy theo pháp được nghe mà khéo suy nghĩ: “Là Kinh, là Luật, chính trong pháp tướng có pháp ấy chăng? Nếu đó là Kinh hoặc Luật, ở trong pháp tướng có pháp ấy thì cần phải thọ trì, khen ngợi: “Lành thay!” Nếu là Kinh, là Luật, ở trong pháp tướng không có pháp ấy thì không nên thọ trì, cũng chớ khen ngợi. Nên biết pháp ấy chẳng phải Ta nói.

4. Nếu có thầy Tỳ-kheo ưa muốn thuyết giảng giáo pháp, nói lời thế này: “Tôi tự thân từ chùa kia, ở chỗ A-lan-nhã nọ, có một Tỳ-kheo Thượng tọa là bậc trí tuệ, đa văn, được nghe pháp ấy, khéo lãnh hội, giải thích ý nghĩa, thọ trì, đọc tụng được thông suốt”, thì các vị nên cung thỉnh thầy ấy giảng nói. Nên tùy theo chỗ nghe mà khéo suy nghĩ: “Là Kinh, là Luật, trong pháp tướng có pháp này chăng?” Nếu là Kinh, là Luật, ở trong pháp tướng có pháp ấy thì cần thọ trì, khen ngợi: “Lành thay!” Nếu là Kinh, là Luật ở trong pháp tướng không có pháp ấy thì không nên thọ trì, cũng chớ khen ngợi. Nên biết pháp này chẳng phải Ta nói. Các vị phải khéo phân biệt.

Đây là bốn quyết định về việc giảng nói giáo pháp, lại cũng dùng sự phân biệt về công việc thuyết pháp ấy để truyền trao cho người khác. Dầu Ta ở lại đời hay vào Niết-bàn thì lời nói pháp hư giả

hay chân thật đều do đấy mà biết.

Các thầy Tỳ-kheo bạch Phật:

–Lành thay! Đức Thế Tôn, chúng con từ nay sẽ có thể phân biệt Phật nói hay Ma nói.

Lúc ấy Đức Thế Tôn cùng các thầy Tỳ-kheo đều từ tòa ngồi đứng dậy, đi đến thôn Cưu-bà. Đến nơi, Đức Phật cùng với chúng Tỳ-kheo trước sau vây quanh, cùng an tọa bên một gốc cây. Khi ấy ở trong thôn, các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ nghe Phật đã đến, đều cùng nhau vội vã đi tới chỗ Phật, cung kính đánh lễ nơi chân Phật, lui ra ngồi một bên, thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, nay Ngài cùng các thầy Tỳ-kheo đến thôn này rồi còn có đi tới đâu nữa chăng?

Đức Như Lai đáp:

–Ta sau ba tháng nữa sẽ vào Niết-bàn. Từ thành Tỳ-da-ly Ta đi khắp qua các thôn ấp, lần lượt rồi đến đây.

Các người trong thôn nghe Phật nói như vậy thì đều thương tiếc, buồn bã, ghen ngào kêu lớn:

–Than ôi! Khổ thay! Con mắt của thế gian sắp mất, chúng ta không còn bao lâu nữa sẽ mất chỗ nương tựa, mất người dìu dắt.

Họ lại gạt lệ bạch Phật:

–Kính xin Đức Thế Tôn nên duy trì thọ mạng trong một kiếp hoặc gần một kiếp.

Đức Thế Tôn đáp:

–Các vị không nên sanh tâm buồn thương sầu não. Vì sao? Vì các pháp hữu vi bản tánh và hình tướng đều là như vậy. Các vị nên lìa bỏ tình cảm ưu sầu, tịnh tâm nghe Ta chỉ dạy lời sau cùng.

Các người trong thôn khi ấy đều gắng sức dần lòng, cúi đầu yên lặng lắng nghe. Trong số ấy có một Bà-la-môn tên là Phất-ba-dục-đế, là hạng thông minh, trí tuệ, nghe nhiều nhớ giỏi. Bấy giờ Đức Như Lai liền nói:

–Các vị nên biết, người tại gia có bốn pháp cần nên tu tập:

1. Cung kính cha mẹ, hết lòng hiếu dưỡng.
2. Thường dùng pháp lành để dạy dỗ, dẫn dắt vợ con.
3. Luôn nhớ nghĩ, thương xót những người giúp việc, biết họ cần giúp đỡ gì không?

4. Gần gũi bậc thiện tri thức, xa lìa người xấu ác.

Các vị nếu thường thực hành bốn pháp ấy thì hiện tại được mọi người mến thương, kính trọng, đời sau được sanh nơi cảnh giới an lành.

Lại nữa, này Phất-ba-dục-đế, người tại gia có bốn pháp vui thích:

1. Không nhờ cậy vào tiền bạc của người khác, nên không có sắc diện hổ thẹn.

2. Nếu là hạng rất giàu có, vui với việc tích lũy của cải, không tiêu dùng. Đối với cha mẹ, vợ con, thân thích quyến thuộc đều không cung cấp, lại không cúng dường các bậc Sa-môn, Bà-la-môn.

3. Rất giàu có, thân mặc áo đẹp, miệng ăn vị ngon, phụng dưỡng cha mẹ, đối với thân thích, quyến thuộc thảy đều cung cấp, phụng sự các bậc Sa-môn, Bà-la-môn.

4. Ba nghiệp thân khẩu ý đều không làm ác, lại thông minh trí tuệ, ưa muốn học hỏi, hiểu biết.

Các vị nên rõ, người tại gia tuy có bốn điều vui thích này, như không mắc nợ người khác, không tham lam keo kiệt, pháp này gọi là sự vui thích thấp nhất. Ưa thực hành bố thí gọi là sự vui thích bậc trung. Ba nghiệp thân khẩu ý không tạo việc ác, thông minh trí tuệ, ưa hiểu biết, pháp này là sự vui thích thù thắng, hơn hết.

Bấy giờ Đức Như Lai nói kệ:

*Không nợ nần, xan tham  
Gọi là vui bậc thấp,  
Có tiền đem bố thí  
Đây là vui bậc vừa,  
Nghiệp thân, khẩu, ý sạch  
Trí tuệ, ưa hiểu biết  
Đây là vui bậc cao  
Là việc làm người trí.  
Các vị từ hôm nay  
Cho đến trọn đời mình  
Già trẻ dạy cho nhau  
Hành pháp bậc vừa, cao.*



# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

## QUYỂN II

Lúc ấy, Phất-ba-dục-đế cùng những người trong nhóm bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, chúng con từ nay xin lấy pháp bậc vừa, bậc cao để cùng dẫn dắt chỉ bảo cho nhau.

Ngay khi ấy, nhóm Phất-ba-dục-đế gồm năm trăm người, liền ở trước Phật thọ ba quy y và nguyện giữ năm giới. Phất-ba-dục-đế lại bạch Phật:

–Kính xin Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo sáng mai thọ nhận cho con cúng dường.

Đức Như Lai im lặng chấp nhận. Nhóm ông Phất-ba-dục-đế biết Phật đã hứa liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cùng với những người đã đến, lễ Phật lui ra, rồi trở về nhà. Suốt trong buổi chiều họ lo sắm sửa các món ăn uống thơm ngon tinh khiết. Sáng ngày hôm sau, tới giờ thọ trai, Phất-ba-dục-đế sai người thân tín đến bạch Phật:

–Xin Đức Như Lai tự biết đúng thời.

Bấy giờ Đức Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo trước sau vây quanh đi đến nhà ấy theo thứ tự mà ngồi. Ông Phất-ba-dục-đế thấy Phật và chúng Tăng đều đã an tọa, liền đứng dậy đi lấy nước, tự tay rót mời, cùng bưng dọn các món ăn mỹ vị. Ngoài ra, các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ có đến năm trăm người cũng đều đem đồ ăn ngon quý đến tại nhà ấy cùng cúng dường Phật và chúng Tỳ-kheo. Đang khi ăn, các Tỳ-kheo có vị không khéo thu nhiếp thân tâm theo đúng oai nghi, khiến các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ thấy được nên tâm không hoan hỷ.

Đức Thế Tôn biết được tâm ý của mọi người nên bảo họ:

–Các vị nên biết, Chánh pháp của Như Lai sâu rộng như biển, không thể lường tính. Lại trong biển rộng có các chúng sanh thân thể rất lớn, dài đến một vạn sáu ngàn du-xà-na hoặc thân dài tám ngàn du-xà-na, hoặc thân dài bốn ngàn du-xà-na, hoặc thân dài một ngàn du-xà-na, hoặc lại có thân chỉ dài một tấc, nửa tấc, cho đến rất nhỏ. Biển pháp của Như Lai cũng như vậy, trong đó cũng có vị đắc quả A-la-hán, đầy đủ ba minh và sáu thứ thần thông, có oai đức lớn, làm phước lành cho trời người, có vị đạt được các quả A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn. Lại có vị được bốn hương quả, cho đến cũng có người phạm phu chưa được hưởng lợi ích của Phật pháp. Vì vậy, các vị chớ ở trong biển pháp mà sanh tâm nghi hoặc.

Đức Thế Tôn bèn nói kệ:

*Tất cả các dòng sông*

*Đều trở về biển cả*

*Cúng dường Phật và Tăng*

*Phước về mình cũng vậy.*

Đức Như Lai nói kệ ấy xong, lại vì mọi người giảng nói các bài pháp. Khi ấy năm trăm người nhóm ông Phất-ba-dục-đế ở trong các pháp xa cảnh trần, lìa các khổ đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

Lúc ấy Đức Thế Tôn cùng Tỳ-kheo Tăng từ chỗ ngồi đứng dậy, tiếp tục lên đường đến thành Ba-ba. Năm trăm người nhóm ông Phất-ba-dục-đế đều buồn bã thở than, cung kính tiễn đưa Đức Như Lai, lòng bồi hồi lưu luyến, nhìn theo rồi hầu như tuyệt vọng đành trở về. Khi Đức Thế Tôn đến thành Ba-ba, trong thành ấy có người thợ khéo giỏi tên là Thuần-đà, sở hữu một khu vườn rất mát mẻ, yên tĩnh. Đức Như Lai cùng các thầy Tỳ-kheo trước sau vây quanh đi đến vườn đó. Thuần-đà nghe tin Đức Phật và chúng Tăng đến khu vườn của mình thì hết sức vui mừng không thể tự kiềm chế, liền cùng các người thợ đồng đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ nơi chân Phật rồi ngồi qua một bên, thưa:

–Không rõ Đức Thế Tôn có duyên gì lại đến đây, và còn đi đâu nữa chăng?

Đức Thế Tôn đáp:

–Ta nay sở dĩ đến đây, là vì không bao lâu nữa Ta sẽ vào Niết-bàn. Vì vậy nên Ta đến đây để gặp nhau lần sau cùng.

Thuần-đà và các đồng nghiệp của ông nghe Phật dạy như vậy thì vô cùng ưu sầu, buồn thương, thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, nay Ngài bỏ chúng sanh không còn thương tưởng sao? Vì sao Ngài lại muốn vào Niết-bàn? Kính xin Đức Thế Tôn hãy duy trì thọ mạng trong một kiếp hoặc gần một kiếp.

Rồi họ lại vò đầu, bứt tai, thở than lớn tiếng:

–Than ôi, khổ thay! Con mắt của thế gian sắp mất. Tất cả chúng sanh từ nay về sau mãi chìm đắm trong biển sanh tử, chưa biết bao giờ mới ra khỏi. Vì sao? Vì Bạc Thầy dẫn dắt Vô thượng đã vào Niết-bàn!

Đức Thế Tôn bảo Thuần-đà:

–Ông nay không nên sanh tâm sầu não. Tất cả pháp hữu vi đều như vậy, đều là đời đổi, biến chuyển vô thường, mọi tụ hội ân ái tất phải biệt ly. Vì vậy, nay ông chớ nên ưu sầu.

Thuần-đà liền bạch Phật:

–Con nay cũng biết các hành là vô thường, mọi tụ hội ân ái thảy đều biệt ly. Nhưng Đấng Vô Thượng sẽ vào Niết-bàn, con sao khỏi buồn thương sầu não!?

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền vì Thuần-đà giảng nói các pháp. Thuần-đà nghe xong tâm trạng sầu thương giảm bớt, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn oai nghi, trích áo bày vai bên phải cung kính đánh lễ dưới chân Đức Phật, thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, xin nguyện vào ngày mai thọ nhận cho con cúng dường bữa ăn đạm bạc.

Đức Thế Tôn hứa nhận bằng cách yên lặng. Khi Thuần-đà biết Phật đã hứa, liền làm lễ nơi chân Ngài rồi lui ra. Thuần-đà về nhà, suốt chiều hôm đó lo sắm sửa nhiều món ăn uống ngon quý, sáng ngày mai tới giờ ăn sai người thân tín đến bạch Phật:

–Xin Đức Thế Tôn tự biết đúng thời.

Lúc ấy Đức Như Lai cùng các Tỳ-kheo trước sau vây quanh đi đến nhà Thuần-đà, theo thứ lớp mà vào chỗ. Thuần-đà thấy Phật và chúng Tăng đã an tọa, liền đi lấy nước tự tay rót mời, bỏ vào bát các món ăn thượng vị. Đức Thế Tôn cùng chúng Tăng dùng xong, rửa bát, trở về chỗ ngồi. Thuần-đà cũng ngồi gần đấy. Đức Thế Tôn bảo Thuần-đà:

–Ông nay đã làm được một việc phước rất ít có, là người sau cùng cúng dường cơm lện Phật và chúng Tỳ-kheo, phước báo này nhiều không thể cùng tận. Tất cả chúng sanh nên trồng các loại phước đức không thể bằng được, vậy ông nên sanh tâm hoan hỷ. Ta nay thọ nhận sự thỉnh cầu sau cùng, sẽ không còn nhận bữa ăn nào khác nữa.

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Ông nay đã tạo được  
Công đức thật ít có  
Cúng dường lần sau cùng  
Phật và Tỳ-kheo Tăng  
Công đức ngày càng tăng  
Sẽ không bao giờ hết.  
Ông nay phải tự mình  
Sanh tâm rất hoan hỷ  
Hết thấy chỗ tạo phước  
Không ai được như ông.*

Đức Thế Tôn nói kệ xong, liền bảo Tôn giả A-nan:

–Ta nay thân bệnh, muốn mau đến thành Cưu-thi-na.

Tôn giả A-nan cùng các thầy Tỳ-kheo và ông Thuần-đà nghe Phật nói lời ấy thì càng sầu khổ, xót xa rơi lệ không thể tự kiềm chế. Đức Thế Tôn liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cùng các Tỳ-kheo trước sau vây quanh đi đến thành Cưu-thi-na. Thuần-đà cùng với quyến thuộc theo sau Đức Như Lai. Trên đường đi, Đức Thế Tôn ghé vào cạnh một gốc cây nói với Tôn giả A-nan:

–Ta hiện nay đang bị đau bụng!

Rồi cùng A-nan ra đi, cách gốc cây ấy không xa bị ra máu, liền trở về lại chỗ cũ. Ngài dạy Tôn giả A-nan:

–Tôn giả hãy lấy y Tăng-già-lê cho Ta, xếp làm bốn lớp trải trên đất. Ta muốn ngồi nghỉ, không thể đi tiếp được.

A-nan vâng lời. Đức Thế Tôn liền ngồi nghỉ cạnh gốc cây, lại bảo Tôn giả A-nan:

–Ta nay rất khát nước. Tôn giả có thể đến sông Ca-quật-ta lấy nước sạch đến cho Ta.

A-nan thưa:

–Vừa rồi, có năm trăm cỗ xe của các người đi buôn, lội băng qua sông, khiến nước sông đục, sợ không uống được.

Đức Phật ba lần bảo Tôn giả A-nan lấy nước như vậy, nhưng A-nan cứ do dự, sau đó mới cầm bát ra đi. Đến dòng sông, Tôn giả thấy nước lãng trong, lòng rất sợ hãi, lông toàn thân dựng ngược, tự nghĩ: “Vừa rồi có năm trăm cỗ xe băng qua dòng nước nên ta nghĩ là nước còn đục, không ngờ nước liền trong, đến nỗi khiến ta như muốn trái nghịch với lời dạy của Đức Như Lai”. Rồi Tôn giả vội đem nước về dâng lên Phật, thưa:

–Lạ thay! Đức Thế Tôn, vừa rồi con thấy năm trăm cỗ xe của các người đi buôn băng qua sông, con ngại rằng trên dòng hay dưới dòng trong khoảng mười dặm hãy còn chưa lãng trong. Vậy mà do thần lực của Đức Thế Tôn nên chỉ trong khoảnh khắc nước liền lãng sạch.

Đức Thế Tôn liền nhận nước uống.

Bấy giờ có một vị tiên nhân dòng họ Mãn-la, tên là Phất-ca-sa, là đệ tử của tiên nhân Ca-lan, từ Cưu-thi-na đến thành Ba-ba. Trên đường đi chợt thấy Đức Như Lai đang ngồi nghỉ bên một gốc cây, liền ghé lại chấp tay chào hỏi, rồi ngồi qua một bên thưa với Đức Phật:

–Pháp của người xuất gia, công việc trọng yếu nhất là tọa thiền để điều phục các căn trần, khiến cho tâm không loạn, chuyên nhất, vắng lặng, chẳng hề sợ hãi. Vì sao? Nhớ lại ngày xưa đi theo thầy tôi là tiên nhân Ca-lan, đang đi thầy tôi vì mệt nên dừng nghỉ cạnh một gốc cây gần bên đường, rồi tọa thiền tư duy. Đang lúc ấy có các người buôn, đi trên năm mươi cỗ xe hướng về phía trước, thầy tôi khi đó còn đang ở trong cảnh giới vắng lặng, thân không dao động hồi lâu mới từ thiền định xuất. Tôi liền đến thưa: “Khi Tôn sư đang tọa thiền thì có các người buôn với năm mươi cỗ xe đi qua trước đường, tiếng vang như sấm động, không biết Tôn sư có thấy không?”. Thầy tôi trả lời: “Hoàn toàn không thấy”. Tôi lại hỏi: “Có nghe tiếng động kia chăng?”. Thầy tôi cũng đáp: “Không nghe”. Tôi liền bạch: “Trên áo của Tôn sư sở dĩ có bụi bám vào, ấy là do đoàn xe đi qua nên mới như vậy”. Lúc ấy tôi càng thấy rõ sự kỳ lạ, biết pháp tọa thiền rất đáng tôn trọng vì đã khéo thu nhiếp căn trần không cho loạn động.

Đức Thế Tôn nói với Phất-ca-sa:

–Những lời ông nói chưa phải kỳ lạ. Vì sao? Nếu lại có người chẳng phải ngủ say, lại cũng không phải đang nhập định Diệt tận, chỉ là chánh tâm tọa thiền. Có năm trăm cỗ xe đi qua trước người ấy, nhưng người này đều không biết, không nghe, như vậy mới có thể gọi là kỳ lạ.

Lại nữa, Phất-ca-sa, đấy cũng chưa đủ để gọi là rất kỳ lạ. Nếu lại có người chánh niệm tọa thiền, gặp lúc trời sấm sét chấn động, điện chớp sáng lòa. Khi ấy có hai anh em người cày ruộng nghe tiếng sấm sét sợ hãi mà chết. Lại còn có bốn con bò cũng bị sét đánh chết mà người tọa thiền không biết, không nghe. Như thế có được gọi là kỳ lạ không?

Phất-ca-sa thưa:

–Năm trăm cỗ xe đi qua trước mặt, không biết không nghe đã là kỳ lạ rồi, huống chi là sấm sét chớp sáng vang động trời đất mà cũng không nghe biết thì rất là hy hữu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Phất-ca-sa:

–Ta ngày xưa tại thôn A-xa-ma, cạnh một gốc cây, ngồi ngay thẳng tư duy. Khi ấy có năm trăm cỗ xe của các người lái buôn đi ngang qua trước mặt Ta mà Ta trong thiền tư không biết, không nghe. Các lái buôn đi qua hồi lâu thì Ta mới ra khỏi định. Lúc ấy các lái buôn từ xa thấy Ta đứng dậy, tất cả đều quay trở lại, nhìn trên thân Ta có bụi dơ bám vào y, họ liền phủi đi và hỏi: “Chúng tôi cùng năm trăm cỗ xe đã đi qua đây, Đức Thế Tôn có thấy không?”. Đáp: “Ta không thấy”. Lại hỏi: “Thế Tôn có thể tự nhắm mắt không quan sát, nhưng Ngài có nghe tiếng không?”. Ta lại đáp: “Cũng không nghe tiếng”. Lái buôn tự hỏi: “Thế Tôn đang ngủ hay nhập định Diệt tận?”. Ta đáp: “Ta khi ấy không ngủ, cũng chẳng phải vào định, chỉ đang ở trong thiền tư, cho nên không nghe thấy”. Các lái buôn nghe Ta nói như thế cho là rất kỳ lạ, khen ngợi là chưa từng có rồi nói: “Chỉ có diệu lực của sự tọa thiền mới được như vậy”. Ta liền vì họ mà giảng nói các pháp. Các vị lái buôn ấy liền ở nơi các pháp xa lìa mọi phiền não cấu uế, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

Lại nữa, Phất-ca-sa, Ta ngày xưa tại một thôn nọ đang ngồi một mình bên đám ruộng, vắng lặng thiền tư. Không lâu sau bỗng nhiên

trời nổi sấm sét, sấm chớp gió mưa chấn động cả trời đất. Khi ấy, có hai anh em đang cày ruộng bỗng nghe tiếng sét đều sợ hãi mà chết, lại có bốn con bò cũng bị sét đánh chết ngay. Người trong thôn nghe nói về sự việc vừa xảy ra hoặc là cha mẹ, vợ con, bạn bè của hai người xấu số kia cùng nhau đến thăm viếng, khóc lóc. Bấy giờ Ta mới từ thiền định tỉnh giác, thấy trên đất vương nước bùn, lại có mọi người tụ tập kêu khóc. Có một người đi đến, Ta liền hỏi: “Vì sao mọi người tụ tập than khóc như vậy?”. Người kia đáp: “Đức Thế Tôn, Ngài không nghe tiếng sét đánh, cùng sấm chớp sao? Trong thôn tôi, có hai anh em đang cày ruộng nơi này đều bị sét đánh chết và bốn con bò cũng bị như vậy. Vì sao Đức Thế Tôn lại không biết? Đức Như Lai lúc ấy đang ngủ hay nhập định Diệt tận?”. Đáp: “Ta khi ấy không ngủ cũng không nhập định mà đang tĩnh lặng ngồi thiền cho nên không nghe”. Người ấy nghe Ta nói như vậy cho là rất kỳ lạ, khen ngợi là chưa từng có, trong lòng tự nghĩ: “Do tọa thiền nên mới có năng lực như vậy”. Ta liền vì thế giảng nói Chánh pháp. Họ đã được nghe pháp rồi liền ở trong các pháp xa lìa cấu nhiễm, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

Phất-ca-sa nghe Phật dạy như vậy, sanh tâm cho là ít có, thưa với Phật:

–Khi tôi thấy thầy tôi ngồi thiền, năm mươi cỗ xe đi qua mà không nghe biết, cho đó là việc kỳ lạ. Nay nghe Như Lai kể lại hai trường hợp ấy thật gấp trăm ngàn vạn lần, không thể so sánh. Diệu lực thiền định của Như Lai thật không thể nghĩ bàn.

Rồi Phất-ca-sa bèn theo Phật thọ ba quy y. Như Lai lại vì ông giảng nói các pháp thâm diệu. Ông ấy nghe pháp, tâm ý được khai ngộ, xa lìa phiền não cấu nhiễm được Pháp nhãn thanh tịnh. Ông liền nói với người hầu:

–Ông hãy lấy đem đến cho ta hai xấp vải kiếp-bối màu hoàng kim. Ta muốn dâng lên Phật.

Người hầu vâng lời liền lấy vải quý đem đến. Phất-ca-sa tay cầm xấp vải cung kính quỳ thẳng trước Phật, thưa:

–Con nay đem xấp vải này dâng lên Đức Thế Tôn, cúi mong Thế Tôn thương xót mà thọ nhận.

Đức Thế Tôn nói với Phất-ca-sa:

–Ta nay vì ông nhận lấy một xấp vải. Xấp còn lại có thể đem cúng dường cho Tôn giả A-nan. Vì sao vậy? Vì Tôn giả A-nan ngày đêm gần gũi hầu hạ bên Ta, vả lại hôm nay đã hết lòng chăm sóc thân bệnh cho Ta. Nếu có thí chủ bố thí người bệnh và người chăm sóc bệnh, thì đấy gọi là bố thí lớn lao, đầy đủ nhất.

Phất-ca-sa nghe Phật dạy như vậy thì rất hoan hỷ, liền lấy một xấp vải đặt nơi chân Phật, lại đem một xấp đến chỗ Tôn giả A-nan quỳ thẳng thưa:

–Nay con đem xấp vải này cúng dường Tôn giả, mong được thọ nhận.

Tôn giả A-nan đáp:

–Lành thay, lành thay! Nay ông đã tin theo lời dạy của Bạc Thầy nơi cửa trời người, khiến ông trong suốt cuộc đời mình luôn được an lạc, ta nay vì ông mà nhận lấy.

Phất-ca-sa trở về chỗ Phật. Như Lai lại vì ông giảng nói các pháp. Ông nghe pháp rồi liền đạt được quả A-na-hàm. Khi ấy Phất-ca-sa lại bạch Phật:

–Con nay muốn nương pháp Phật xin được xuất gia.

Phật liền gọi: “Thiện lai Tỳ-kheo”. Tức thì râu tóc tự rụng, áo ca-sa mặc vào thân liền thành Sa-môn, đăc quả A-la-hán.

Bấy giờ Đức Như Lai từ trên mặt của người phóng ra các loại ánh sáng màu xanh, vàng, đỏ, trắng, óng ánh như pha lê. Tôn giả A-nan liền đảnh lễ nơi chân Phật, quỳ thẳng chắp tay, thưa:

–Không rõ Đức Thế Tôn do nhân duyên gì mà hiện tướng lành này?

Phật liền đáp:

–A-nan nên biết, Ta có hai nhân duyên mà phóng hào quang lớn: Một là khi ở bên gốc cây Bồ-đề sắp thành đạo, liền phóng hào quang.

Hai là khi sắp vào Niết-bàn cũng phóng ra hào quang lớn.

Này A-nan, Tôn giả biết chăng, Ta thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vào khoảng cuối đêm và khi nhập Niết-bàn cũng vào thời gian ấy. Tôn giả nay nên biết, ngay trong hôm nay, sau nửa đêm, tại thành Cưu-thi-na, vùng đất sinh hoạt của các lực sĩ bên dòng sông Hy-liên, giữa hai cây Sa-la, Ta sẽ nhập Niết-bàn.

Đức Phật vừa nói xong, các chúng Tỳ-kheo, kể cả chư Thiên trên không đều buồn thương than khóc không thể tự kiềm chế. Khi ấy Đức Thế Tôn cùng các thầy Tỳ-kheo đến sông Ca-quật-tha. Ở đấy sau khi tắm gội xong, Ngài cùng các thầy Tỳ-kheo ngồi nghỉ bên bờ sông.

Lúc ấy ông Thuần-đà trong lòng tự trách: “Đức Thế Tôn do thọ dụng bữa cơm cúng dường của ta, bị đau bụng nên sắp vào Niết-bàn”. Đức Thế Tôn biết tâm niệm của Thuần-đà, nên bảo Tôn giả A-nan:

–Tôn giả nay nên biết, tất cả chúng sanh chớ tự trách: “Như Lai vì thọ dụng bữa cơm của mình đã khiến cho thân Ngài bị bệnh mà vào Niết-bàn. Vì sao vậy? Đức Như Lai xuất hiện ở đời có hai hạng người đạt được phước tối thượng:

Một là khi Như Lai sắp thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà được đến để cúng kính bố thí.

Hai là khi Đức Như Lai sắp vào Niết-bàn mà được cúng dường bữa ăn sau cùng.

Hai người làm công việc cúng dường này phước đức bằng nhau không khác, phước báo nhận được không thể tính kể. Hai lần cúng dường ấy rất khó gặp được, như hoa Ưu-đàm-bát lâu lâu mới có.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với Thuần-đà:

–Nay trong tâm của ông chính đang có ý niệm ấy. Ông không nên tự sanh tâm hối trách như thế. Đã có được phước đức quý báu vô thượng khó gặp thì nên tự sanh tâm vui mừng, vinh hạnh. Trong trăm ngàn vạn kiếp, danh hiệu của Phật rất khó được nghe. Tuy được nghe danh, gặp Phật lại càng khó. Tuy được gặp Phật, cúng dường Phật lại khó hơn. Tuy được cúng dường Phật mà được cúng dường trong hai trường hợp khi sắp Thành đạo và sắp vào Niết-bàn lại càng khó hơn nữa. Ông nay đã được phước báo, không bao lâu sẽ đạt được trí tuệ biện tài, sức khỏe, dung mạo, thọ mạng.

Thuần-đà nghe Đức Phật dạy như thế, tâm sanh hoan hỷ vô cùng, bèn bạch Phật:

–Sung sướng thay! Bạch Đức Thế Tôn, con nay đã được lợi lạc lớn lao như vậy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

*Kẻ bố thí được phước  
 Người tâm từ không oán  
 Làm lành hay trừ ác  
 Là dục không phiền não  
 Khéo hành được hạnh ấy  
 Không lâu vào Niết-bàn.*

Đức Thế Tôn nói kệ xong, liền bảo Thuần-đà:

–Ông nay nên đem việc đạt được phước báo do sự cúng dường Phật lần sau cùng này, vì mọi người mà rộng nói, khiến người nghe luôn đạt được an lạc trong suốt cuộc đời mình.

Rồi Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Ta nay muốn đến thành Cưu-thi-na, vùng đất sinh hoạt của các lực sĩ, bên dòng sông Hy-liên, giữa hai cây Sa-la.

Tôn giả A-nan thưa:

–Xin vâng, bạch Đức Thế Tôn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn cùng các thầy Tỳ-kheo trước sau vây quanh, cùng nhau lên đường, vượt qua sông Hy-liên, đến trụ bên ngoài rừng Sa-la thuộc thành Cưu-thi-na, vùng đất phát sinh các lực sĩ.

Đức Phật nói với Tôn giả A-nan:

–Tôn giả hãy đi vào rừng Sa-la, thấy có hai cây đứng riêng một nơi thì quét dọn dưới đất cho thật sạch sẽ, xếp chỗ treo giường dây, đầu hướng về phía Bắc. Ta nay thân thể rất mỏi mệt.

Tôn giả A-nan và các thầy Tỳ-kheo nghe Phật dạy như thế thì càng thêm buồn thương. Tôn giả A-nan rời lệ vâng theo lời dạy đi đến chỗ có hai cây Sa-la đứng riêng một nơi, quét dọn, sắp đặt, treo giường dây thả đều đúng như pháp, rồi trở về bạch Phật:

–Thưa, con đã quét dọn, xếp đặt, thả đều hoàn tất.

Lúc ấy Đức Thế Tôn cùng các thầy Tỳ-kheo đi vào rừng, đến nơi hai gốc cây Sa-la. Ngài lên giường, nghiêng hông bên phải, xếp chân lên nhau mà nằm, như sư tử ngủ, chánh niệm tỉnh giác. Khi ấy hai cây Sa-la bỗng nhiên trở hoa, rơi trên thân Như Lai. Đức Thế Tôn liền hỏi Tôn giả A-nan:

–Tôn giả có thấy cây Sa-la này chẳng phải thời mà trở hoa để cúng dường Ta chăng?

Tôn giả A-nan đáp:

–Dạ thưa, có thấy.

Bấy giờ tám bộ chúng trời, rồng, quý thần, ở trong hư không tuôn rải các loại hoa vi diệu tươi đẹp như: hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha mạn-thù-sa lần lượt rơi trên thân Đức Phật. Chư vị ấy lại còn tung rải các thứ hương thơm như ngũ đầu, chiêm đàn; cùng tấu khúc nhạc trời, ca bệ chúc tụng, tán thán. Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Tôn giả có thấy trên hư không, hàng chư Thiên cùng tám bộ chúng cúng dường Ta chăng?

A-nan bạch:

–Dạ thưa có thấy.

Đức Thế Tôn lại nói:

–Người muốn cúng dường Ta để báo đáp ân đức, quyết không phải chỉ dùng hương hoa, hòa nhạc như thế này, mà là phải giữ giới cho thanh tịnh, đọc tụng kinh điển, suy nghĩ về nghĩa lý của các pháp sâu xa vi diệu. Như thế mới đúng gọi là cúng dường Ta.

Lúc ấy có một Tỳ-kheo tên Ưu-ba-ma-na, lúc Như Lai chưa chọn Tôn giả A-nan làm thị giả, thì vị này thường làm công việc hầu hạ, chăm sóc Như Lai. Khi Ưu-ba-ma-na thấy Đức Như Lai nằm xuống giữa hai cây Sa-la thì rất buồn khổ, nên đứng ngay trước chỗ Phật. Đức Thế Tôn bảo:

–Thầy không nên đứng ở trước chỗ Ta.

Ưu-ba-ma-na liền đứng qua một bên. Tôn giả A-nan thấy thế liền sanh nghĩ hoặc, suy nghĩ: “Ta làm thị giả Đức Phật đến nay trải qua đã nhiều năm, chưa từng thấy Ngài dạy lời như thế. Hôm nay vì lý do gì mà không cho đứng ở trước? Đức Như Lai không còn bao lâu sẽ vào Niết-bàn; mà lại không cho đệ tử đứng trước buồn khóc!”. Tôn giả A-nan liền đánh lễ nơi chân Phật, rồi quỳ thẳng, chấp tay bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, con từ xưa hầu hạ Phật thường đứng trước Đức Thế Tôn, chưa từng nghe dạy con phải bước lui. Nay vì sao Ngài dạy Ưu-ba-ma-na phải tránh ra không được đứng ở trước?

Phật dạy:

–Này Tôn giả A-nan, tám bộ chúng như trời, rồng, thần... nghe

Ta đang ở nơi giữa hai cây Sa-la, nằm nghiêng hông bên phải, đều cùng nhau đến để được thấy và chiêm ngưỡng Ta. Từ trong hư không cho đến khắp trên mặt đất, bốn phía đều có mặt kín cả, choán đến ba mươi hai du-xà-na. Tỳ-kheo Ưu-ba-ma-na ấy nếu đứng trước Ta, thì tám chúng trời, rồng, thần... sẽ sanh tâm không hoan hỷ, đều nghĩ rằng: “Nay Đức Như Lai đang ở nơi hai cây Sa-la, không bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn, đây là lúc chúng ta được nhìn thấy và chiêm ngưỡng lần sau cùng vậy mà vị Tỳ-kheo này đã đứng choán chỗ trước Phật”. Do đó mà Ta phải bảo Ưu-ba-ma-na tránh qua một bên.

A-nan, Tôn giả biết chãng, hiện tại đây trong tám bộ chúng ấy, hoặc có người buồn khóc không thể tự kiềm chế, hoặc có vị thì sầu não, mê loạn, buồn thương hết mực, hoặc có người dùng tay tự vò đầu, bứt tóc, hoặc có vị vứt bỏ hết các đồ trang sức nơi thân, thấy đều đồng thanh nói lớn: “Đức Như Lai nay vào Niết-bàn, sao mà vội thế! Như Lai xuất hiện ở đời khó mà gặp gỡ, như hoa Ưu-đàm-bát lâu lâu mới có, vậy mà nay lại sắp vào Niết-bàn. Than ôi, khổ thay! Con mắt của thế gian sắp mất. Từ nay ai là người để cho chúng ta hưởng về và được dẫn dắt”. Các vị trời đã được lìa dục đều than: “Hỡi ôi! Thế gian thật là vô thường, chỉ không có thọ sanh thì mới không bị trở về hoại diệt!”. Lại nữa, nhóm chư Thiên kia cùng nhau nói: “Đức Thế Tôn ngày trước nơi thành Tỳ-da-ly, hay tại thành Vương xá, hoặc tại nước Xá-vệ và các nơi chốn khác an cư xong, các chúng Tỳ-kheo từ bốn phương cùng trở về thăm hỏi Đức Thế Tôn. Chúng ta nhân đấy, được ở bên đường trông thấy các Tỳ-kheo lễ bái cúng dường, đã lắng nghe lãnh hội kinh pháp, đạt được phước lợi lâu dài. Đức Thế Tôn nay sắp vào Niết-bàn, các chúng Tỳ-kheo Tăng an cư xong, không còn trở về thăm hỏi, vấn an Đức Thế Tôn như trước. Đi qua các chốn cũ, chúng ta cũng không còn ở bên đường trông thấy các Tỳ-kheo lễ bái, cúng dường Phật, được nghe giảng và lãnh hội kinh pháp. Từ nay vĩnh viễn mất đi phước lợi như thế”.

Bấy giờ Đức Như Lai bảo Tôn giả A-nan:

–Nếu các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, sau khi Ta diệt độ, có thể phát tâm đi đến bốn chỗ liên quan tới Ta thì sẽ đạt được công đức không thể tính kể, đời sau thọ sanh thường được làm thân trời, người, được phước báo an lạc không cùng tận. Bốn nơi ấy là gì?

Vườn Lâm-tỳ-ni, thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ, nơi Đản sanh của Như Lai khi là Bồ-tát.

Cội Bồ-đề nơi Ta ngồi xưa kia để thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ở nước Ma-kiệt-đà.

Vườn Lộc dã, trụ xứ của tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại, nơi Ta chuyển pháp luân.

Hai cội cây trong rừng Sa-la, bên dòng sông Hy-liên, vùng đất phát sinh các lực sĩ, thuộc nước Cưu-thi-na, nơi Ta vào Niết-bàn.

Đó là bốn chỗ. Nếu các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và tất cả mọi người, kể cả đồ chúng của ngoại đạo, phát tâm muốn đến bốn chỗ ấy để lễ bái thì sẽ đạt được công đức như trên đã nói.

Bấy giờ Tôn giả A-nan nghe Phật dạy như thế liền bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, từ nay con sẽ truyền lại rộng khắp cho đệ tử bốn chúng biết rõ về nơi chốn ấy, nếu đến lễ bái thì sẽ đạt được công đức như vậy.

Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

–Nếu có các hàng Ưu-bà-di phát thiện tâm, khéo giữ giới hạnh, ưa thích nghe kinh pháp, muốn thấy các Tỳ-kheo thì chúng con từ nay sẽ nên xử trí thế nào?

Phật dạy:

–Các vị từ nay chớ nên cùng họ gặp gỡ.

A-nan thưa:

–Khỏi cần gặp gỡ họ, nhưng nếu phải gặp thì nên như thế nào?

Phật dạy:

–Chớ cùng họ nói chuyện.

A-nan thưa:

–Không cùng họ nói chuyện nhưng nếu họ thưa thỉnh muốn được nghe kinh pháp thì phải thế nào?

Phật dạy:

–Nên vì họ giảng nói giáo pháp, song phải khéo thu giữ thân, miệng, ý.

Tôn giả A-nan lại bạch Đức Thế Tôn:

–Chúng con từ nay xin ý như vậy mà phụng hành.

Rồi Tôn giả A-nan thưa hỏi:

–Đức Thế Tôn sau khi vào Niết-bàn, phép cúng dường thân xá-lợi nên như thế nào?

Phật dạy:

–Tôn giả nay khỏi phải lo việc này, chỉ nên tự suy nghĩ về cách hộ trì giáo pháp sau khi Ta diệt độ, đem những điều được nghe từ trước, hoan hỷ vì người giảng nói. Vì sao? Vì chư Thiên sẽ đảm nhận lo việc cúng dường thân Ta. Lại còn có các Bà-la-môn, các vị vua, các Trưởng giả, Cư sĩ, những người này sẽ cùng đảm đương công việc cúng dường thân Ta.

A-nan thưa:

–Tuy đã có các hàng trời, người phát tâm cúng dường, nhưng con không biết nên dựa theo pháp nào?

Phật dạy:

–A-nan, muốn cúng dường thân Ta thì theo như pháp cúng dường thân Chuyển luân thánh vương.

Tôn giả A-nan lại hỏi:

–Cúng dường Chuyển luân thánh vương, pháp ấy như thế nào?

Phật dạy:

–A-nan, pháp cúng dường Chuyển luân thánh vương là: dùng bông mới sạch và lụa mịn cùng quấn quanh thân, quấn như vậy đủ cả ngàn lớp, đặt thi thể vào kim quan. Lại dùng quách bằng bạc bọc kim quan ở trong. Rồi quách bằng đồng bọc quách bằng bạc ấy. Đem quách bằng sắt bọc quách bằng đồng. Như vậy, sau mới rưới các thứ dầu thơm, đem các loại hoa hương rải vào trong quan. Sau đó tấu các loại nhạc, ca ngâm tán tụng rồi mới đậy nắp quan. Tiếp, tạo xe báu lớn, cao rộng, có mái che, có lan can, trang trí tôn nghiêm, rồi đặt kim quan lên xe. Lại ở trong thành, tạo chỗ trà tỳ, phải quét dọn bốn bề sạch sẽ, đem gỗ quý chiên đàn và các loại danh hương nhóm lại thành đống lớn, trên đó trải tấm lụa dày, dùng màn trướng báu lớn che ở trên. Sau đó mới đưa xe chở kim quan đến chỗ trà tỳ, đốt hương, rải hoa, tấu nhạc cúng dường, đi nhiều quanh đống hương liệu kia bảy vòng, rồi mới thỉnh kim quan đặt trên đống hương liệu, dùng dầu thơm rưới vào, pháp châm lửa phải bắt đầu từ dưới thấp. Trà tỳ xong, thì thân lấy xá-lợi đặt trong bình vàng, ngay ở chỗ đó nên tạo dựng tháp, xây chùa, trang nghiêm, treo các thứ cờ phướn, lọng báu, đông đảo dân chúng

đến lễ bái thì thường ngày đốt hương, rải hoa cúng dường.

A-nan nên biết, pháp cúng dường bậc Chuyển luân thánh vương, sự việc là như vậy. Trà tỳ thân Ta cùng với vua không khác, nhưng tạo tháp thờ thì khác với nhà vua. Nên tạo tháp, dựng chùa trang nghiêm, treo chín cái lọng. Nếu có chúng sanh treo các thứ cờ phướn, lọng báu, đốt hương rải hoa, thấp đuốc, đèn, lễ bái, tán thán, nơi tháp thờ xá-lợi, thì những người ấy sẽ đạt được phước lợi lớn trong suốt cuộc đời mình. Về sau không lâu, cũng lại có người khác tạo dựng tháp lớn cúng dường thân kia. Tôn giả A-nan nên biết, tất cả chúng sanh đều không có tháp, chỉ có bốn người mới được lập tháp:

Một là Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn luôn thương xót chúng sanh, có thể làm ruộng phước tốt nhất cho thế gian, nên tạo dựng tháp thờ.

Hai là bậc Bích-chi-phật, do suy nghĩ về các pháp mà tự giác ngộ cũng có thể làm phước lợi cho dân chúng trong thế gian, nên tạo dựng tháp thờ.

Ba là bậc A-la-hán, tùy chỗ nghe pháp mà suy nghĩ, dứt hết các lậu hoặc, cũng có thể làm phước lợi cho dân chúng trong thế gian, nên tạo dựng tháp thờ.

Bốn là hàng Chuyển luân thánh vương, nhiều kiếp đã vun trồng phước đức sâu dày, có oai đức lớn, là vua của bốn cõi thiên hạ, đầy đủ bảy thứ báu, tự mình thực hành mười điều thiện, lại khuyến khích mọi người trong bốn cõi thiên hạ cũng thực hành mười điều thiện, nên tạo dựng tháp thờ.

A-nan nên biết, nếu có chúng sanh đem các phẩm vật cúng dường nơi tháp ấy thì người ấy sẽ đạt được phước đức, theo thứ lớp sai biệt từ cao xuống thấp.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy như thế, tâm sanh sầu não, buồn thương khóc lóc, bước lui phía sau cách Phật không xa, than thầm: “Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học, ở trong các pháp chưa đạt được nẻo thâm diệu mà Bậc Thầy của trời người sắp bỏ ta để vào Niết-bàn. Ta khi nào mới bước được vào đường giải thoát?”. Than như thế rồi đưa tay vin vào một cành cây, tay kia thì vò đầu, muôn phần xót xa, tuyệt vọng.

Đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

–Tôn giả A-nan hiện đang ở đâu?

Các thầy Tỳ-kheo thưa:

–Tôn giả A-nan đang ở cạnh gốc cây, phía sau Đức Như Lai, than khóc một mình.

Phật lại bảo thầy Tỳ-kheo:

–Thầy có thể đến chỗ kia bảo Tôn giả A-nan: “Bậc Thầy của trời người nay muốn thấy Tôn giả”.

Thầy Tỳ-kheo vâng theo lời dạy của Như Lai đến nói với Tôn giả A-nan. Tôn giả nghe xong liền trở về, đến ngay chỗ Phật, cung kính đánh lễ rồi đứng qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi Tôn giả A-nan:

–Những ngày gần đây Ta đã nói với Tôn giả: “Tất cả các hành đều là vô thường, thương yêu gặp gỡ tất phải xa lìa”, ông nay sao còn sanh tâm buồn thương quá thế như vậy? Lại nữa A-nan, ông từ trước đến nay làm thị giả cho Ta, gần gũi, đảm đang mọi việc, tới lui qua lại, sắp xếp khách viếng đều luôn đúng pháp, hợp cách. Lại thấy ông ba nghiệp thân, miệng, ý đều thanh tịnh, không có lỗi lầm, ông đạt được phước lợi thật là vô lượng.

Đức Thế Tôn lại nói với các thầy Tỳ-kheo:

–Tôn giả A-nan không nên quá buồn thương như vậy. Vì sao vậy? Vì không bao lâu nữa Tôn giả sẽ đạt đến chỗ giải thoát. Các thầy Tỳ-kheo nên biết, chư Phật thời quá khứ đều có thị giả như Tôn giả A-nan hiện nay, các Đức Phật thời vị lai cũng lại như vậy. Các thầy Tỳ-kheo nên biết, Tôn giả A-nan hiện tại là một thị giả có trí tuệ sâu xa, thông minh, lợi căn. Ta từ trước đến nay giảng nói vô số các pháp, Tôn giả A-nan đều ghi nhớ, giữ gìn không quên.

Lại nữa, các thầy Tỳ-kheo, Tôn giả A-nan khéo biết sắp xếp thời gian các trường hợp tới lui đúng pháp. Nếu có khách muốn đến yết kiến Ta, Tôn giả A-nan đều suy tính trước một cách hợp lý để cho họ được gặp Đức Thế Tôn: khi nào thì dành cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, khi nào thì dành cho các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, khi nào thì đến lượt các hàng Bà-la-môn, Sát-lợi, Trưởng giả, Cư sĩ, kể cả các chúng ngoại đạo. Như vậy những vị đến xin gặp Ta và nghe giảng pháp, thấy đều đạt được rất nhiều công đức phước lợi. Vì sao vậy? Vì tất cả đều do Tôn giả A-nan thông báo và dẫn dắt đến gặp Ta đúng

lúc, khiến cho họ căn lành được thành tựu trọn vẹn.

Lại nữa, các thầy Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có bốn pháp hy hữu đặc biệt:

Nếu các hàng Bà-la-môn đi đến chỗ ở của Chuyển luân thánh vương, đến nơi thấy dung mạo của vua đoan nghiêm, oai đức lộ rõ, thì sanh tâm hoan hỷ. Lại được nghe vua nói, âm thanh ngôn từ trong suốt thì cũng sanh hoan hỷ, cho đến thấy vua im lặng không nói thì trong lòng cũng phấn khởi. Rồi khi từ giả nhà vua trở về chỗ cũ của mình ai cũng lưu luyến mến mộ, bước từng bước mà buồn thương bứt rứt như người đói khát không được no đủ.

Các vị Sát-lợi.

Các vị Tỳ-xá.

Các vị Thủ-đà-la cũng lại như vậy.

Đó là bốn việc đặc biệt ít có của Chuyển luân thánh vương. Nên biết, Tôn giả A-nan cũng có bốn việc đặc biệt như vậy:

Các thầy Tỳ-kheo từ phương xa trở về, nhằm vấn an thăm hỏi Ta, thứ đến gặp Tôn giả A-nan đều sanh tâm hoan hỷ, nghe Tôn giả nói pháp và gặp lúc lặng thinh, cũng đều vui thích, từ biệt mà đi, đều lưu luyến mến mộ không dứt.

Các vị Tỳ-kheo-ni.

Các hàng Ưu-bà-tắc.

Các hàng Ưu-bà-di cũng lại như vậy.

Các vị nên biết, A-nan có bốn việc đặc biệt như thế. Đức Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Nay Tôn giả không nên tự sanh khổ não than thở: “Bậc Thầy của trời, người sắp vào Niết-bàn, Ta nay không còn cơ hội để mong đạt được giải thoát”. Vì sao? Phạm những gì Ta đã thuyết giảng tức tất cả kho tàng giáo pháp, sau khi Ta diệt độ, phải nên suy nghĩ phụng trì, tinh tấn tu tập, không bao lâu tự mình sẽ đạt được giải thoát.

Lúc ấy Tôn giả A-nan được Đức Như Lai dùng Phạm âm an ủi, nên mọi ưu phiền sầu khổ đã giảm bớt. Tôn giả liền bạch Phật:

–Còn nay trong lòng có chút tỉnh ngộ, muốn được thưa thỉnh, kính xin Thế Tôn thương xót.

Đức Phật đáp:

–Tôn giả muốn thưa điều gì cứ nói.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Thành Cưu-thi-na này so với các nước lớn rất là xa cách nhỏ hẹp, dân chúng cũng không đông đúc, phồn thịnh. Kính mong Đức Thế Tôn đi đến các nước lớn khác như thành Vương xá, thành Tỳ-da-ly, thành (nước) Xá-vệ, thành Ba-la-nại, thành A-du-xà, thành Chiêm-ba, thành Câu-diêm-di, thành Đức-xoa-thi-la. Các thành như thế dân chúng đông đảo, sung túc, đất nước lại thịnh vượng, an lạc, người nhiều tín tâm, trí tuệ, thông minh. Kính mong Đức Thế Tôn đi đến các thành ấy để vào Niết-bàn, nhân dân trong những thành đó sẽ đạt được lợi ích lớn.

Đức Thế Tôn đáp:

–Tôn giả nay không nên thưa thỉnh Ta mà nói: “Thành Cưu-thi-na này là xa xôi nhỏ hẹp!”. Tôn giả nên lắng nghe, Ta nay sẽ vì ông mà nói rõ. Nay A-nan, về thời quá khứ xa xưa, thành Cưu-thi-na này có vị Chuyển luân thánh vương tên là Đại Thiện Kiến, đầy đủ bảy món báu. Vua có ngàn người con, có năng lực hàng phục giặc oán, đều dùng chánh pháp để giáo hóa muôn dân. Lúc bấy giờ thành ấy có tên là Cưu-thi-bà-đế. Từ cửa Đông đến cửa Tây cách nhau mười hai du-xà-na. Cửa Nam, cửa Bắc cách nhau tám du-xà-na. Bốn mặt đều có bảy lớp thành bao quanh: lớp thứ nhất ở trong thành hoàn toàn dùng bằng vàng, lớp thứ hai xây dựng bằng bạc, lớp thứ ba tạo dựng bằng lưu ly, lớp thứ tư bằng pha lê, lớp thứ năm bằng xa cừ, lớp thứ sáu bằng mã não, lớp thứ bảy do các thứ báu hợp lại tạo nên.

Trong thành, lầu gác có đến bảy tầng, cửa sổ lan can đều dùng bảy báu để chạm trổ, trang trí. Trên cao giăng lưới treo các linh báu, khoảng cách nhau với mặt đường xa một lần tên. Thành có bốn cửa lớn, muốn vào thành phải qua chín lớp cửa đều trang hoàng uy nghiêm, sáng đẹp, vui mắt. Bên ngoài bảy lớp thành đều có ao nước, nước ấy trong sạch có đủ tám thứ công đức, đều dùng bảy báu để làm bậc thêm. Có các loài chim như: loan, phượng, khổng tước, le le, vịt nước, uyên ương bay lượn lên xuống, nhảy múa ca hát. Nơi ao nước lại có các thứ hoa như Cưu-mâu-đầu, Uất-ba-la, Phân-đà-lợi, hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng màu sắc xen kẽ. Trên bờ thì có bảy hàng cây báu, mỗi hàng cây đều được tạo thành do các loại báu khác nhau. Gió nhẹ thổi qua cành cây, lá kêu xào xạc, âm thanh như nhạc trời.

Dân chúng trong thành đều no đủ, an ổn giàu vui, cuộc sống rất là sung túc, năm dục không thiếu cũng như nơi cõi trời Đạo-lợi. Trên đường đi treo nhiều hạt ngọc minh châu, dân chúng qua lại không kể đêm ngày.

Thành ấy luôn có mười loại âm thanh: tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe cộ, tiếng trống, tiếng loa, tiếng của các loại đàn cầm, đàn sắt, tiếng khua chuông, đánh khánh thiết lập đại hội, tiếng ca ngợi những người trì giới, thứ mười là tiếng cùng nhau bàn luận giảng nói Phật pháp.

Vua Đại Thiện Kiến có các uy đức, thân tướng đoan nghiêm bậc nhất, mọi người trông thấy đều kính mến lại được sống lâu, an lạc, thân không tật bệnh. Vua là người nhân từ, thương nhớ tất cả chúng sanh, như người cha yêu mến các con. Tất cả dân chúng luôn tôn kính đức vua, cũng như đối với người cha lành.

Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến những lúc muốn ra khu vườn rừng ngắm cảnh vui chơi, thì cho chỉnh đốn bốn thứ binh chủng, số lượng đến tám vạn bốn ngàn quân. Lại nữa, trong cung, phu nhân và tám vạn bốn ngàn thê nữ cũng được lên xe theo vua cùng đi. Khi ấy vua ra lệnh cho các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ trong nước đều theo đức vua cùng đi dạo chơi. Sửa soạn sắp đặt xa giá xong xuôi, khi ấy vị quan chủ binh vào tâu vua: “Bốn binh chủng đã sẵn sàng, mong đức vua biết thời”. Bấy giờ nhà vua ngự trên xe voi trắng, cùng các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, các đại thần, quyến thuộc và bốn binh chủng trước sau vây quanh, đi đến khu vườn rừng; voi đi rất nhanh tựa như gió lướt. Bấy giờ, các vị đại thần, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ cùng can gián vua:

–Đại vương ở lâu trong thâm cung, dân chúng bên ngoài ít có nhân duyên thấy vua. Nay ngài đến khu vườn rừng du ngoạn, tất cả dân chúng đang đứng chật hai bên đường, đều mong muốn được chiêm ngưỡng đại vương. Do việc ấy, mong ngài ra lệnh cho người dẫn đường không cần đi nhanh.

Vua nghe lời liền bảo người hầu nên cho xe đi từ từ; dân chúng hai bên đường mặc sức chiêm ngưỡng đức vua, như con thấy cha. Khi ấy vua trông thấy các nơi ngã tư đường đều bằng phẳng, bầy hàng cây báu la liệt rợp bóng im mát mà thiếu ao nước, vua liền ra lệnh

cho một vị quan, bên lề đường tạo các ao bảy báu, khoảng rộng cách nhau đến cả trăm cung, trồng thêm các loại hoa nổi tiếng. Cũng ra lệnh trong mỗi ao đều cho người trông coi giữ gìn. Nếu người đến tắm thì có nước hoa thơm, đồ ăn uống, tùy ý sử dụng, cung cấp như vậy không kể ngày đêm. Lại ra lệnh cho các cận thần: từ nay về sau dân chúng nơi phương xa có đến cầu xin, tùy theo sự cần dùng mà cung cấp cho họ.

Sau khi đến khu vườn rừng, vua cùng các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, đại thần xem cảnh, vui chơi thích thú, cho đến trời chiều; ngọc minh châu chiếu sáng như ban ngày, không còn thấy bóng mặt trời mới biết là ban đêm. Khi ấy vua cùng các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, các quan và dân vui chơi xong thì cùng trở về cung.

Một ngày khác, các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ cùng các đại thần đem các thứ châu báu giá trị nổi tiếng dâng lên vua. Đức vua nói:

–Những ngày gần đây ta đi dạo chơi nơi khu vườn rừng, đã bảo các vị đại thần từ đây trở đi có người đến cầu xin thì theo đấy mà cấp cho họ. Ta làm việc bố thí đến như vậy, các khanh sao còn đem vật báu hiến cho ta?

Nhà vua tự nghĩ: “Những người sở dĩ đem vật báu đến dâng cho ta đều là do tài sản của những người giàu sang trong nước. Tài sản ấy đều do người nghèo đem đến”. Vua liền dạy quan giữ kho đem các thứ châu báu và đồ cần dùng để tại ngã tư đường, đánh trống, khua chuông kêu gọi người ở xa trong bốn phương biết: “Nay vua Đại Thiện Kiến mở kho báu để bố thí. Nếu ai cần dùng, tùy ý đến lấy”. Vua thường như vậy, rộng thực hành việc bố thí đem lại lợi ích cho chúng sanh không kể ngày đêm.

Bấy giờ các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ trong nước, cùng các vị đại thần tâu với nhà vua:

–Thưa đại vương, cung điện của đại vương đang ở thật quá chật hẹp. Chúng thần mỗi khi đến thăm hỏi đức vua, đám tùy tùng không có chỗ dung nạp. Kính xin đại vương mở rộng cung điện cho thật rộng lớn.

Vua nghe tâu, lặng yên chấp nhận, tự suy nghĩ: “Ta nay nên mở rộng cung điện thành trì”. Khi ấy trời Đế-thích biết tâm niệm của vua, liền gọi một vị Thiên tử tên là Tỳ-thủ-kiến-ma rất tài giỏi, làm được mọi việc, đến dạy:

–Nay dưới cỡi Diêm-phù-đề, vua Chuyển luân thánh vương tên là Đại Thiện Kiến, muốn mở rộng cung điện, thành trì, ông có thể xuống làm người thợ giỏi, khiến nơi ấy trở thành chốn trang nghiêm đẹp đẽ, chạm trổ, trang hoàng cũng như cung điện của ta không khác.

Vị trời kia vâng lệnh, chỉ trong khoảng thời gian như một tráng sĩ co duỗi cánh tay, đã đến cỡi Diêm-phù-đề, đứng ngay trước nhà vua, vua thấy thân tướng của vị thần ấy phong độ đoan nghiêm khác thường, biết chắc là hàng phi phạm nên hỏi:

–Ngài là vị thần ở đâu bỗng nhiên xuất hiện?

Vị trời ấy đáp:

–Đại vương nên biết, tôi là đại thần của trời Đế-thích tên là Tỳ-thủ-kiến-ma, rất quen với nghề xây dựng. Đại vương có ý nghĩ muốn mở rộng cung điện nên trời Đế-thích sai tôi xuống đây đảm nhận công việc trông coi trợ giúp vua.

Vua nghe lời ấy, tâm vô cùng hoan hỷ. Khi ấy vị Thiên tử bắt đầu cho thực hiện việc mở rộng cung điện, thành trì. Thành gồm bốn cửa, khoảng rộng cách nhau hai mươi bốn du-xà-na; vì vua tạo cung điện cao, thấp, rộng, hẹp mỗi bên đều tám du-xà-na, dùng bảy báu để trang trí, tô điểm đẹp đẽ như cung trời Đế-thích. Trong cung điện có tám vạn bốn ngàn phòng riêng để ở, đều có đầy đủ các loại giường màn, đồ nằm bằng bảy báu. Lại vì vua mà kiến tạo điện thuyết pháp cao, thấp, ngang, rộng đều bằng tám du-xà-na, cũng dùng bảy báu để trang hoàng đẹp đẽ, uy nghiêm không khác. Trước cung điện ấy, bốn mặt đều có bảy hàng cây báu cùng trồng các loại hoa nổi tiếng rất ngay ngắn để tạo bóng mát. Lại xây ao báu, nước trong ao thanh khiết, đủ tám thứ công đức. Phần chính giữa cung điện đặt tòa sư tử, bằng bảy báu trang nghiêm, vô cùng cao rộng, dùng màn báu che phủ ở trên, giăng treo bảy báu cùng khắp. Lại vì những người từ bốn phương xa đến nghe pháp, tạo ra bốn loại tòa ngồi bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, số lượng đến tám vạn bốn ngàn cái.

Vị trời Tỳ-thủ-kiến-ma đã vì nhà vua mà tạo lập cung điện, thành trì tất cả đều hoàn tất, bèn từ biệt nhà vua, bỗng nhiên biến khỏi nơi đó trở về cung trời. Bấy giờ vua Đại Thiện Kiến thấy cung điện thành trì xây dựng, trang hoàng đã xong, liền ra lệnh cho quan hầu cận đánh trống rao gọi khắp trong nước được biết: Vua Đại Thiện

Kiến sau bảy ngày sẽ vì mọi người giảng nói chánh pháp, nếu ai muốn nghe đều có thể đến cung điện để nghe.

Khi ấy các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, các đại thần và dân chúng nghe lệnh này rồi đều lần lượt quy tụ về tại giảng đường. Lúc đó vua đi tới điện thuyết pháp, bước lên tòa sư tử. Tất cả những người đến nghe pháp cũng đã ngồi yên trên bốn loại tòa báu. Đức vua trước tiên vì mọi người nói pháp mười điều thiện, sau đó lại chỉ bày các pháp môn khác, trải qua đến một vạn hai ngàn năm. Chúng sanh nước ấy nếu đã từng nghe vua nói pháp, đến khi mạng chung đều được sanh lên cõi trời, không còn bị đọa vào ba đường ác.

Này Tôn giả A-nan, vị vua ấy luôn đem lại lợi ích cho tất cả chúng sanh như thế. Này A-nan, lúc bấy giờ vua Đại Thiện Kiến đang ở trong tĩnh thất, tâm tự suy nghĩ: “Ta ở trong đời quá khứ đã tạo nghiệp gì, tu tập căn lành gì mà được sanh làm người tôn quý trong đời, có oai đức lớn, dung mạo, sức lực, thọ mạng không ai bằng? Chính là do trong đời quá khứ đã từng rộng tu các phép bố thí, nhẫn nhục, từ bi nên nay mới đạt được phước báo như thế. Vậy ta nay phải dốc tu hành tinh tấn hơn nữa”. Nhà vua tiếp tục tư duy, trong khoảng thời gian không lâu liền đạt được Sơ thiền, cho đến Tứ thiền, và còn tu tập Bốn tâm vô lượng.

Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến lại còn chỉ dạy cho phu nhân và các thế nữ trong cung đều tu Tứ thiền.



## KINH ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN

### QUYỂN III

Bấy giờ, ở núi Tuyết có tám vạn bốn ngàn con voi trắng, ngày ngày đi đến sắp hàng trước điện nhà vua. Khi ấy vua nghĩ: “Các con voi trắng này thường đến đây tất phải đi qua các đường giẫm đạp muôn vật”. Liên lệnh cho quan chủ binh:

–Từ nay về sau không cần cho đám voi đông đảo ấy đến đây hàng ngày! Trải qua một ngàn năm có thể đến một lần, nhưng chỉ cần số lượng bốn vạn hai ngàn con là đủ, không cần phải đến tám vạn bốn ngàn con như thế!

Ngọc nữ báu của vua tên là Thiện Hiền cùng với các phu nhân khác và tám vạn bốn ngàn thể nữ ở trong tinh thất, ngồi thiền tư duy, trải qua bốn vạn năm, cùng nói với nhau: “Chúng ta ngồi thiền tư duy tại đây đã bốn vạn năm không thấy đại vương. Nay nên đến lễ bái thăm hỏi”. Nói như thế rồi liền cùng nhau đi đến chỗ vua. Các cung nữ vào tâu vua:

–Thiện Hiền cùng tám vạn bốn ngàn thể nữ đến để thăm hỏi vấn an đức vua.

Vua nghe xong liền đi đến điện Thuyết pháp, lên ngôi trên tòa sư tử. Trong chốc lát Thiện Hiền và các thể nữ có mặt đông đủ. Vua liền gọi tới trước. Khi ấy Thiện Hiền cùng đám thể nữ lần lượt bước đến trước chỗ vua ngồi, đầu mặt lễ nơi chân, thứ lớp mà ngồi, rồi thưa:

–Chúng tôi cùng ở trong tinh thất, tọa thiền tư duy trải qua bốn vạn năm, đã lâu không gặp đại vương nên nay xin đến thăm hỏi, có điều muốn tâu bày, xin đại vương chấp nhận.

Vua đáp:

–Lành thay! Tùy ý.

Thiện Hiền liền thưa:

–Cõi Diêm-phù-đề này phía Tây là xứ Cù-da-ni, phía Bắc là xứ Uất-đơn-việt, phía Đông là xứ Phát-bà-đề, dân chúng bốn phương rất đông đúc, giàu vui, an ổn, thực hành mười điều thiện đều nhờ vào sức cảm hóa từ uy đức của đại vương. Nơi cõi Diêm-phù-đề này, những thành như Cưu-ma-bà-đế, số lượng có đến tám vạn bốn ngàn. Những thành ấy, từ vua đến dân chúng và các hàng Bà-la-môn đều về đây, muốn yết kiến đại vương, nhưng đại vương tọa thiền trải qua nhiều năm, những người đến vương triều muốn được gặp vua đều không thấy, ví như các con hiếu không được thấy mặt cha lành. Lại nữa, dân chúng trong bốn thiên hạ từ lâu đã không được thấy đại vương du hành khắp chốn. Xin đại vương khéo dùng thời gian thích hợp để về, dẫn dắt muôn dân. Chúng tôi là phận nữ yếu đuối, thật chẳng có ích đối với đất nước, nên mới thích hợp với việc ngồi thiền lâu dài. Đại vương là bậc cao quý, thống lãnh cai quản cả trong ngoài, tất cả dân chúng đều ngưỡng mộ, tôn kính, đâu như việc làm của hàng nữ nhân chúng tôi. Nào voi trắng, xe, ngựa mỗi thứ đều có đủ số lượng là tám vạn bốn ngàn, đại vương nên dùng đến để du hành, thưởng ngoạn. Đại vương ngày xưa thường vì mọi người giảng nói chánh pháp, chỉ dạy tu tập mười điều lành. Nhưng trong thời gian ngài ngồi thiền việc này đã bỏ phế.

Khi ấy Thiện Hiền dùng các việc như vậy để tâu bày, can gián đức vua. Vua Đại Thiện Kiến nghe xong những lời ấy, liền đáp:

–Khanh trước sau đều dùng việc lành để can gián, khuyến khích ta. Nay nghe nàng nói thật trái với ý người xưa.

Thiện Hiền nghe đức vua dạy như thế thì rơi lệ nghĩ: “Ta sở dĩ dám can gián đại vương vì cho nhận thức của mình là đúng, nhưng không khéo lại sanh tội lỗi”, liền từ tòa ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân đức vua và thưa:

–Thiếp nay ngu si không rõ chánh lý, mới dám đem những việc như thế để can gián đại vương. Kính mong đại vương cho thiếp được sám hối.

Vua Đại Thiện Kiến đáp lời Thiện Hiền:

–Tất cả các hành đều là vô thường, ân ái tụ hội rồi cũng biệt ly. Bốn cõi thiên hạ này tuy giàu mạnh như vậy nhưng không bao lâu nữa ta cũng phải lìa bỏ. Ta ngày xưa trải qua tám vạn bốn ngàn năm là bé thơ, tám vạn bốn ngàn năm làm đồng tử, tám vạn bốn ngàn năm thọ pháp quán đảnh làm thái tử, tám vạn bốn ngàn năm nhận lễ quán đảnh ở ngôi vua, sau đó mới thành Chuyển luân thánh vương, thống lãnh khắp bốn cõi thiên hạ, bảy báu đầy đủ, tám vạn bốn ngàn năm hành xử việc dân, tám vạn bốn ngàn năm vì muôn dân giảng nói chánh pháp, tám vạn bốn ngàn năm ngồi thiền tư duy. Suốt trong thời gian năm mươi tám vạn tám ngàn năm, tuy thọ mạng dài lâu như vậy rồi cũng phải chấm dứt. Ta nay đã già, mạng sống sắp hết, các bậc vua ngày xưa đều tôn quý dục lạc, như ta không khác, rồi cũng tàn tạ trở về với vô thường. Thành Câu-thi-bà-đế và tám vạn bốn ngàn thành lớn khác rồi cũng bị diệt, không nên đối với cảnh ấy sanh lòng mến yêu tham đắm, tăng trưởng tâm buông lung. Ta này sở dĩ được địa vị tôn quý, thù thắng này đều do ngày xưa gom góp các nghiệp lành, vậy ngày nay cũng phải gieo trồng nhiều thiện nghiệp để tạo nhân tốt cho đời sau. Vì thế nên ta phải ngồi thiền trải qua nhiều năm tháng.

Bấy giờ Thiện Hiền và các thể nữ nghe đức vua dạy như vậy trọng lòng hoan hỷ, đánh lễ nơi chân vua, rồi trở về cung của mình. Không bao lâu sau nhà vua ốm đau, tự biết sắp mạng chung liền lập thái tử lên làm vua, nhóm họp các vị đại thần, cùng các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, dùng nước nơi bốn bể làm lễ quán đảnh cho thái tử. Việc đã hoàn tất, vua liền mạng chung, sinh lên cõi Phạm thiên.

Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến làm vua tuy thống lãnh cả bốn cõi thiên hạ mà chỗ ở chỉ chọn lấy cõi Diêm-phù-đề. Cõi ấy tuy có tám vạn bốn ngàn thành lớn mà chỗ ở chỉ có thành Câu-thi-bà-đế. Ở trong núi Tuyết, có tám vạn bốn ngàn voi trắng báu mà vua chỉ cưỡi chỉ có một con. Tuy có tám vạn bốn ngàn con tuấn mã hay mà vua chỉ dùng một con. Tuy có tám vạn bốn ngàn xe bằng bảy báu mà vua thường ngự giá chỉ mỗi một chiếc. Tuy có tám vạn bốn ngàn vị phu nhân, mà vua yêu mến chỉ có một người. Tám vạn bốn ngàn ngôi điện báu chạm trổ trang sức, vua sử dụng chỉ có một điện. Đối với

thân mình chỉ cần vừa đủ no nhưng vua luôn dốc sức lo toan khắp bốn phương thiên hạ, buộc tâm theo việc bên ngoài, luống nhọc tinh thần, không màng thân thể

Này A-nan, vua Đại Thiên Kiến đâu phải người nào lạ, chính là thân Ta Ta ngày xưa sống trong địa vị tôn quý, quốc đô thành trì đều ở tại đây Cũng chính nơi thành này Ta làm Chuyển luân thánh vương, tao moi lợi ích cho vô lượng chúng sanh số lượng không thể tính Nay chư Thiên vẫn tập đến đây đây cả hư không đều do Ta ngày xưa khi làm vua, luôn dùng các pháp lành để giáo hóa mà đạt được Chư Thiên ấy nay cũng tại thành này thấy Ta sắp vào Niết-bàn, sẽ khiến họ rồi cũng sẽ được quả Niết-bàn

Này Tôn giả A-nan, do các sự kiện như vậy, nên Tôn giả chớ cho rằng thành Cưu-thi-na này là xa xôi, nhỏ hẹp Nay Ta quyết định trú ở đây mà vào Niết-bàn

Khi Đức Như Lai diễn bày về việc ấy, có vô số ức chư Thiên và loài người, ở trong các pháp xa trần cảnh, lìa cấu nhiễm, đạt được pháp nhãn thanh tịnh, liền đồng thanh bạch Phật

–Kính bạch Thế Tôn, từ thời xa xưa vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, Đức Thế Tôn đã dùng các pháp lành tao lợi ích cho chúng con, nay lại ở đây mà vào Niết-bàn tao sư an lạc cho chúng con

Liền lập tức tung rải hoa thơm và tấu nhạc trời, ca vinh tán thán để cúng dường Đức Phật

Tôn giả A-nan bạch Phật

–Bạch Đức Thế Tôn, kỳ lạ thay! Thành Cưu-thi-na này về thời quá khứ đã có những việc kỳ lạ đặc biệt Con nay không còn sanh tâm coi thường nữa

Đức Thế Tôn bảo A-nan

–Tôn giả hãy vào thành Cưu-thi-na nói với các Lữ sĩ “Đức Phật trong ngày hôm nay, sau nửa đêm sẽ vào Niết-bàn”, để họ có thể đến gặp gỡ Ta, nếu có chỗ nghi hoặc thì mặc tình thưa hỏi, chớ để khi Ta đã vào Niết-bàn không kịp thấy nhau, sanh tâm hối hận

Tôn giả A-nan nghe Phật dạy như vậy thì càng buồn thương xót xa, rồi đánh lễ nơi chân Phật, thân tướng giữ đúng oai nghi cùng với một Ty-kheo khác đồng vào thành Lúc đó, trong thành Cưu-thi-na, các vị lữ sĩ nam nữ, lớn nhỏ, mới vừa nhóm họp bàn luận về việc

Đức Như Lai sẽ vào Niết-bàn; mọi người đều muốn đến viếng Đức Phật. Khi gặp Tôn giả A-nan, họ liền hỏi:

–Chúng con nghe Đức Thế Tôn đang nghỉ ở giữa hai cội cây Sala sắp vào Niết-bàn, chính chúng con vừa bàn luận muốn đến chỗ Phật.

Tôn giả A-nan trình bày đầy đủ những lời dạy của Đức Như Lai cho các Lục sĩ. Họ nghe rồi thì đều buồn thương than khóc, có người ngắt cỏ trên đất, cùng than thở:

–Hỡi ôi, khổ thay! Con mắt của thế gian sắp mất. Chúng ta từ nay biết nương tựa vào đâu! Cũng như bé thơ mất đi mẹ hiền, từ nay về sau cõi trời người sẽ giảm bớt, ba đường ác ngày càng tăng thêm.

Rồi họ thưa với Tôn giả A-nan:

–Cả quyến thuộc chúng con nay muốn đến viếng Phật.

Tôn giả A-nan trở về bạch Phật:

–Con đem lời dạy của Đức Thế Tôn vào thành tuyên nói, các vị Lục sĩ đều kinh hoàng, khóc than, thương tiếc, tất cả sẽ đến chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn.

Các vị Lục sĩ nam nữ, lớn nhỏ, tất cả cùng nhau rơi lệ than thở, theo đường đi đến viếng Phật. Bấy giờ Tôn giả A-nan nhận thấy các vị Lục sĩ số lượng quá đông, nên tự nghĩ: “Nếu để cho từng người vào lễ Phật thì sẽ không biết đến khi nào mới xong, ta nay nên sắp xếp cho từng gia đình lễ Phật”. Khi các vị Lục sĩ đã đến chỗ Phật, Tôn giả A-nan liền nói với họ:

–Các vị đến đây số lượng quá đông, nếu mỗi người vào lễ Phật sẽ lâu lắm mới xong. Nay mỗi gia đình hãy cùng lúc vào lễ bái.

Các vị Lục sĩ nghe theo lời chỉ dẫn ấy, liền lần lượt vào lễ Phật rồi lùi lại, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Xin Đức Thế Tôn trụ thế trông một kiếp hoặc gần một kiếp, không vào Niết-bàn để đem lại lợi ích cho tất cả trời, người. Nay chúng sanh sẽ không còn mắt tuệ, kính mong Đức Thế Tôn vì chúng sanh mà làm người khai mở dẫn dắt.

Đức Như Lai nói với các Lục sĩ:

–Các vị nay không nên thưa thỉnh Ta nữa. Vì sao vậy? Vì tất cả các hành đều là vô thường, ân ái tự hội rồi cũng phải biệt ly. Nếu Ta ở đời dù đủ một kiếp rồi cũng hoại diệt. Những pháp Ta đã giảng nói

các vị nên nhớ nghĩ, giữ gìn, tụng niệm chớ để quên mất. Nếu được như vậy thì không khác gì Ta còn tại thế.

Các vị Lục sĩ nghe Phật dạy như vậy thì không dám thưa thỉnh nữa, nhưng trong lòng buồn rầu, ảo não, ngồi im lặng. Bấy giờ, trong thành Cưu-thi-na có một vị ngoại đạo tên là Tu-bạt-đà-la, đã một trăm hai mươi tuổi, thuộc hàng thông tuệ, từng đọc tụng bốn bộ Vệ-đà, tất cả các thứ sách vở luận thuyết đều thông thạo, được mọi người tôn kính. Ông nghe Đức Như Lai ở giữa hai cội cây trong rừng Sa-la sắp vào Niết-bàn, nên tự nghĩ: “Các sách vở, kinh luận của ta đọc có nói các Đức Phật ra đời rất là khó gặp, như hoa Ưu-đàm-bát lâu lắm mới xuất hiện một lần. Ngài đang ở trong rừng Sa-la, ta nay có chỗ nghi ngờ hãy đến thưa hỏi. Đức Cù-đàm nếu có thể giải quyết nghi ngờ cho ta thì mới thật sự là bậc đạt được Nhất thiết chủng trí”. Suy nghĩ như thế rồi, ông bèn đi đến chỗ Phật. Tới phía ngoài rừng, ông gặp Tôn giả A-nan, liền thưa:

–Trong sách vở, kinh luận của tôi đọc có nói: “Đức Phật ra đời rất là khó gặp, muôn ngàn vạn kiếp đến thời mới xuất hiện, như hoa Ưu-đàm-bát không thể dễ gặp”. Ngài giáo hóa ở đời tôi không được gặp từ đâu, nay nghe tại đây, trong rừng Sa-la này, Ngài sắp vào Niết-bàn, tôi có chỗ nghi ngờ muốn đến thưa hỏi, Tôn giả có thể vì tôi mà bạch với Đức Thế Tôn là tôi rất mong muốn xin được gặp Ngài.

Tôn giả A-nan nghe Tu-bạt-đà-la nói như thế, liền suy nghĩ: “Đức Thế Tôn hiện nay bốn đại không điều hòa, tiếp chuyện với những người đến thăm quá lâu, nên Ngài đã mệt mỏi, giờ lại cùng ngoại đạo này gặp gỡ tất có nói bàn luận giảng giải, nếu cho ông ta vào sẽ khiến cho Đức Thế Tôn càng mệt hơn nữa”. Nghĩ như vậy, nên liền đáp:

–Đức Thế Tôn hiện nay bốn đại không điều hòa, đang nằm nghỉ trong rừng cây, thân bệnh nên rất mệt mỏi, ông không nên vào gặp Đức Như Lai, chớ làm trở ngại khi Đức Như Lai sắp vào Niết-bàn.

Tu-bạt-đà-la ba lần thưa thỉnh như vậy, và Tôn giả A-nan cũng lại ba lần đáp như thế. Khi ấy Đức Thế Tôn dùng thiên nhĩ thanh tịnh, nghe tiếng Tu-bạt-đà-la thưa thỉnh Tôn giả A-nan, lại quán sát căn cơ biết là lúc có thể độ, liền dùng Phạm âm bảo Tôn giả A-nan:

–Tôn giả chớ làm trở ngại đối với người đệ tử sau cùng của Ta.

Hãy cho Tu-bạt-đà-la đến trước đây, Ta muốn gặp ông ấy. Người ấy chất trực, thông tuệ, dễ ngộ, sở dĩ đến đây là muốn giải quyết chỗ mình còn nghi ngờ, chẳng phải đến để tranh luận hơn thua.

Tôn giả A-nan liền vâng lời dạy của Đức Phật, nói với Tu-bạt-đà-la:

–Nay Đức Thế Tôn đã chấp thuận để ông được gặp.

Tu-bạt-đà-la nghe Đức Phật đã chấp thuận thì hết sức hoan hỷ phấn chấn chẳng thể tự kiềm chế, suy nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm chắc chắn là bậc đã được Nhất thiết chủng trí”. Rồi ông liền đi đến trước Phật bày tỏ lời thăm hỏi, ngồi qua một bên, thưa:

–Bạch Đức Cù-đàm, tôi có điều muốn được thưa hỏi, xin Ngài chấp thuận cho.

Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Tu-bạt-đà-la, ông cứ thưa hỏi.

Tu-bạt-đà-la liền hỏi Phật:

–Hiện nay các hàng Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian có sáu vị thầy của ngoại đạo là: Phú-lan-na Ca-diếp, Mạt-già-lợi-câu-xa-lê Tử, San-xà-dạ-tỳ-la-thị Tử, A-kỳ-đa-xí-xá-khâm-bà-la, Ca-la-cưu-đà-ca-chiên-diên, Ni-kiền-đà-nhã-đề Tử... ai cũng tự nói mình là người đã đạt được Nhất thiết trí, bảo các học phái khác là tà kiến, cho công việc tu hành của họ là con đường giải thoát, còn việc hành hóa của người khác thì cho là nhân của sanh tử, cùng nhau tranh luận hơn thua, phải quấy. Vậy làm sao biết được thật hư? Vị thầy nào đáng được gọi là Sa-môn? Vị thầy nào đúng là nhân của sự giải thoát?

Đức Như Lai liền đáp:

–Lành thay, lành thay! Tu-bạt-đà-la, ông đã có thể hỏi Ta về ý nghĩa như vậy. Lắng nghe, hãy lắng nghe! Ta sẽ vì ông mà giảng nói. Nay Tu-bạt-đà-la, trong các giáo pháp, nếu không thấy có pháp Bát thánh đạo thì nên biết sẽ không có tên của bốn quả Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư. Đã không có quả Sa-môn thì cũng không có giải thoát. Giải thoát đã không có thì chẳng phải đã đạt được Nhất thiết chủng trí. Nay Tu-bạt-đà-la, nếu trong các giáo pháp có pháp Bát thánh đạo thì nên biết là sẽ có tên bốn quả Sa-môn, có tên của quả Sa-môn thì có giải thoát, đã có giải thoát thì chính là đã đạt được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu-bạt-đà-la, chỉ trong giáo pháp của Ta mới có Bát thánh đạo, có tên của bốn quả Sa-môn, là con đường giải thoát, là Nhất thiết chủng trí. Các hàng ngoại đạo kia như Phú-lan-na Ca-diếp..., trong giáo pháp mà họ giảng dạy không có Bát thánh đạo, không có tên các đạo quả của Sa-môn, chẳng phải là con đường giải thoát và Nhất thiết chủng trí. Nếu họ nói là có, thì nên biết đó là lời hư dối.

Này Tu-bạt-đà-la, tất cả chúng sanh đã nghe Ta giảng dạy, có niềm tin, tiếp nhận và tư duy, thì nên biết người đó chắc chắn không phải chỉ nghe suông mà được giải thoát.

Này Tu-bạt-đà-la, khi Ta còn ở cung vua, chưa xuất gia, tất cả thế gian đều mê say theo sáu học phái ngoại đạo, vì chưa thấy được sự thật của quả Sa-môn.

Này Tu-bạt-đà-la, Ta năm hai mươi chín tuổi xuất gia học đạo, ba mươi sáu tuổi ở nơi cội cây Bồ-đề, suy nghĩ rất ráo tận nguồn về pháp Bát thánh đạo, thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đạt được Nhất thiết chủng trí, liền đến nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc dã, chỗ ở của tiên nhân, vì nhóm năm người của ông A-nhã Kiều-trần-như, chuyển bánh xe pháp, nói pháp Tứ đế. Họ là những người chứng đắc đạo giải thoát đầu tiên. Bấy giờ, mới có tên gọi Sa-môn xuất hiện tại thế gian, làm phước lợi cho chúng sanh.

Này Tu-bạt-đà-la, ông nên biết, giáo pháp của Ta có khả năng đạt đến giải thoát. Như Lai chính là Bạc Nhất Thiết Chủng Trí.

Lúc ấy, Tu-bạt-đà-la nghe Như Lai giảng nói về pháp Bát thánh đạo, tâm sanh hoan hỷ, hết sức xúc động, khao khát muốn được nghe ý nghĩa của pháp Bát thánh đạo nên bạch Phật:

–Kính xin Đức Thế Tôn vì con mà phân biệt ý nghĩa của Bát thánh đạo.

Khi đó Đức Thế Tôn liền vì ông mà phân biệt, giảng rộng pháp ấy. Tu-bạt-đà-la được nghe Phật nói về ý nghĩa của Bát thánh đạo, tâm ý mở sáng, bỗng nhiên đại ngộ, ở trong các pháp xa lìa mọi phiền não cấu nhiễm, đạt được pháp nhãn thanh tịnh, liền bạch Phật:

–Con nay muốn xuất gia theo pháp của Phật.

Đức Như Lai liền gọi: “Thiện lai Tỳ-kheo!”. Tức thì râu tóc tự rụng, áo ca-sa mặc trên thân, trở thành Sa-môn. Đức Thế Tôn lại vì ông giảng rộng pháp Tứ đế, Tu-bạt-đà-la liền được dứt hết các lậu

hoặc, thành bậc A-la-hán:

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Tôn giả A-nan:

–Tôn giả nay nên biết, Ta ở đạo tràng, thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lần đầu tiên nói pháp độ nhóm năm người của ông A-nhã Kiều-trần-như. Hôm nay, trong rừng Sa-la, Ta sắp vào Niết-bàn, lần sau cùng nói pháp độ Tu-bạt-đà-la. Chư Thiên và loài người từ nay về sau không ai còn nghe Ta nói pháp mà được độ nữa. Trong tương lai, nếu ai có căn lành đáng được giải thoát đều là đệ tử của Ta, lần lượt dạy cho nhau. Nay A-nan, Tu-bạt-đà-la tuy là ngoại đạo, nhưng căn lành ấy đã đến lúc thành thực, chỉ có Như Lai mới phân biệt biết được. Sau khi Ta vào Niết-bàn, nếu có ngoại đạo muốn cầu xin xuất gia theo giáo pháp của Ta thì các vị không nên hứa cho ngay, mà trước phải chỉ dẫn họ trải qua bốn tháng tụng đọc, học tập kinh điển để xem xét tánh ý của người ấy là dối hay thật. Nếu thấy hạnh của người đó chơn chất, ngay thẳng, nhu hòa, đối với giáo pháp của Ta thật có niềm vui sâu xa, như vậy mới có thể cho họ xuất gia. Nay A-nan, vì sao? Vì các ông trí tuệ còn hạn chế chưa thể phân biệt về căn tánh của chúng sanh, vì vậy các ông trước phải xem xét.

Tu-bạt-đà-la bạch Phật:

–Con nay dốc chí cầu xuất gia, giả sử Đức Thế Tôn dạy phải trước ở trong Chánh pháp bốn mươi năm đọc tụng kinh điển, sau mới cho xuất gia, con cũng có thể chấp nhận, huống gì là bốn tháng.

Đức Thế Tôn liền bảo:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Nay Tu-bạt-đà-la, Ta xét tâm ý của ông đối với giáo pháp Ta đã hết lòng ngưỡng mộ quy kính, nay nói lời như vậy chẳng phải là hư dối.

Tu-bạt-đà-la bạch Phật:

–Con nay không nỡ thấy Bạc Tôn quý của trời, người vào Niết-bàn. Con nay hôm nay muốn vào Niết-bàn trước Đức Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

–Lành thay!

Tu-bạt-đà-la liền ở trước Đức Phật nhập pháp Tam-muội hỏa giới mà vào Niết-bàn.

Lúc đó Đức Như Lai bảo Tôn giả A-nan:

–Tôn giả chớ thấy Ta vào Niết-bàn mà cho rằng Chánh pháp từ đây sẽ đoạn dứt. Vì sao vậy? Vì Ta xưa đã vì các thầy Tỳ-kheo chế giới Ba-la-đề-mộc-xoa và giảng nói rộng các loại pháp vi diệu khác. Giới pháp ấy chính là bậc đại sư của các vị, cũng giống như Ta còn sống ở đời không khác.

Này A-nan, sau khi Ta vào Niết-bàn, các thầy nên theo thứ lớp lớn nhỏ mà tôn kính lẫn nhau, không được kêu tên họ mà phải gọi nhau bằng tên trong đạo, nên cùng nhau quan sát dò xét, không để cho trong chúng có người phạm giới trọng, cũng không nên soi mói tìm vạch lỗi nhỏ của người khác. Còn Tỳ-kheo Xa-nặc thì nên xử phạt nặng.

Tôn giả A-nan thưa hỏi:

–Như thế nào là xử phạt nặng?

Phật dạy:

–Này A-nan, phạt nặng là tất cả các thầy Tỳ-kheo chớ cùng nói chuyện với người ấy.

Tôn giả A-nan theo như lời Phật dạy mà phụng hành.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các thầy Tỳ-kheo:

–Các vị nếu có chỗ nào còn nghi ngờ thì cứ thật lòng thưa hỏi, chớ để sau khi Ta diệt độ, sanh tâm hối hận mà nói: “Đức Như Lai khi gần vào Niết-bàn trong rừng Sa-la, khi ấy ta đã không đến thưa hỏi để giải quyết điều còn nghi hoặc, đến nay trong lòng còn có chỗ vướng mắc”. Ta nay tuy thân thể có bệnh, nhưng vẫn có thể vì các vị mà giải thích những điều nghi hoặc. Sau khi Ta vào Niết-bàn, nếu ai muốn giữ gìn Chánh pháp, tạo lợi ích cho hàng trời người, thì nay mau bày tỏ để giải quyết chỗ nghi.

Đức Thế Tôn nói rõ như vậy đến ba lần, các Tỳ-kheo đều im lặng, không có ai xin được giải quyết chỗ nghi. Lúc ấy Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Lạ thay, bạch Đức Thế Tôn, Ngài đã ba lần dạy như thế mà trong chúng đây đều không có vị nào nghi ngờ gì.

Phật dạy:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Này A-nan, nay năm trăm thầy Tỳ-kheo trong chúng hội này đều là những vị chưa chứng đắc đạo quả. Sau khi Ta vào Niết-bàn, họ sẽ được dứt sạch các lậu. Tôn giả cũng ở trong số đó.

Đức Thế Tôn lại nói với các thầy Tỳ-kheo:

–Các vị nếu thấy thân, miệng, ý của Ta có những lỗi gì thì nên nói cho Ta biết.

Khi ấy các thầy Tỳ-kheo nghe Phật dạy như thế rơi lệ sụt sùi cùng bạch Phật:

–Đức Như Lai đâu có chút lỗi nhỏ nào về thân, miệng, ý!

Lúc ấy Đức Như Lai liền nói kệ:

*Các hành vô thường,  
Là pháp sanh diệt  
Sanh diệt đã diệt,  
Tịch diệt là vui.*

Đức Như Lai nói kệ xong, bảo các Tỳ-kheo:

–Các thầy nên biết, tất cả các hành đều là vô thường. Ta nay thân thể dù là kim cương cũng không tránh khỏi vô thường biến đổi. Ở trong nẻo sanh tử thật là đáng sợ, các thầy nên siêng năng tinh tấn tu tập dốc mong mau ra khỏi biển lửa sanh tử ấy. Đây chính là lời dạy sau cùng của Ta. Thời gian Ta vào Niết-bàn đã đến.

Lúc ấy các thầy Tỳ-kheo và hàng trời, người nghe Phật dạy như thế thì cúi đầu buồn bã, than khóc, có người ngất xỉu ngã xuống đất. Đức Như Lai liền vì tất cả mà dạy:

–Các vị không nên buồn thương sâu nã, tánh tướng của các hành đều là như vậy.

Bấy giờ Đức Như Lai liền vào định Sơ thiền, rời Sơ thiền vào Nhị thiền, rời Nhị thiền vào Tam thiền, rời Tam thiền vào Tứ thiền, rời Tứ thiền vào Không xứ, rời Không xứ vào Thức xứ, rời Thức xứ vào Vô sở hữu xứ, rời Vô sở hữu xứ vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, rời Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì vào định Diệt tận.

Khi ấy, Tôn giả A-nan thấy Đức Như Lai lặng yên không nói, các chi thể nơi thân tướng lại không chuyển động, liền rơi nước mắt, nói:

–Đức Thế Tôn nay đã vào Niết-bàn.

Tôn giả A-nậu-lâu-đà nói với Tôn giả A-nan:

–Đức Như Lai hiện giờ chưa vào Niết-bàn. Thân tướng Ngài vắng lặng không dao động chính là vì Ngài đang nhập định Diệt tận.

Khi ấy Đức Thế Tôn ra khỏi định Diệt tận, lại trở vào định Phi tưởng phi phi tưởng xứ, cho đến theo thứ lớp vào lại Sơ thiên, lại rời Sơ thiên vào Nhị thiên, rời Nhị thiên vào Tam thiên, rời Tam thiên vào Tứ thiên, liền ở đấy mà vào Niết-bàn.

Bấy giờ Tôn giả A-nậu-lâu-đà nói với Tôn giả A-nan:

–Đức Thế Tôn đã vào Tứ thiên, ngay ở đấy mà nhập Niết-bàn.

Khi ấy Tôn giả A-nan và bốn bộ chúng nghe Tôn giả A-nậu-lâu-đà nói như thế thì đều buồn bã, than khóc nghẹn ngào, không ai là không đau xót tột cùng. Các vị cùng than:

–Con mắt của thế gian đã mất, sao mà mau vậy! Tất cả chúng sanh từ nay về sau biết ai là người dẫn dắt? Hàng trời, người suy giảm, đường ác ngày càng tăng.

Khi ấy trên hư không, tám bộ chúng Trời, Rồng... đều thương khóc, nước mắt ràn rụa như mưa, cùng nhau than:

–Chúng ta từ nay lấy ai là người để quay về nương tựa, giống như trẻ thơ mất đi mẹ hiền. Ba đường ác ngày càng mở rộng, cửa giải thoát vừa khép kín. Tất cả chúng sanh chìm đắm trong biển khổ, cũng như người bệnh không có lương y, như kẻ đui mù không người dẫn dắt, chúng ta xa rời Đấng Pháp Vương Vô Thượng thì liền thấy giặc phiến não xâm phạm bức bách.

Than thở như thế rồi thì cùng buồn bã, sầu não không tự ngăn được. Lúc ấy, ở thành Cưu-thi-na, các vị Lực sĩ vốn đều tráng kiện giống như voi mạnh, thấy Đức Như Lai vào Niết-bàn thì tinh thần khốn khổ, như người mới mắc bệnh. Ngay lúc ấy, đại địa chấn động, trống trời tự vang lên, nước nơi bốn biển lớn sóng dậy cuồn cuộn, núi chúa Tu-di tự nhiên rung chuyển, gió cuốn, bão nổi, rừng cây nghiêng ngã, tan tác, xác xơ, rất lạ lùng, khác với sự thường.

Bấy giờ Đại Phạm thiên vương nói kệ:

*Quá khứ cùng vị lai  
Và ngay trong hiện tại  
Không có chúng sanh nào  
Là thoát khỏi vô thường.  
Như Lai, Đấng Tối thượng  
Thân kim cang bền chắc*

Còn không khởi vô thường  
 Hướng chi những người khác  
 Tất cả các chúng sanh  
 Mến tiếc bảo vệ thân  
 Dùng hương hoa trang sức  
 Không biết sẽ hủy diệt  
 Như Lai thân sắc vàng  
 Tướng hảo thật trang nghiêm,  
 Rồi cũng đều xả bỏ,  
 Để vào Bát-niết-bàn  
 Đoạn dứt các phiền não  
 Thành Bạc Nhất Thiết Trí  
 Cũng còn chưa thoát khỏi  
 Hướng kẻ bị buộc ràng!

Trời Đế-thích liền nói kệ:

Tánh tất cả các hành  
 Thật là pháp sanh diệt,  
 Đấng Lương Túc tối thắng  
 Rồi cũng về vắng lặng.  
 Lửa tam độc bùng cháy  
 Luôn thiêu đốt chúng sanh  
 Không có mây đại bi  
 Ai làm mưa khiến diệt?

Tôn giả A-nậu-lâu-đà cũng nói kệ:

Hôm nay Đức Thế Tôn  
 Các căn không dao động,  
 Tâm ý hướng các pháp  
 Mà xả bỏ thân này  
 An nhiên dứt tư lự  
 Cũng không còn các thọ  
 Như dầu hết đèn tắt  
 Như Lai diệt cũng vậy.

Tôn giả A-nan cũng nói kệ:

Đại địa bỗng chấn động  
 Gió mạnh thổi bốn bề  
 Biển nước sóng cuộn dâng  
 Núi báu Tu-di chuyển  
 Trời người tâm buồn đau  
 Khóc than như mưa đổ  
 Thủy đều rất lo sợ,  
 Như bị phi nhân bắt  
 Do Phật vào Niết-bàn  
 Nên mới có việc ấy.

Bấy giờ trong chúng có các vị Tỳ-kheo và trời người chưa đạt đạo thấy Đức Như Lai đã vào Niết-bàn, lòng sầu não, lăn lóc trên đất than khóc. Người đã đắc đạo thì than thở:

–Thế gian khổ vì vô thường; ai cũng đau buồn, thương khóc không thể tự kiềm chế.

Tôn giả A-nậu-lâu-đà thấy thế bèn nói với các thầy Tỳ-kheo và hàng trời người:

–Các vị không nên sanh tâm buồn phiền sầu não. Đức Như Lai trước đã vì các vị nói rằng tánh tướng của các hành là như vậy, vì sao lại còn buồn khóc?

Tôn giả A-nan nói với mọi người từ bốn phương xa đến:

–Đức Như Lai nay đã vào Niết-bàn rồi.

Mọi người nghe Tôn giả A-nan nói vậy đều buồn bã thương khóc, cất tiếng nghẹn ngào thưa với Tôn giả A-nan:

–Ở đây hiện quá đông người, trong khoảng ba mươi hai du-xà-na cũng đều kín chỗ. Mong Tôn giả sắp xếp theo thứ tự cho chúng tôi được đến gần trước Đức Như Lai để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường lần sau cùng. Như Lai ra đời rất khó gặp gỡ, như hoa Ưu-đàm-bát-la đúng thời mới hiện. Nay tự thân chúng tôi được ở tại chỗ Đức Phật vào Niết-bàn, kính mong thương xót để cho chúng tôi được nhìn thấy chiêm ngưỡng.

Tôn giả A-nan nghe mọi người nói như thế, bèn suy nghĩ: “Như Lai ra đời rất là khó gặp, được cúng dường sau cùng lại cũng rất khó. Ta nay nên sắp đặt cho những ai được cúng dường Phật trước? Nay

nên cho các Tỳ-kheo-ni và Ưu-bà-di được đến trước cúng dường thân Phật, vì những người ấy là thân nữ yếu đuối, xưa nay chưa chắc đã được đến chỗ Như Lai, do đó nên cho họ được tới lễ bái trước”. Nghĩ như vậy rồi liền gọi các vị Tỳ-kheo-ni và Ưu-bà-di cho biết là họ được ưu tiên cho đến trước kim thân Đức Như Lai để chiêm ngưỡng, cúng dường.

Các vị Tỳ-kheo-ni cùng vô lượng các vị Ưu-bà-di đều đến chỗ Phật, trông thấy Đức Như Lai đã vào Niết-bàn thì đều than khóc sâu khổ, lần lượt vây quanh lễ bái, lớp lớp cúng dường. Khi ấy có một vị Ưu-bà-di nghèo khổ, đã một trăm tuổi, thấy các vị Bà-la-môn và Sát-lợi, Trưởng giả, Cư sĩ, các Lực sĩ cùng vợ, con quyến thuộc của họ, già trẻ lớn nhỏ, dùng hoa hương thơm quý lần lượt cúng dường. Tủi thân nghèo khó, chỉ riêng mình không được như ý nguyện, trong lòng suy nghĩ: “Như Lai ra đời rất khó gặp, cúng dường lần sau cùng lại cũng rất khó, mà nay ta thì cùng khốn, không lấy gì để tự tỏ bày”. Nghĩ như vậy rồi lại càng thêm xót xa, đi đến gần chân của Phật, tâm rất ảo não, khóc rơi nước mắt, làm bấn chân Phật, phát nguyện: “Nguyện cho con đời sau sanh ra chốn nào cũng thường được thấy Phật”.

Các Tỳ-kheo-ni và Ưu-bà-di cúng dường xong, liền trở về chỗ cũ. Tôn giả A-nan lại báo khắp cho các người khác:

–Các vị Tỳ-kheo-ni và Ưu-bà-di đã cúng dường xong, chư vị có thể trước sau thứ lớp vào viếng.

Lúc ấy mọi người lần lượt vào lễ bái, đi đến chỗ Phật, thấy Đức Như Lai đã vào Niết-bàn, thì đều kêu khóc thảm thiết, buồn thương vô hạn, rồi theo thứ lớp dâng các phẩm vật cúng dường. Bấy giờ các vị Lực sĩ nhóm họp lại, cùng bàn bạc: “Nay chúng ta phải làm lễ trà tỳ nhục thân của Như Lai như thế nào? Đức Như Lai khi sắp vào Niết-bàn chắc có để lại lời chỉ dạy”. Bàn luận xong, họ cùng nhau đến hỏi Tôn giả A-nan:

–Chúng tôi nay muốn làm lễ trà tỳ nhục thân Đức Như Lai, vậy phương thức ấy như thế nào? Đức Thế Tôn khi sắp vào Niết-bàn chắc có để lại lời chỉ dạy, xin Tôn giả hướng dẫn cho.

Tôn giả A-nan nói với các vị Lực sĩ:

–Đức Như Lai đã di giáo là cách thức trà tỳ nhục thân của Ngài cùng với vua Chuyển luân thánh vương không khác.

Tôn giả A-nan liền nói lại đầy đủ công việc mà Đức Phật đã chỉ dẫn truyền dạy. Các vị Lục sĩ nghe Tôn giả A-nan nói xong, liền cùng nhau sắm sửa đầy đủ các vật dụng dùng cho việc trà tỳ hết sức trang nghiêm. Trước tiên là tạo xe báu, chạm trổ đẹp đẽ trang nghiêm, rồi cung thỉnh nhục thân Như Lai để trên xe báu, đốt hương rải hoa, tấu các thứ kỹ nhạc, ca tụng tán thán; ở trong lời nhạc giảng nói về các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã, bất tịnh. Các vị Lục sĩ lại bạch Tôn giả A-nan:

–Như Lai nay đã vào Niết-bàn, được cúng dường lần sau cùng rất là khó gặp, chúng con xin cung thỉnh lưu lại nhục thân Như Lai trong bảy ngày bảy đêm để thỏa ý cúng dường, khiến cho tất cả hàng trời, người sống trong cõi sinh tử đều được an lạc.

Tôn giả A-nan đem lời của các vị Lục sĩ hỏi Tôn giả A-nậu-lâu-đà, Tôn giả A-nậu-lâu-đà đáp:

–Lành thay! Tùy ý các vị ấy.

Tôn giả A-nan bèn bảo các vị Lục sĩ:

–Các vị được phép lưu lại nhục thân của Đức Phật trong bảy ngày bảy đêm để công việc cúng dường chiêm bái được mãn nguyện.

Các vị Lục sĩ nghe Tôn giả A-nan nói như thế, trong lòng tuy rất buồn mà lại cũng mừng vui, liền ở trong rừng bày biện các vật phẩm cúng dường đủ trong bảy ngày. Bấy giờ các vị Lục sĩ đem bông, mền mới và lụa mỏng quấn quanh nhục thân Đức Như Lai, sau đấy đặt vào trong kim quan. Trong kim quan ấy rải các bột hương ngũ đầu, chiên đàn và các hoa thơm, rồi đem kim quan đặt trong quách bằng bạc, đem quách bằng bạc đặt trong quách bằng đồng, lại đem quách bằng đồng đặt trong quách bằng sắt, rồi đưa quách bằng sắt đó đặt trên xe báu, tấu các loại nhạc ca tụng tán thán. Chư Thiên trên hư không tung rải các thứ hoa Mạn-đà-la, Ma-ha mạn-đà-la, Mạn-thù-sa, Ma-ha mạn-thù-sa và trời nhạc trời lớp lớp liên tục cúng dường, sau đó, mới lần lượt hạ các lọng báu che kim quan xuống. Các vị Lục sĩ cùng nhau nói:

–Thời gian bảy ngày đã qua, chúng ta nên rước kim quan Đức Như Lai đi nhiều quanh thành, khiến cho dân chúng thỏa lòng cúng dường, sau đó sẽ dừng lại phía Nam của kinh thành để làm lễ trà tỳ.

Nói xong họ cùng nhau rước kim quan Đức Như Lai, nhưng đã

đem hết sức lực mà nhấc vẫn không lên được. Mọi người đều kinh hãi, cho là điều kỳ lạ không biết vì lý do gì, liền đem việc này hỏi Tôn giả A-nậu-lâu-đà:

–Chúng tôi cùng nhau muốn rước kim quan của Phật đi nhiều quanh thành, trở về cửa thành phía Nam để cúng dường và làm lễ trà tỳ, dù đã vận dụng hết sức lực mà vẫn không thể nâng lên, chẳng rõ việc này là như thế nào? Xin Tôn giả chỉ dạy cho chúng tôi.

Tôn giả A-nậu-lâu-đà nói với họ:

–Sở dĩ như vậy là vì chư Thiên trên hư không muốn thỉnh kim quan của Phật đi nhiều quanh thành, từ cửa phía Bắc rước vào đặt chính giữa thành, nhận các phẩm vật cúng dường của trời người, sau đấy thì từ phía Đông đi ra, đến tại nơi khu vực bảo tháp nổi tiếng mà làm lễ trà tỳ.

Các vị Lực sĩ nghe lời giải thích như thế thì cùng nhau nói:

–Ý của chư Thiên như vậy cũng nên thuận theo.

Các vị ấy liền thỉnh kim quan của Phật đi nhiều quanh thành một vòng, từ cửa phía Bắc lần lượt đi vào đặt ở chính giữa thành, để cho hàng trời người được cúng dường thỏa nguyện, trỗi các khúc nhạc vi diệu, đốt hương rải hoa, ca tụng tán thán. Chư Thiên ở trên không tung rải vô số các hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha mạn-thù-sa, cùng tấu vô số các khúc nhạc trời để cúng dường. Cúng dường xong, họ liền thỉnh kim quan từ cửa thành phía Đông đi ra đến chỗ khu vực đền tháp báu nổi tiếng. Đến nơi, các hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Rồng... tám bộ chúng, tất cả đều thương cảm, nghẹn ngào không thể tự kiềm chế, cùng nhau gom các loại gỗ quý như đầu, chiên đàn và những thứ gỗ thơm khác chất thành đống, lại ngay nơi đống gỗ thơm trải tấm lụa dày, căng màn báu lớn để che ở trên, khiêng bảo quan đi nhiều quanh đống gỗ thơm bảy vòng, đốt hương rải hoa, tấu các thứ kỹ nhạc, rồi đem bảo quan đặt trên đống gỗ thơm ấy, dùng dầu thơm quý rưới lên trên. Bảy giờ bốn bộ chúng cùng chư Thiên, loài người đều lưu luyến bồi hồi, xót xa, không thể tự kiềm chế, liền từ dưới châm lửa đốt nhưng lửa không cháy được, châm đốt như vậy cho đến ba lần cũng vẫn như thế. Khi ấy mọi người đem việc này hỏi Tôn giả A-nậu-lâu-đà:

–Vì sao ba lần đốt đống củi thơm mà vẫn không cháy?

Tôn giả A-nậu-lâu-đà nói:

–Sở dĩ như vậy là vì Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đang ở nước Đạc-xoa-na-kỳ-lợi nghe tin Đức Như Lai sắp vào Niết-bàn liền cùng với năm trăm thầy Tỳ-kheo từ nước ấy vội trở về để được trông thấy Đức Thế Tôn lần cuối cùng. Vì vậy Đức Như Lai đã khiến cho lửa không cháy.

Mọi người nghe nói như vậy thì đều khen là việc rất đặc biệt, kỳ lạ.

Lúc này Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở tại nước Đạc-xoa-na-kỳ-lợi, từ nơi xa nghe tin Đức Như Lai tại thành Cưu-thi-na sắp vào Niết-bàn, trong lòng vô cùng buồn thương nhớ tưởng, bèn cùng với năm trăm thầy Tỳ-kheo vội vã lên đường trở về, còn cách thành không xa, nhưng thân thể quá mệt mỏi, nơi ở bên đường, cả đoàn tạm ngồi nghỉ bên gốc cây. Chợt thấy một ngoại đạo tay cầm cành hoa Mạn-đà-la, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp liền hỏi:

–Hiền giả từ đâu lại?

Vị ấy đáp:

–Tôi từ thành Cưu-thi-na lại.

Tôn giả Ca-diếp lại hỏi:

–Hiền giả có biết thầy tôi là Bạc Ứng Cúng Chánh Biến Tri không?

Vị kia liền nói:

–Biết, thầy của Tôn giả ở giữa hai cội cây trong rừng Sa-la, tại thành Cưu-thi-na, vào Niết-bàn nay đã bảy ngày. Vừa rồi, chính tại khu vực đền tháp báu nổi tiếng sắp làm lễ trà tỳ, trời người đông đủ cùng nhau cúng dường, tôi ở chỗ ấy nên có được cành hoa trời này.

Tôn giả Đại Ca-diếp nghe nói như vậy thì đau buồn ghen ngào. Các thầy Tỳ-kheo đều ưu sầu, vật vã, có người ngắt xỉu ngã trên đất, cùng nhau than thảm: “Ôi thôi, khổ thay! Con mắt của thế gian đã mất!”. Tôn giả Đại Ca-diếp an ủi:

–Các thầy không nên quá sầu khổ như thế. Tánh chất và hình tướng của các hành đều như vậy. Đức Như Lai, Đấng Tôn quý bậc nhất còn không tránh khỏi huống chi là kẻ khác. Nên siêng năng cầu mong xa lìa nỗi khổ ở đời. Nay chúng ta mau lên đường đến khu vực đền tháp báu nổi tiếng kia để lễ bái chiêm ngưỡng.

Khi ấy trong chúng có mấy vị Tỳ-kheo lớn tuổi xuất gia, ngu si kém hiểu biết cùng nói:

–Khi Phật còn ở đời luôn ngăn cấm khiến trách chúng ta không được buông lung tâm ý, nay Phật đã vào Niết-bàn rồi thì khỏi bị rầy la nữa, còn gì thích thú bằng.

Bấy giờ Tôn giả Ca-diếp cùng các thầy Tỳ-kheo tiến về thành Cưu-thi-na, đến khu vực đền tháp báu nổi tiếng, trông thấy kim quan Đức Như Lai đặt trên đồng củi thơm thì đều than khóc nước mắt tuôn trào, cùng đi nhiều quanh đấy bảy vòng rồi bước lên đồng củi thơm đến sát chỗ đặt kim quan, nơi phía dưới phần chân của Đức Như Lai kêu gào khóc than, cung kính đánh lễ. Khi ấy Đức Như Lai từ trong kim quan để lộ ra hai chân. Tôn giả Ca-diếp thấy thế càng tăng thêm buồn sợ. Các hàng trời, người thấy việc kỳ lạ đặc biệt hy hữu như vậy ai cũng thở than, càng thêm buồn khổ lưu luyến. Tôn giả Ca-diếp nhận thấy trên chân Phật có chấm bẩn liền quay lại hỏi Tôn giả A-nan:

–Trên chân Đức Như Lai do nhân duyên gì mà có vết bẩn này?

Tôn giả A-nan đáp:

–Đức Như Lai khi mới vào Niết-bàn, bốn bộ chúng có mặt rất đông. Khi ấy tôi suy nghĩ: “Nếu để đại chúng cùng một lúc tiến hành lễ bái, những người nữ yếu đuối không chắc được đến trước Phật”, liền chấp thuận cho các chúng Tỳ-kheo-ni và Ưu-bà-di được ưu tiên đến chỗ Đức Như Lai để lễ bái, cúng dường. Lúc ấy, có một vị Ưu-bà-di nghèo khó, đã một trăm tuổi, thấy các hàng Bà-la-môn, Sát-lợi, Trưởng giả, Cư sĩ, Lực sĩ cùng vợ con quyến thuộc của họ, già trẻ, lớn nhỏ đều đem các đủ loại hương hoa vi diệu cúng dường, thì bà ấy tủi thân nghèo khổ, không có gì để biểu lộ lòng thành, nghĩ như vậy nên càng buồn thương, đến chỗ chân Đức Phật lòng thêm áo nã khóc than rơi nước mắt khiến nơi chân Đức Như Lai có vết dơ.

Tôn giả Ca-diếp nghe nói như vậy trong lòng không vui, quả trách Tôn giả A-nan không lo liệu ngăn ngừa để đến nỗi có vết bẩn ấy. Rồi Tôn giả dùng hương hoa cúng dường kim quan của Đức Phật, lễ bái tán thán thấy đều hoàn tất, khi ấy hai chân của Đức Như Lai tự nhiên thâu vào. Tôn giả Ca-diếp liền bước xuống đất. Do thần lực của Phật, đồng củi thơm tự nhiên cháy, bốn mặt lửa bốc lên, trải qua bảy ngày kim quan mới cháy hết. Lúc ấy chư Thiên bèn rơi mưa dập

tất ngọn lửa, các vị Lực sĩ lo việc thu nhật xá-lợi. Do ngàn lớp lụa quấn quanh nhục thân Phật, lớp trong cùng và một lớp ở ngoài chưa cháy còn như cũ cũng bọc xá-lợi ở trong. Cùng lúc, chư Thiên từ hư không tung rải vô số các loại hoa thơm đẹp và tấu kỹ nhạc ca tụng tán thán cúng dường xá-lợi. Bấy giờ tất cả đại chúng có mặt cùng các vị Lực sĩ đều bày các thứ phẩm vật để cúng dường. Các vị Lực sĩ liền dùng bình bằng vàng thu nhật xá-lợi, đặt trên xe báu đốt hương rải hoa, tấu các loại kỹ nhạc, rước trở về thành, dựng lầu cao lớn đem bình đựng xá-lợi ấy đặt ở trên lầu, lại sai bốn loại binh chủng lo công việc giữ gìn, chỉ chấp nhận cho các thầy Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni vào lễ bái, thứ lớp cúng dường. Ngoài ra, các bậc Quốc vương, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, tất cả dân chúng đều không cho đến trước nơi để xá-lợi.

Bấy giờ vua A-xà-thế, con bà Vi-đề-hi nghe tin các vị Lực sĩ kia thu nhận xá-lợi của Phật để trên lầu cao, lại còn dùng đến bốn thứ quân binh để dốc lo việc phòng vệ, giữ gìn, thì lòng rất buồn phiền, lại cũng tức giận các vị Lực sĩ kia, liền sai người thân tín đến nói với các vị Lực sĩ:

–Đức Thế Tôn khi còn ở đời cũng là thầy của tôi, khi Ngài vào Niết-bàn, tôi rất ân hận vì không được gặp. Tôi cùng Đức Thế Tôn đều là giòng Sát-đế-lợi, các vị sao riêng thu nhật xá-lợi đem để nơi lầu cao lại còn bố trí bốn thứ quân binh lo phòng vệ, giữ gìn không phân chia cho người khác? Các vị nên phân chia cho tôi một phần, vì tôi muốn xây dựng tháp cao đẹp ở trong nước để cùng cúng dường. Nếu có thể ưng thuận như trên thì sự giao hảo giữa hai nước luôn luôn tốt đẹp, còn không thì sẽ đem binh trừng phạt các vị.

Ngoài ra, bảy quốc vương, các vị Ly-xa ở thành Tỳ-da-ly... đều sai sứ giả đến bày tỏ việc xin chia phần xá-lợi và cách xử sự cũng đều như vậy.

Bấy giờ các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ cũng đều sai người thân tín đến thưa với các vị Lực sĩ:

–Đức Thế Tôn là thầy của chúng tôi, xin thương xót phân cho chúng tôi phần xá-lợi.

Lúc ấy sứ giả của các nước đi đến chỗ các vị Lực sĩ trình bày đầy đủ ý nguyện của vua nước họ. Các vị Lực sĩ nghe thế trong lòng

bất bình, trả lời các sứ giả:

–Đức Phật đến nước chúng tôi mà vào Niết-bàn, xá-lợi tự nhiên phải thuộc về chúng tôi. Nếu muốn ở cõi nước khác cùng tạo bảo tháp trang nghiêm để cúng dường, thì việc ấy không thể được. Khi bảo tháp ở đây hoàn thành, mặc tình các vị có thể thích thú cùng đến đây để cúng dường lễ bái. Còn nếu muốn dấy binh để được vào chốn này trước thì quân và dân nước chúng tôi cũng đủ sức lo liệu để chống lại.

Các vị sứ giả đều trở về nước mình, mỗi người đều trình bày lên vua sự việc như vậy. Các vị vua nghe xong trong lòng càng giận dữ, đều chỉnh đốn các loại binh mã kéo đến công phạt. Lúc ấy, các vị Lực sĩ cũng sửa sang chiến cụ để chống lại kẻ địch.

Bấy giờ trong thành Cư-thi-na có một vị Bà-la-môn tên Đồ-lô-na là hàng thông minh trí tuệ, tin tưởng nơi Tam bảo, bèn tự nghĩ: “Quốc vương tám nước kia và các vị Ly-xa, sức lực tráng kiện, binh chúng tinh nhuệ. Vả lại, các vị Lực sĩ dù dũng mãnh cũng khó địch nổi, nếu đánh nhau thì sẽ khó bảo toàn”. Nghĩ như vậy rồi, ông liền bàn với các vị Lực sĩ:

–Các vị tuy rất dũng mãnh, nhanh nhẹn, quả cảm, nhưng tám quốc vương kia chung sức đồng lòng, thì binh số đông đảo, quân trận hùng mạnh, nếu chiến đấu sẽ không tránh khỏi thất bại. Khí thế hai bên đều quyết liệt, khí giới sắc bén, khi đã giao tranh tất có tổn thương, tàn hại. Đức Như Lai khi còn ở đời đã dạy mọi người thực hành từ bi mà ngày nay bỗng đứng cùng nhau sát phạt. Các vị cũng không nên tham tiếc xá-lợi, nên phân chia cho các nước và những vị Ly-xa... Mỗi quốc vương đều ở nơi lãnh thổ của mình mà tạo dựng bảo tháp, mới hợp với lời dạy xưa kia của Đức Thế Tôn, lại cũng khiến cho các vị đều được phước lợi.

Các vị Lực sĩ nghe lời khuyên như vậy, tâm ý được thông tỏ liền đáp:

–Lời của ông nói thật hợp lý, xin thuận theo ý kiến của ông.

Bà-la-môn Đồ-lô-na khi thấy các vị Lực sĩ đã bãi bỏ việc quân binh, liền ra ngoài thành nói với các đức vua:

–Các vị nay vì việc gì mà dấy binh?

Các vua đáp:

–Chúng tôi vì pháp, nên từ xa đến cầu thỉnh xá-lợi nhưng bị chống cự, không chịu phân chia, vì vậy nay chúng tôi kéo binh cùng đến.

Bà-la-môn Đồ-lô-na lại nói với các vị vua:

–Chúng tôi đã cùng nhau bàn luận là muốn cầu hòa, các vị Lực sĩ sẽ phân chia xá-lợi cùng với quý vị. Các vị hãy dùng binh báu để đưng, tôi sẽ vì quý vị mà phân chia.

Tám vị quốc vương nghe nói như thế đều vui mừng, cùng trao binh vàng. Bà-la-môn Đồ-lô-na nhận các binh vàng đem vào thành, ở trên lầu cao mà phân chia xá-lợi, rồi giao lại cho tám vị quốc vương. Lúc ấy, các vị vua đã được phần xá-lợi, đều vui mừng phấn khởi, cung kính đem về nước mình, đều tạo dựng bảo tháp. Bà-la-môn Đồ-lô-na theo các vị Lực sĩ xin cái bình đã phân xá-lợi để tự tạo tháp thờ. Các vị Lực sĩ lấy phần xá-lợi của mình ở ngay nơi chỗ trà tỳ, hợp với tro than còn lại để tạo dựng bảo tháp phụng thờ. Như vậy là gồm có tất cả mười chỗ tạo tháp để tôn thờ xá-lợi.

Đức Như Lai từ khi sắp vào Niết-bàn, khi vào Niết-bàn cho đến lúc trà tỳ, tạo dựng bảo tháp phụng thờ xá-lợi, sự việc diễn biến là như vậy.

Sau đó Tôn giả Đại Ca-diếp cùng Tôn giả A-nan và các thầy Tỳ-kheo ở tại thành Vương xá đã kết tập ba tạng kinh điển.



bất bình, trả lời các sứ giả:

–Đức Phật đến nước chúng tôi mà vào Niết-bàn, xá-lợi tự nhiên phải thuộc về chúng tôi. Nếu muốn ở cõi nước khác cùng tạo bảo tháp trang nghiêm để cúng dường, thì việc ấy không thể được. Khi bảo tháp ở đây hoàn thành, mặc tình các vị có thể thích thú, cùng đến đây để cúng dường lễ bái. Còn nếu muốn dấy binh để được vào chốn này trước thì quân và dân nước chúng tôi cũng đủ sức lo liệu để chống lại.

Các vị sứ giả đều trở về nước mình, mỗi người đều trình bày lên vua sự việc như vậy. Các vị vua nghe xong trong lòng càng giận dữ, đều chỉnh đốn các loại binh mã kéo đến công phạt. Lúc ấy, các vị Lục sĩ cũng sửa sang chiến cụ để chống lại kẻ địch.

Bấy giờ trong thành Cư-thi-na có một vị Bà-la-môn tên Đồ-lô-na là hàng thông minh trí tuệ, tin tưởng nơi Tam bảo, bèn tự nghĩ: “Quốc vương tám nước kia và các vị Ly-xa, sức lực tráng kiện, binh chúng tinh nhuệ. Vả lại, các vị Lục sĩ dù đông mãnh cũng khó địch nổi, nếu đánh nhau thì sẽ khó bảo toàn”. Nghĩ như vậy rồi, ông liền bàn với các vị Lục sĩ:

–Các vị tuy rất đông mãnh, nhanh nhẹn, quả cảm, nhưng tám quốc vương kia chung sức đồng lòng, thì binh số đông đảo, quân trận hùng mạnh, nếu chiến đấu sẽ không tránh khỏi thất bại. Khí thế hai bên đều quyết liệt, khí giới sắc bén, khi đã giao tranh tất có tổn thương, tàn hại. Đức Như Lai khi còn ở đời đã dạy mọi người thực hành từ bi mà ngày nay bỗng đứng cùng nhau sát phạt. Các vị cũng không nên tham tiếc xá-lợi, nên phân chia cho các nước và những vị Ly-xa... Mỗi quốc vương đều ở nơi lãnh thổ của mình mà tạo dựng bảo tháp, mới hợp với lời dạy xưa kia của Đức Thế Tôn, lại cũng khiến cho các vị đều được phước lợi.

Các vị Lục sĩ nghe lời khuyên như vậy, tâm ý được thông tỏ liền đáp:

–Lời của ông nói thật hợp lý, xin thuận theo ý kiến của ông.

Bà-la-môn Đồ-lô-na khi thấy các vị Lục sĩ đã bãi bỏ việc quân binh, liền ra ngoài thành nói với các đức vua:

–Các vị nay vì việc gì mà dấy binh?

Các vua đáp:

phạm và chúng trời tụ tập. Ta nay tùy chỗ thích ứng sẽ có lời chỉ dạy cho ông, khiến ông được rõ.

Khi ấy vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kế bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, con một thời ở cõi trời Ba mươi ba, có chủ trời Đế-thích, vua trời Đại phạm và chúng trời cùng tụ tập tại giảng đường Thiện pháp. Lúc bấy giờ có vị trời do nhân duyên mới sanh ở cõi trời ấy, đồng thời cũng có những vị trời khác sanh ra trước đó, thấy các vị mới sanh có đủ năm việc rất đáng ưa thích: được sống lâu, được sắc đẹp, được tiếng tăm, được an lành, được quyền thuộc nơi cõi trời. Bạch Đức Thế Tôn, lúc ấy có một Thiên tử nói: “Chư Hiền, các vị hãy xem, những vị trời mới sanh kia và cũng có các vị sanh trước đó, có đủ năm việc rất đáng ưa thích, đó là: được sống lâu, sắc đẹp, tiếng tăm, an lành và quyền thuộc nơi cõi trời”.

Lại có một số vị Thiên tử nói: “Chư Hiền, các vị trời mới sanh này đều là người tu hành thanh tịnh trong pháp Thanh văn của Đức Thế Tôn, sau khi thân hoại mạng chung cảm quả báo tốt đẹp mà sanh đến cõi trời Ba mươi ba này. Đồng thời cũng có các vị trời sanh trước đó đều có đủ năm thứ rất đáng ưa thích”.

Lại có một số Thiên tử nói: “Vui sướng thay! Chư Hiền, nếu có bốn Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian, giảng nói các pháp đem lại lợi ích cho trời người, giảm bớt chúng A-tu-la, khiến chư Thiên tăng trưởng lợi ích.

Khi ấy lại có một số Thiên tử nói: “Thôi đi! Chư Hiền, chẳng nói chi có bốn Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian. Vui thích thay! Chư Hiền, nếu có ba Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian, giảng nói các pháp đem lại lợi ích cho trời người, giảm bớt chúng A-tu-la, tăng trưởng lợi ích cho chư Thiên”.

Lại có một số Thiên tử nói: “Thôi đi! Nay chư Hiền, chẳng nói chi có ba Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian. Vui thích thay! Chư Hiền, nếu có hai Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện tại thế gian, giảng nói các pháp đem lại lợi ích cho trời người, giảm bớt chúng A-tu-la, tăng trưởng lợi ích cho chư Thiên”.

Các việc như vậy mong Đức Phật vì chúng con giảng nói.

Lúc ấy, trời Đế-thích, vua trời Đại phạm đang có mặt trong chúng hội của Phật. Phật đem việc này bảo trời Đế-thích và chư Thiên:

–Các vị nên biết, cùng trong một thời không khi nào có hai Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện tại thế gian, giảng nói các pháp.

Trời Đế-thích và chư Thiên nghe Phật dạy như vậy, đều sanh tâm vui mừng, thích thú.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn nhận thấy trời Đế-thích và các thiên chúng đều sanh hoan hỷ, liền bảo đại chúng:

–Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện tại thế gian, đầy đủ tám pháp hy hữu, các vị nếu muốn được nghe, trước hết phải sanh tâm hoan hỷ và khởi ý ưa thích.

Tức thời Đức Phật bảo thiên chủ Đế-thích:

–Này Kiều-thi-ca, ông nay nên vì chư Thiên, tùy thuận khéo nói tám pháp hy hữu của Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác.

Khi ấy trời Đế-thích vâng lời Phật dạy, giảng nói tám pháp hy hữu của Đức Như Lai.

–Này chư Hiền, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác tùy thuận chúng sanh xuất hiện thế gian, quyết định làm giảm bớt chúng A-tu-la, tăng trưởng thiên chúng, khiến cho nhiều người được lợi ích an lạc, lợi lạc như vậy thật là hy hữu.

Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở thế gian, ta không thấy ở quá khứ cũng như hiện tại có sự sai khác. Do vậy Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện tại thế gian, nói pháp giáo hóa đem lại lợi ích cho trời người. Ấy là pháp phá các kiến chấp, pháp xa lìa nhiễm ô, pháp thuận quán sát, pháp trong sạch, pháp biết rõ các thọ, pháp trừ tâm kiêu mạn, pháp điều phục dòng nước khát ái, pháp phá trừ vô minh, pháp đoạn trừ mọi nường tựa, pháp lìa tham ái, pháp vắng lặng, pháp Niết-bàn, giảng nói các pháp như vậy thật là hy hữu.

Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở thế gian, ta không thấy ở quá khứ cũng như hiện tại có sự sai khác. Do vậy Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện tại

Lúc ấy, trời Đế-thích, vua trời Đại phạm đang có mặt trong chúng hội của Phật. Phật đem việc này bảo trời Đế-thích và chư Thiên:

–Các vị nên biết, cùng trong một thời không khi nào có hai Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện tại thế gian, giảng nói các pháp.

Trời Đế-thích và chư Thiên nghe Phật dạy như vậy, đều sanh tâm vui mừng, thích thú.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn nhận thấy trời Đế-thích và các thiên chúng đều sanh hoan hỷ, liền bảo đại chúng:

–Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện tại thế gian, đầy đủ tám pháp hy hữu, các vị nếu muốn được nghe, trước hết phải sanh tâm hoan hỷ và khởi ý ưa thích.

Tức thời Đức Phật bảo thiên chủ Đế-thích:

–Này Kiều-thi-ca, ông nay nên vì chư Thiên, tùy thuận khéo nói tám pháp hy hữu của Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác.

Khi ấy trời Đế-thích vâng lời Phật dạy, giảng nói tám pháp hy hữu của Đức Như Lai.

–Này chư Hiền, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác tùy thuận chúng sanh xuất hiện thế gian, quyết định làm giảm bớt chúng A-tu-la, tăng trưởng thiên chúng, khiến cho nhiều người được lợi ích an lạc, lợi lạc như vậy thật là hy hữu.

Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở thế gian, ta không thấy ở quá khứ cũng như hiện tại có sự sai khác. Do vậy Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện tại thế gian, nói pháp giáo hóa đem lại lợi ích cho trời người. Ấy là pháp phá các kiến chấp, pháp xa lìa nhiễm ô, pháp thuận quán sát, pháp trong sạch, pháp biết rõ các thọ, pháp trừ tâm kiêu mạn, pháp điều phục dòng nước khát ái, pháp phá trừ vô minh, pháp đoạn trừ mọi nường tựa, pháp lìa tham ái, pháp vắng lặng, pháp Niết-bàn, giảng nói các pháp như vậy thật là hy hữu.

Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở thế gian, ta không thấy ở quá khứ cũng như hiện tại có sự sai khác. Do vậy Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện tại

thế gian, vì các hàng Thanh văn chỉ dạy các pháp cần tu học. Ấy là nên tu các pháp hạnh không sân hận. Do nhân duyên này nên Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, thường luôn giáo hóa chỉ dạy những vị tu hành nên ở các nơi trống vắng, tịch tĩnh tu hạnh không tranh cãi, hoặc khi đi, đứng, nằm, ngồi, nên xa nơi ồn ào, giảm bớt bạn bè, tự mình nương tựa thân mình, tự mình vui với mình, tự mình thương lấy mình, không xa lìa người khác mà tự mình nên tu hành. Những lời chỉ dạy như thế thật là hy hữu.

Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở thế gian, ta không thấy ở quá khứ cũng như hiện tại có sự sai khác. Do vậy Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện tại thế gian, tùy thuận thọ nhận các món ăn thức uống. Đức Như Lai trong khi ăn cảm nhận được thượng vị, cũng được chánh vị, được hương vị thứ nhất, được mùi vị không ly tán.

Lại nữa, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác thọ nhận đồ ăn uống xa lìa kiêu mạn, không có sự chấp trước, thường lìa lỗi lầm, sanh khởi trí tuệ chân chánh, thường hướng tới giải thoát, lại dùng pháp này giáo hóa chỉ dạy tất cả, thật là hy hữu.

Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở thế gian, ta không thấy ở quá khứ cũng như hiện tại có sự sai khác. Do vậy Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời đầy đủ thần thông, vì các hàng Thanh văn nói pháp thần thông, dạy dỗ, khai bày, hướng dẫn, khiến họ tu hành. Giáo hóa chỉ dạy như vậy thật là hy hữu.

Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở thế gian, ta không thấy ở quá khứ cũng như hiện tại có sự sai khác. Do vậy Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác hiện ra ở đời, xa lìa các nẻo nghi ngờ, mê lầm, cũng lìa việc luận bàn về nghi hoặc, ở trong pháp thiện đạt được điều không sợ hãi. Lìa nghi như vậy thật là hy hữu.

Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở thế gian, ta không thấy ở quá khứ cũng như hiện tại có sự sai khác. Do vậy Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời đối với các pháp, như điều đã giảng nói mà thực hành, như điều đã thực hành mà giảng nói. Lại đem các pháp đó chỉ dạy khai mở

dẫn dắt khiến người tu hành, chỉ dạy như vậy thật là hy hữu.

Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở thế gian, ta không thấy ở quá khứ cũng như hiện tại có sự sai khác. Do vậy Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác hiện ra ở đời, giảng dạy chỉ bày Niết-bàn và con đường đi vào Niết-bàn, làm tăng trưởng sung mãn không cùng tận. Ví như nước sông Căng-già, nước sông Diêm-mâu-na chảy về biển lớn, tăng trưởng không cùng tận, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác cũng lại như vậy, giảng dạy chỉ bày Niết-bàn và con đường đi đến Niết-bàn, khéo giảng nói các pháp Niết-bàn và khéo an lập, khiến cho người tu hành tăng trưởng không cùng tận. Giảng dạy chỉ bày như vậy thật là hy hữu.

Này chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở đời đầy đủ tám pháp hy hữu như vậy, cho nên ta không thấy ở quá khứ và hiện tại có sự sai khác.

Bấy giờ các Thiên tử nghe lời trên xong, lại càng sanh hoan hỷ hơn trước, tâm ý vui thích, thưa với chủ trời Đế-thích:

–Thưa Thiên chủ, xin vì chúng tôi nêu giảng lại tám pháp hy hữu của Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác.

Khi ấy trời Đế-thích vì các thiên chúng nói lại lần thứ hai tám pháp hy hữu:

–Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác tùy thuận chúng sanh xuất hiện ở đời, quyết định làm giảm bớt chúng A-tu-la, khiến chư Thiên được tăng trưởng lợi ích an lạc. Lợi lạc như vậy thật là hy hữu.

Chư Hiền, cho nên Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở thế gian, ta không thấy ở quá khứ cũng như hiện tại có sự sai khác... *Như trên đã rộng nói, cho đến câu...* Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện tại thế gian, giảng dạy chỉ bày Niết-bàn và con đường dẫn đến Niết-bàn, tăng trưởng sung mãn không cùng tận. Ví như nước sông Căng-già, nước sông Diêm-mâu-na chảy về biển lớn không cùng tận, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác cũng như vậy, chỉ dạy Niết-bàn và con đường đi đến Niết-bàn, khéo giảng nói pháp Niết-bàn và khéo an lập, khiến người tu hành tăng trưởng không cùng tận. Giảng dạy chỉ bày như vậy thật là hy hữu.

Này chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở đời đầy đủ tám pháp hy hữu như vậy, cho nên ta không thấy ở quá khứ hay hiện tại mà có sai khác.

Nghe xong lời ấy, các vị Thiên tử ấy lại càng sanh tâm hoan hỷ hơn trước, tâm ý vui thích.

Bấy giờ Đức Thế Tôn sau khi đã biết chư Thiên đã sanh tâm hoan hỷ hơn trước, lại bảo vua trời Đế-thích:

–Kiều-thi-ca, ông nay nên nói lại lần nữa tám pháp hy hữu của Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lúc ấy trời Đế-thích vâng lời Phật dạy, nói lại lần thứ ba, tám pháp hy hữu:

–Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác tùy thuận chúng sanh xuất hiện ở đời, quyết định làm tổn giảm chúng A-tu-la, tăng trưởng lợi ích cho thiên chúng, khiến nhiều người được lợi ích an lạc. Lợi lạc như vậy thật là hy hữu.

Chư Hiền, cho nên Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở đời, ta không thấy ở quá khứ và hiện tại mà có sai khác... *Như trên đã rộng nói, cho đến câu...* Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời chỉ dạy Niết-bàn và con đường để vào Niết-bàn, tăng trưởng sung mãn không cùng tận. Ví như nước sông Căng-già, nước sông Diễm-mâu-na chảy về biển lớn tăng trưởng không cùng tận, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác cũng lại như vậy, chỉ dạy Niết-bàn và con đường đi đến Niết-bàn, khéo giảng nói pháp Niết-bàn và khéo an lập, khiến người tu hành tăng trưởng không cùng tận. Giảng dạy chỉ bày như vậy thật là hy hữu.

Này chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở đời đầy đủ tám pháp hy hữu như vậy, cho nên ta không thấy ở quá khứ hay hiện tại mà có sai khác.

Nói như vậy xong, lúc ấy Đại Phạm thiên vương biết chư Thiên đều sanh hoan hỷ, tâm ý vui thích hơn trước, liền nói kệ:

*Chủ trời Đế-thích cùng thiên chúng  
Như vậy đều sanh tâm hoan hỷ  
Quy mạng xưng tán Đức Như Lai  
Khéo nói pháp hy hữu của Phật.*

*Trước thấy chư Thiên kẻ mới sanh  
 Đây đủ sắc tướng và oai quang  
 Do đã lâu tu hành phạm hạnh  
 Được sanh cõi trời đủ lực lớn.*

Khi ấy tất cả chư Thiên nơi cõi trời Ba mươi ba nghe kệ rồi đều sanh hoan hỷ hơn trước, tâm ý vui thích.

Bấy giờ vua trời Đại phạm biết chư Thiên sanh tâm hoan hỷ hơn trước rồi, liền bảo chúng trời:

–Các vị nếu ưa muốn nghe việc Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác đầy đủ trí tuệ lớn, ở trong nẻo sanh tử tạo được nhiều lợi ích an lạc, những việc như thế này thì cần phải sanh tâm hoan hỷ hơn trước, phát khởi ý ưa thích.

Thiên chúng cùng nhau thưa với vua trời Đại phạm:

–Lành thay! Đại Phạm thiên vương, kính mong rộng nói về việc Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác đầy đủ trí tuệ lớn, ở trong nẻo sanh tử tạo được nhiều lợi ích an lạc.

Khi ấy vua trời Đại phạm liền rộng giảng nói về nhân duyên trí tuệ của Đức Như Lai ở thời xa xưa.

Đại Phạm thiên vương thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, trong đời quá khứ có một quốc vương tên là Vực Chủ. Thời ấy có một vị Bà-la-môn tên Kiên Cố, nhậm chức phụ tướng, làm quân sư cho nhà vua, trí tuệ thông minh, đầy đủ tài ba thao lược khéo việc trị nước. Vua có thái tử tên là Lê-nỗ, vua rất yêu mến, thông minh trí lớn, lại có nhiều tài, khéo biết mọi việc, vua thường thương nhớ. Thái tử Lê-nỗ kia có sáu người bạn trẻ dòng Sát-đế-lợi kết làm bạn thân, thường gặp gỡ nhau nhóm cát làm vui. Phụ tướng Bà-la-môn Kiên Cố cũng có một người con tên là Hộ Minh, tài trí lanh lợi, thông thạo mọi công việc, được cha yêu mến. Bạch Đức Thế Tôn, phụ tướng tham gia chính sự trải qua nhiều năm, sau một thời gian bỗng nhiên mạng chung. Vua nghe phụ tướng Bà-la-môn Kiên Cố đã mạng chung thì buồn rầu ảo não, rơi nước mắt, vin gối bàng hoàng, mê man tuyệt vọng nói:

–Vị phụ tướng của ta là bậc tài trí, tham gia giúp việc điều hành quốc chánh tốt đẹp, lại thường cùng ta vui thích, nay bỗng qua đời

khiến ta rất đau khổ.

Khi ấy thái tử nghe vua cha vì phụ tướng Bà-la-môn Kiên Cố mạng chung mà ưu sầu áo não, liền đến chỗ vua cha thưa:

–Phụ vương không nên lo buồn than khóc, chớ có tuyệt vọng, đau khổ. Vì sao vậy? Phụ vương nên biết Bà-la-môn Kiên Cố có một trưởng tử tên là Hộ Minh, gồm đủ tài trí, thông minh hơn người, nếu được thừa kế địa vị của cha, khả năng hiểu biết về chính sự, việc của người cha rõ, người con này thấy đều biết rõ. Nay có người như thế, sao vua cha lại lo buồn? Phụ vương nên ra lệnh triệu vào cung tùy việc chỉ dạy, đem trách nhiệm của cha giao phó cho người con.

Vua cha nghe lời, liền gọi sứ giả đến bảo:

–Người đến chỗ của đồng tử Hộ Minh truyền lại lời này: “Vua nay triệu ông nên mau đến đây.”

Sứ giả nhận lệnh, tức thời đi đến chỗ của đồng tử Hộ Minh, đến nơi, tuyên lại đủ lệnh của vua: Vua triệu Hộ Minh mau vào cung. Đồng tử Hộ Minh nghe sứ giả nói, liền đi đến chỗ vua, thân hành cung kính ngồi qua một bên. Nhà vua rất hoan hỷ, an ủi vỗ về và nói:

–Ta nay thật sự chỉ dạy cho ông: Thân phụ ông qua đời, tuy rất đáng buồn nhưng ta nay ra lệnh cho ông thừa kế địa vị của cha lãnh chức phụ tướng. Ông khéo cùng ta sửa trị việc nước.

Đồng tử Hộ Minh nhận lệnh của vua, thừa kế địa vị của cha làm phụ tướng, cùng vua sửa trị việc nước như công việc của người cha. Tất cả cách thức ứng xử công việc đều giống như cha mình, không có sai sót.

Bấy giờ trong nước, các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, nhân dân biết được sự việc ấy, đều nói:

–Quý hóa thay đồng tử Hộ Minh! Cha ngài ngày xưa tên là Kiên Cố, con nay kế vị. Hãy mở rộng sự nghiệp của người đi trước! Chúng tôi sẽ gọi ngài là Đại Kiên Cố. Tên của Ngài trước đây là Hộ Minh, nay phát xuất từ sự nhiệt tình của mọi người mà có hiệu khác. Từ nay về sau đều gọi ngài là Đại Kiên Cố.

Bạch Đức Thế Tôn, bấy giờ phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố làm việc không bao lâu, liền đi đến chỗ sáu vị đồng tử Sát-đế-lợi và bảo:

–Này các đồng tử, các vị nên đến thăm thái tử Lê-nỗ, thưa với

ông ấy: “Thái tử nếu gặp cảnh khổ não chúng tôi và ngài cùng chịu, nếu được vui thích chúng ta cùng hưởng. Người có chỗ hướng về nường, tôi cũng có chỗ trở về. Nay phụ vương của ngài đã quá già nua, đi đứng yếu đuối, tuổi thọ chẳng còn bao lâu, một mai vua qua đời, chúng ta về đâu? Ngài nay nên biết, cần có các đại thần phò tá, cùng nhau bàn luận, sau khi đức vua băng hà, tất sẽ giúp ngài nhận lễ quán đảnh làm vua. Người nếu đã nối thừa vương vị, nên đem quốc độ cùng với chúng tôi phân ra để cùng sửa sang cai quản.”

Sáu vị đồng tử nghe phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố nói như vậy liền cùng nhau đi đến chỗ thái tử Lê-nỗ, trình bày đầy đủ như trên. Khi đó thái tử nói:

–Này các đồng tử, nếu ta còn sống đến ngày đó, và có các đại thần phò tá, lập ta lên kế vị cùng trao lễ quán đảnh, ta khi ấy sẽ không quên các ông, quốc độ phân chia ra để cùng các ông cai trị. Nếu có điều vui chúng ta cùng hưởng.

Sau đó, trải qua một thời gian dài vua Vực Chủ bỗng nhiên mạng chung. Bấy giờ các đại thần phò tá đến chỗ thái tử cùng thưa:

–Thái tử nên biết, chúng tôi là các đại thần xin trao lễ quán đảnh cho ngài, nay đã đến lúc ngài thừa kế vương vị.

Thái tử Lê-nỗ nói với các đại thần phò tá:

–Các ông nếu thấy ta gánh vác được mà lập lên kế tục vương vị, nay chính đúng lúc.

Khi ấy các quan phò tá liền thiết lập tòa sư tử tốt đẹp. Thái tử lên ngôi trên tòa, họ dùng nước thơm rưới trên đảnh và cùng nhau tôn xưng:

–Thưa Thiên tử, ngày nay đã đến lúc thừa kế vương vị, chúng tôi quần thần xin tôn vua quán đảnh.

Vua làm lễ quán đảnh xong thì dốc lòng lo việc trị nước.

Bạch Đức Thế Tôn, vua Lê-nỗ lên ngôi thời gian chưa bao lâu, tùy ý thỏa thích vui đùa trong năm dục.

Khi ấy phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố đi đến chỗ của sáu vị đồng tử bảo:

–Các ông nên biết, thái tử đã thọ lễ quán đảnh, đang ở vương vị thời gian chưa bao lâu, vui trong năm món dục, tùy ý thỏa thích. Lúc trước vua có nói cùng các vị phân chia đất nước để cai trị, các vị nay

nên đến chỗ vua Lê-nỗ mà thưa: “Đức vua trước đây có hứa với chúng tôi phân đất để cai trị, đức vua nay còn nhớ không?”

Bấy giờ sáu vị đồng tử nghe phụ tướng Đại Kiên Cố nói xong, liền cùng nhau đi đến chỗ vua Lê-nỗ, nói lại đủ như trên.

Bạch Thế Tôn, khi ấy vua Lê-nỗ bảo sáu vị đồng tử:

–Lời hứa trước đây như thế nào, ta đều nhớ cả. Ta nay sẽ đem quốc độ này chia làm bảy phần cấp cho các ông, để mỗi người đều có đất trị vì.

Nghe dạy như vậy, sáu vị đồng tử đều tâu vua:

–Vua đã phán lời như thế thật là tốt đẹp, mong đức vua triệu phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố, khiến ông ta như lời vua phán dạy thân hành phân chia cương giới cảnh vực. Ông ấy thông minh, trí tuệ thấu đạt, có thể phân chia đúng đắn.

Vua Lê-nỗ bèn ra lệnh cho sứ giả:

–Ông đến chỗ của phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố thưa: “Vua có lệnh triệu, mau đến chỗ vua”.

Sứ giả vâng mạng, liền đi đến chỗ ở của phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố. Sau khi đến nơi liền nói lại lời triệu của đức vua:

–Ngài nên nhanh chóng đến yết kiến đức vua.



# PHẬT NÓI KINH DUYÊN KHỞI BÀ-LA-MÔN ĐẠI KIÊN CỐ

## QUYỂN II

Lúc bấy giờ phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố liền đến yết kiến đức vua Lê-nỗ. Đến nơi, ngài hết lòng cung kính, lui ngòi qua một bên. Vua vui mừng khen ngợi an ủi, phụ tướng cũng rất cung kính đối đáp. Vua nói:

–Này Đại Kiên Cố, nay ông hãy vì ta phân chia đất nước này ra làm bảy phần để ta cùng sáu vị đồng tử đều có phần đất riêng.

Khi ấy phụ tướng nhận lệnh vua rồi liền suy tính để phân ranh giới. Phía Bắc và cạnh Bắc, ranh giới rộng rãi. Phía Nam và cạnh Nam ranh giới nhỏ hẹp, cũng như hình dáng chiếc xe. Đất đai cảnh trí của vùng trung thổ, chỗ có nhiều người tụ hội đông đảo là nơi đóng đô của vua Lê-nỗ, có thành Nại-đa-bố-la thuộc nước Ca-lăng-nga, thành Bao-đát-na thuộc nước Ma-thấp-ma-ca, thành Ma-hư-sa-ma thuộc nước Vãn-đế-na, thành Lao-lỗ-ca thuộc nước Tô-vĩ-la; thành Vĩ-đề-hứ thuộc nước Di-thế-la, thành lớn Chiêm-ba thuộc nước Ma-già-đà, thành lớn Ca-thi thuộc nước Ba-la-nại. Như vậy bảy nước đã phân ranh giới rồi, sáu vị đồng tử ở nơi mỗi nước nhận lễ quán đảnh, đều lên làm vua thống lãnh một vùng. Từ đó về sau mới có bảy vua, đó là: Vua Lê-nỗ, vua Phá Oán, vua Phạm Thọ, vua Thắng Tôn, vua Minh Ái, vua Trì Quốc, vua Đại Trì Quốc. Như vậy bảy vua đều có phần đất thống lãnh riêng. Một thời gian sau, sáu vị vua cùng nhau nhóm họp đến chỗ phụ tướng Bà-la-môn. Khi đến nơi, các vị liền thưa:

–Đại Kiên Cố, người sẵn có mưu trí tài ba thao lược phò tá cho

đại vương Lê-nỗ. Sáu vị vua chúng tôi cũng mong được ông giúp đỡ để cùng nhau tán trợ.

Phụ tướng Bà-la-môn nghe xong, nhận lời phụ giúp cho cả bảy đức vua, nếu có công việc thì cùng nhau bàn luận.

Phụ tướng Bà-la-môn sau này lại còn làm giáo thọ cho bảy ngàn Bà-la-môn tụng kinh điển và cũng là giáo thọ cho bảy ngàn Bà-la-môn khác đọc kinh điển.

Khi ấy các Trưởng giả, Bà-la-môn, Cư sĩ, nhân dân đều biết phụ tướng Bà-la-môn tài trí như vậy, cùng nhau luận bàn:

–Vị Đại Kiên Cố ấy, đúng là một bậc đại Bà-la-môn chân thật, lại có thể cùng các vị Bà-la-môn giảng dạy cho họ đọc tụng kinh điển Vệ-đà.

Phụ tướng Bà-la-môn nghe mọi người nhận xét như vậy, liền nghĩ: “Các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, nhân dân này, ở đâu họ cũng cùng nhau bình phẩm tán dương ta quá đáng, cho ta là người tài trí, lại xem ta là bậc đại Bà-la-môn chân thật, địa vị ấy ta chưa được, ta tự quán xét thật chẳng phải là bậc đại Bà-la-môn chân thật. Ta nay lại không thể cùng các Bà-la-môn giảng dạy đọc tụng kinh điển Vệ-đà, khiến họ hiểu biết chánh đáng rộng rãi. Ta thật chẳng phải tài giỏi. Huống nữa, sắc thân hình tướng thế gian của ta không tồn tại lâu dài. Ta xưa đã từng nghe các bậc tiên đức kỳ cựu đại Bà-la-môn có trí nói: “Trong pháp của Bà-la-môn, ai trong bốn tháng mùa hạ, ở chỗ thanh vắng tu tập Bi quán. Nếu thiền quán được thành tựu thời vua trời Đại phạm sẽ hiện thân đến, thỏa mãn lòng cầu nguyện”. Nếu được như vậy ta rất ưa thích. Ta nên như lời dạy mà tu tập thiền quán này”. Nói và nghĩ như vậy, bấy giờ, phụ tướng Bà-la-môn muốn sắp xếp trong bốn tháng mùa hạ, ở chỗ thanh vắng tu tập thiền định Bi quán, liền đến chỗ vua Lê-nỗ tâu:

–Thưa Đại vương, tôi nay mong muốn trong bốn tháng mùa hạ ở chỗ thanh vắng tu tập thiền định Bi quán, mong ngài chấp nhận.

Vua Lê-nỗ nói:

–Này Đại Kiên Cố, tùy ý ông muốn nếu thấy hợp thời.

Phụ tướng Bà-la-môn được vua hứa rồi, đến chỗ thanh vắng lặng tâm chuyên chú, ở trong bốn tháng mùa hạ tu tập Bi quán.

Bốn tháng mùa hạ đã qua, đúng ngày rằm trăng tròn các khát sĩ

làm lễ trưởng tịnh, nên ở chỗ ấy dựa theo pháp của Bà-la-môn, dùng Cù-ma-di sạch trét trên đất rồi lập hỏa đàn ở bốn phương, ở chính trung tâm cũng lập hỏa đàn. Khi ấy phụ tướng Bà-la-môn tắm rửa, mặc áo mới sạch sẽ, từ phương Bắc bước lên, đến ranh đàn phía Nam trái cỏ kiết tường, phủ khắp mặt đất của đàn, ngồi xuống mặt xoay về phía Bắc, cầm dụng cụ tiến hành việc phụng sự lửa để tế tự Phạm thiên.

Bấy giờ phụ tướng Bà-la-môn làm lễ chưa bao lâu, bỗng ở phương Bắc hiện tướng ánh sáng lớn. Phụ tướng Bà-la-môn thấy được ánh sáng ấy, sanh tâm cho là ít có, toàn thân lông dựng đứng, lại càng nghiêm túc cung kính vững tâm an trú. Ánh sáng kia chói lợi xưa nay chưa từng thấy. Vua Đại Phạm thiên hiện ánh sáng lớn, sau đó không bao lâu, từ phương Bắc đến, trụ trong hư không. Phụ tướng Bà-la-môn một lòng hoan hỷ, ngược nhìn lên thấy vua Đại Phạm thiên ở giữa hư không liền chấp tay đánh lễ, nói kệ:

*Đủ oai thần sắc tướng quang minh  
Là vị Thánh nào hiện trên không  
Tôi nay tuy thấy không thể biết  
Xin nguyện như thật vì tôi nói.*

Bấy giờ Đại Phạm thiên vương liền nói kệ đáp phụ tướng Bà-la-môn:

*Những người thanh tịnh tức sẽ biết.  
Ta thường trụ ở cõi Phạm thế  
Lại nữa chư Thiên biết tên ta  
Vị Bà-la-môn nên tự xét.*

Phụ tướng Bà-la-môn lại nói kệ:

*Cần dùng nước sạch và tòa ngồi  
Tô, mật, sữa, cháo, vị tối thắng  
Tôi lần đầu hết lòng hiến dâng  
Xin nguyện Phạm vương thương thọ nhận.*

Đại Phạm thiên vương lại nói kệ:

*Cần dùng nước sạch và tòa ngồi  
Tô, mật, sữa, cháo, vị tối thắng*

*Vị Bà-la-môn cúng lạy đầu  
Ta nay theo đó vì ông nhận.*

Phụ tướng Bà-la-môn nói kệ:

*Các cảnh năm dục tên cõi này  
Được sanh Phạm thế tên cõi khác  
Tôi thích nghĩa này muốn thưa hỏi  
Xin được Phạm vương hứa nghe cho.*

Đại Phạm thiên vương nói kệ:

*Cõi này cõi khác trong hai nghĩa  
Tùy ý ưa thích ông cứ hỏi  
Ta nay hứa nghe đều không nghi  
Ông hỏi thế nào mau nên nói.*

Khi ấy phụ tướng Bà-la-môn suy nghĩ: “Ta nay muốn dứt bỏ nghi hoặc, nên hỏi Phạm thiên về ý nghĩa gì trước tiên? Nên hỏi thế giới này do đâu mà phát khởi? Hay hỏi ý nghĩa của thế giới kia làm sao được sanh?” Phụ tướng Bà-la-môn lại suy nghĩ: “Về ý nghĩa của thế giới này là do năm dục phát khởi, ở đây ta không nên hỏi. Ta nay nên hỏi ý nghĩa sanh thế giới khác, tức là cõi Phạm thiên”. Phụ tướng Bà-la-môn nghĩ như vậy rồi liền hỏi Đại Phạm thiên vương:

–Đại Phạm thiên vương, bậc đồng mãnh thanh tịnh, tôi nay xin hỏi ngài, nguyện giải trừ nghi hoặc. Người trong cõi Đại phạm nếu muốn cầu sanh về cảnh giới tịch tĩnh của Phạm thiên, nên tu hạnh gì để được sanh về?

Bấy giờ Đại Phạm thiên vương nói bài kệ đáp lời phụ tướng Bà-la-môn:

*Người tu vô ngã tức tịnh hạnh  
Tâm trụ một cảnh, bị giải thoát  
Lìa các nhiễm dục trừ phiền não  
Như thế được sanh Phạm thiên giới.*

Phụ tướng Bà-la-môn thưa với Đại Phạm thiên vương:

–Như ngài dạy trong bài kệ, người tu vô ngã tức là tịnh hạnh. Tôi đối với nghĩa này có thể rõ biết, nghĩa là có người khởi tâm chánh tín, tu theo pháp xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, giàu có sung sướng dù ít, dù nhiều cũng đều xả bỏ, trí tuệ có thể theo đấy mà chuyển biến,

vẫn bình đẳng lia các chấp trước, chỉ dùng ba y và một bình bát, không sở hữu vật gì khác. Ở trong việc học và truyền trao các pháp cần tu học, ba nghiệp thân, ngữ, ý đầy đủ thanh tịnh nơi thân mạng thanh tịnh tự sống, lia các lỗi lầm, như vậy gọi là người tu vô ngã.

Lại như Đại Phạm thiên vương nói:

–“Tâm trú một cảnh”, tôi nghe lời này cũng có thể hiểu rõ. Nghĩa là người thực hành thiền định, trong tâm thanh tịnh, trụ vào một cảnh, không tầm không tứ, định sanh hỷ lạc chứng nhị thiền định, đầy đủ hạnh tu. Đây gọi là tâm trú nơi một cảnh.

Lại như Đại Phạm thiên vương nói:

–“Tâm bi là giải thoát”, tôi nghe câu này, cũng có thể hiểu. Nghĩa là có một hạng người tu hạnh từ bi, khởi tâm bi mãn trong đủ các thời, trước tiên ở phương Đông, trải tâm Bi rộng lớn ra khắp nơi, thực hành đầy đủ, tâm bình đẳng không hai, cũng không hạn lượng, không oán, không phiền não. Thực hành ở Đông phương như thế rồi, ở các phương Nam, Tây, Bắc bốn phía trên dưới, toàn thể thế giới, làm chuyển vận, mở rộng tâm Bi, thực hành đầy đủ cũng lại như vậy. Đây gọi là tu tâm Bi giải thoát.

Lại như Đại Phạm thiên vương nói:

–“Lìa các dục nhiễm dứt trừ phiền não”, tôi nghe câu này, chưa rõ nghĩa đó. Đại Phạm thiên vương, phiền não là những gì? Làm sao con người chuyển các phiền não mà được thanh tịnh? Các thứ phiền não trôi chảy đầy dẫy như biển ở trong tâm, làm sao khiến người tu hành được sanh về cảnh giới Phạm thiên tịch tĩnh kia?

Bấy giờ Đại Phạm thiên vương liền nói bài kệ trả lời phụ tướng Bà-la-môn:

*Tham, sân, si, mạn, nghi, phẫn, phú  
 Nã, hại, hư dối và tật xan  
 Dấy pháp nhiễm ấy hủy báng người  
 Chính đó gọi là các phiền não.  
 Xa lia những phiền não như trên  
 Trong nội tâm liền được thanh tịnh  
 Dứt tận cội nguồn biển phiền não  
 Được sanh cõi Phạm thiên tịch tịnh.*

Phụ tướng Bà-la-môn thưa Đại Phạm thiên:

–Như Phạm thiên đã dạy về các pháp phiền não, tôi nghe lời đó đã rõ ý nghĩa. Nếu tôi ở tại gia sẽ luôn bị trói buộc. Nếu tôi xuất gia sẽ trọn hưởng lìa lỗi lầm, cần phải tu tập phạm hạnh thanh bạch, chân chánh, trong sạch. Vì sao vậy? Có sanh đều phải diệt, mạng người ngắn ngủi, nếu không biết rõ chết liền đọa đường ác. Vì vậy tôi nay tự biết rõ phải khéo tu tập, thực hành phạm hạnh chân chánh, và không còn tạo nghiệp ác nơi thế gian. Thưa Đại Phạm thiên, tôi nay bỏ nhà mà cầu xuất gia. Cúi mong Phạm thiên biết tâm ý tôi.

Đại Phạm thiên nói:

–Như ý muốn của ông, nay chính là đúng lúc.

Bấy giờ từ không trung Đại Phạm thiên hiện ra dạy những lời như trên rồi biến mất.

Lại nữa, trong chúng hội, vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kế bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, con hôm nay nghe Phạm vương đối trước Thế Tôn nói việc nhân duyên đời trước, con bỗng suy nghĩ: “Phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố thuở ấy phải chăng chính là Đức Thế Tôn?”.

Phật bảo vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kế:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố thuở ấy chính là thân Ta. Ta nhớ lại, việc đi xuất gia của phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố xưa kia. Ông đã từng nghe chưa?

Ngũ Kế thưa:

–Bạch Thế Tôn, con chưa nghe, con chưa từng nghe.

Phật dạy:

–Này Ngũ Kế, Ta nay sẽ lần lượt vì ông giảng nói. Này Ngũ Kế, thời ấy phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố làm công việc phụng sự lửa xong, đi đến chỗ ở của vua Lê-nỗ. Khi đến nơi, ông quỳ gối, cung kính trước vua, nói kệ:

*Tôi có ý nguyện nay xin thưa  
Đại vương Lê-nỗ, chủ quốc giới  
Tôi bỏ tướng vị cầu xuất gia  
Mong vua tự lo việc quốc chính.*

Bấy giờ đại vương Lê-nỗ nói kệ trả lời phụ tướng:

*Nếu ông thiếu kém việc cần dùng  
Mong muốn những gì ta sẽ giúp  
Nếu ai quấy nhiễu ông nói mau  
Ta dùng phép vua để trị phạt.  
Ông như cha ta, ta như con  
Chúng ta giúp nhau sao nữ là  
Ông tuy là tướng cũng là thầy  
Vì sao nay lại nói như vậy.*

Phụ tướng Bà-la-môn nói kệ:

*Những đồ cần dùng tôi không thiếu  
Cũng chẳng có ai gây phiền não  
Chỉ vì tôi nghe lời chân thật  
Phát tâm xuất gia không chuyển đổi.*

Đại vương Lê-nỗ nói kệ:

*Là phi nhân chân thật thế nào?  
Vì sao tin nghe lời như vậy  
Chớ cho lời ấy là chân chánh  
Bỏ chức phụ tướng cầu xuất gia!*

Phụ tướng Bà-la-môn nói kệ:

*Thiên tử, tôi trước phụng sự lửa  
Dốc phát tâm chuyên chú trong lành  
Theo pháp lập đàn hỏa tế trời  
Đem cỏ cát tường dùng để trải  
Đại Phạm thiên vương, bậc Tiên thánh  
Theo lời tôi cầu liền hiện thân  
Tôi nghe ngài nói lời chân thật  
Do vậy quyết tâm muốn xuất gia.*

Đại vương Lê-nỗ nói kệ:

*Như lời phụ tướng đã khéo nói  
Ta nay đều đã tin hiểu cả  
Ông trước đã nghe lời bậc Thánh  
Tâm xuất gia ấy sao chuyển được.*

*Lòng ông thanh tịnh như hư không  
Lại như lưu ly báu sạch đẹp  
Ông nếu tu hành ta cũng tùy  
Ta nhờ ông nên được khai ngộ.*

Vua Lê-nỗ nói kệ rồi, lại bảo:

–Này Đại Kiên Cố, tâm ông thanh tịnh, ưa tu hạnh lành, tùy theo ý ông muốn. Ông có chỗ trở về, ta cũng có chỗ trở về.

Phụ tướng Bà-la-môn lại nói kệ thưa với vua:

*Vua nên xả bỏ các cảnh dục  
Nếu còn chấp trước tức người mê  
Nên khởi quyết tâm lìa tham đắm  
Đủ sức nhân Tam-ma-hú-đa  
Người ngộ pháp ấy liền thanh tịnh  
Thật thường trụ đạo thanh tịnh ấy  
Giảng nói pháp môn chân thật này  
Do đấy được sanh cõi Phạm thiên.*

Này Ngũ Kế, sáu vị vua được phân ra lãnh đạo các nước kia, nghe phụ tướng Bà-la-môn bỏ chức vị phụ tướng vui cầu xuất gia, sáu vua liền nhóm một chỗ. Lúc ấy, phụ tướng Bà-la-môn tự đi đến chỗ sáu đức vua, quỳ gối, thưa:

–Các đại vương nên biết, tôi nay muốn từ bỏ chức vị phụ tướng, xin các ngài tìm cầu người trợ giúp việc nước, nếu muốn học hỏi nên tìm riêng vị thầy mô phạm. Tôi nay ưa muốn xuất gia tu đạo. Vì sao vậy? Tôi ở chỗ Đại Phạm thiên nghe được lời chân thật, đó là cần nên xa lìa các phiền não. Từ đây về sau, tôi không ưa thích lối sống tại gia chỉ có trói buộc. Như tôi xuất gia chỉ quyết nhằm xa lìa lỗi lầm và cần tu tập phạm hạnh chân chánh, thanh bạch, trong lành. Vì sao? Mạng người ngắn ngủi, có sanh đều phải có diệt. Nếu không hiểu rõ thì khi chết sẽ bị đọa cõi ác. Vì vậy tôi nay tự giác khéo tu tập, thực hành phạm hạnh chân chánh, không còn trở lại như người thế gian tạo các nghiệp ác.

Lúc ấy sáu vua cùng nhau bàn luận: “Ông phụ tướng Bà-la-môn này vì sao lìa bỏ giàu sang cầu xuất gia? Trong hàng Bà-la-môn cũng có người ưa thích giàu sang. Chúng ta nên đem việc giàu sang khuyên

bảo vị ấy chớ nên xuất gia”.

Sáu vua bàn luận xong, liền gọi vị phụ tướng Bà-la-môn nói:

–Sáu vị quân vương chúng tôi sẽ ban tất cả sự giàu sang tùy theo ý ông muốn, để khuyến thỉnh ông. Sự giàu sang của chúng tôi hiện nay đều nương theo pháp mà có.

Nói rồi họ liền đem tất cả tiền bạc của báu, các vật dụng quý giá sang trọng trao cho phụ tướng Bà-la-môn. Khi ấy phụ tướng Bà-la-môn thưa với sáu vị vua:

–Thưa các đại vương, nay tiền bạc, báu vật và các vật dụng quý giá sang trọng ấy tôi đều đã có đầy đủ. Những vật sở hữu của tôi, cũng nương theo pháp mà được. Tài sản của tôi, tôi còn xả bỏ, sao tôi lại nhận thêm vật của các đại vương ban. Chí tôi nay đã quyết cầu được xuất gia. Vì sao? Tôi gặp Đại Phạm thiên vương, được nghe lời chân thật là cần phải xả bỏ pháp phiền não... *(cho đến đoạn mà ở trên đã rộng nói)*.

Này Ngũ Kế, khi ấy sáu vị vua cùng bàn luận với nhau:

–Trong hàng Bà-la-môn cũng có người ưa thích sắc đẹp của kỹ nữ. Vậy chúng ta nên theo sự ưa thích ấy trao tặng, khiến ông ấy phải chấp nhận.

Bấy giờ sáu vị vua bàn luận xong, liền đem các kỹ nữ xinh đẹp tặng cho phụ tướng Bà-la-môn. Các vua nói:

–Các kỹ nữ này hình tướng xinh đẹp, thân thể đầy đặn, dung mạo dễ xem, lại có nhiều tài năng và hiểu biết. Ông nên thấu nhận chớ có xuất gia.

Phụ tướng Bà-la-môn thưa với sáu vị vua:

–Thưa đại vương, nhà tôi cũng đã có đến bốn mươi người vợ hình tướng, dung mạo đều xinh đẹp, dễ mến, đoan chánh. Tuy đã tự có, tôi vẫn xả bỏ tất cả, hướng chi nay lại nhận thêm ân đức của các vua. Tôi nay đã quyết chí cầu xuất gia. Vì sao? Tôi đã gặp Đại Phạm thiên vương, đã nghe lời dạy chân thật là cần nên xả bỏ pháp phiền não... *(như trên đã rộng nói)*.

Này Ngũ Kế, lúc ấy sáu vị vua nói với phụ tướng Bà-la-môn:

–Ông nay cương quyết cầu xuất gia, nhưng có thể chờ đợi được chăng? Sau bảy năm, con cháu của chúng tôi đã khôn lớn nên người rồi, chúng tôi cũng sẽ theo ông xuất gia. Đại Kiên Cố, ông có chớ

hướng về, chúng ta các vua cũng có chỗ trở về.

Phụ tướng Bà-la-môn thưa với sáu vị vua:

–Nếu đợi bảy năm thời gian rất là lâu. Chí tôi nay cương quyết mong mau được xuất gia. Vì sao vậy? Tôi đã gặp Đại Phạm thiên vương, nghe lời chân thật là cần nên xả bỏ pháp phiền não... *(như vậy, cho đến như trên đã rộng nói)*.

Sáu vị vua nói:

–Này Đại Kiên Cố, nếu không như thế thì có thể đợi sáu năm, hoặc năm năm, cho đến một năm.

Phụ tướng đáp:

–Nếu đợi một năm cũng là lâu. Tôi nay đã quyết chí mong mau được xuất gia.

Sáu vị vua lại nói:

–Nếu không được như vậy, thì hãy đợi bảy tháng.

Phụ tướng đáp:

–Nếu đợi bảy tháng cũng còn là lâu, tôi nay đã quyết lòng mong mau được xuất gia.

Sáu vị vua lại nói:

–Nếu không được thì hãy đợi sáu tháng cho đến nửa tháng.

Phụ tướng đáp:

–Nếu đợi nửa tháng thì quá lâu. Tôi nay đã quyết tâm mong mau được xuất gia.

Sáu vị vua lại nói:

–Nếu không được như vậy thì chỉ đợi bảy ngày.

Phụ tướng đáp:

–Thưa các đại vương, nếu đợi bảy ngày, kỳ hạn này có thể được. Chúng ta xuất gia, bỏ khổ được vui, nay chính là phải lúc.

Này Ngũ Kế, bảy giờ phụ tướng Bà-la-môn đi đến chỗ bảy ngàn người dạy họ tụng kinh điển Bà-la-môn cùng đến chỗ bảy ngàn người dạy họ đọc kinh điển Bà-la-môn. Đến các nơi ấy, ông bảo với tất cả một vạn bốn ngàn vị Bà-la-môn ấy:

–Lành thay! Lành thay! Này các chúng Bà-la-môn, các vị đã có kinh điển Vệ-đà, hoặc đọc hoặc tụng. Từ nay về sau, mỗi vị nên tìm riêng thầy dạy để học tập với nhau. Ta nay xuất gia, không thể dạy các vị. Vì sao vậy? Vì ta đã gặp Đại Phạm thiên vương, nghe lời chân

thật, đó là cần nên xả bỏ pháp phiền não. Từ nay về sau, ta không còn ưa thích lối sống tại gia chỉ nhiều ràng buộc. Ta nếu xuất gia chỉ theo một hướng xa lìa lỗi lầm, cần tu tập phạm hạnh thanh tịnh, chân chánh, trong lành. Vì sao? Mạng người ngắn ngủi, có sanh đều phải có diệt. Nếu không hiểu biết, chết sẽ bị đọa vào đường ác. Vì vậy ta nay tự giác, khéo tu tập, thực hành phạm hạnh chân chánh, không như người đời tạo các nghiệp ác.

Khi ấy một vạn bốn ngàn người trong chúng Bà-la-môn đều thưa với phụ tướng Bà-la-môn:

–Thầy là người trí chớ nên xuất gia. Vì sao vậy? Vì làm người xuất gia, ít có lợi ích, ít có oai đức, ít được khen ngợi. Nếu là Bà-la-môn thì có lợi ích lớn, có oai đức lớn, được khen ngợi lớn.

Phụ tướng Bà-la-môn bảo với một vạn bốn ngàn vị Bà-la-môn kia:

–Các vị Bà-la-môn, chớ nói như vậy! Các vị nên biết người xuất gia có lợi ích lớn, có oai đức lớn, có được sự khen ngợi lớn. Còn Bà-la-môn thì ít có lợi ích, ít có oai đức, ít được khen ngợi. Như các hiểu biết mà Bà-la-môn các ông đang có, tất cả đều nhờ nhân duyên thầy trao mà được. Vì vậy các ông chớ có cái nhìn sai khác.

Một vạn bốn ngàn vị trong chúng Bà-la-môn đều thưa với phụ tướng Bà-la-môn:

–Như thầy đã dạy, đúng như vậy. Phàm người xuất gia thì có lợi ích lớn, có oai đức lớn, được khen ngợi lớn, cho đến việc chúng tôi có được hiểu biết tất cả đều nhờ nhân duyên thầy trao dạy. Thầy ngày nay nếu có chỗ trở về, chúng tôi cũng có chỗ trở về.

Lúc ấy phụ tướng Bà-la-môn lại nói với một vạn bốn ngàn Bà-la-môn:

–Chúng ta xuất gia, bỏ khổ được vui, nay chính là đúng lúc.

Bấy giờ phụ tướng Bà-la-môn trở về nhà, gặp bốn mươi người vợ, nói với các vị ấy:

–Lành thay! Lành thay! Các vị mỗi người đều nên trở về nơi thân tộc của mình, hoặc có thể ở lại dòng tộc Bà-la-môn này. Ta nay từ giã các vị, chí cầu xuất gia. Vì sao? Ta đã gặp Đại Phạm thiên vương, nghe lời chân thật; đó là cần nên xả bỏ pháp phiền não. Từ nay về sau, ta không còn vui thích cảnh tại gia chỉ nhiều trói buộc. Ta

nếu xuất gia sẽ hết lòng lừa dối lầm, cần tu phạm hạnh thanh bạch, chân chánh, trong lành. Vì sao vậy? Mạng người ngắn ngủi, có sanh đều phải diệt. Nếu không hiểu biết thì khi chết sẽ bị đọa nơi cõi ác. Tự mình rõ biết, nên khéo tu tập phạm hạnh chân chánh, không còn trở lại thế gian tạo các nghiệp ác.

Bốn mươi người vợ nghe nói thế bèn thưa với phụ tướng Bà-la-môn:

–Ngài Đại Kiên Cố, khi nên làm Tôn sư, ngài là Tôn sư; khi đáng làm chồng, ngài là chồng; khi nên làm bạn lành, ngài là bạn lành. Nay tùy theo ý ngài muốn, ngài có chỗ trở về, chúng tôi cũng có chỗ trở về.

Phụ tướng Bà-la-môn bảo với bốn mươi vị phu nhân:

–Chúng ta xuất gia, bỏ khổ được vui, nay chính là đúng lúc.

Này Ngũ Kế, bấy giờ phụ tướng Bà-la-môn, những nơi cần thông báo đều đã thông báo xong. Ở trong bảy ngày, với niềm tin vững chắc, theo Phật xuất gia, râu tóc tự rụng, thân vận ca-sa thành tướng Bí-sô, đầy đủ oai nghi. Sau khi phụ tướng Bà-la-môn xuất gia, bảy vị vua ấy đều bỏ đất nước cùng theo xuất gia, lại có bảy ngàn vị Bà-la-môn được chỉ dạy tụng đọc kinh điển đều theo thầy xuất gia, bốn mươi vị phu nhân cũng xuất gia, lại có vô số trăm ngàn dân chúng đều tùy hỷ và ưa thích xuất gia.

Này Ngũ Kế, bấy giờ phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố xa lìa các dục, chứng quả A-la-hán. Đã chứng Thánh quả, ngài lại vì các vị đồng tu phạm hạnh giảng nói các pháp thanh tịnh. Đại chúng nghe pháp xong, hiểu rõ ý nghĩa, được sanh lên cõi Phạm thiên.

Lúc ấy vị Thanh văn Đại Kiên Cố lại tiếp tục vì các vị đồng tu phạm hạnh giảng nói các pháp Thanh văn. Họ nghe pháp xong, hiểu rõ ý nghĩa, được sanh làm bốn vị Đại thiên vương trong cõi Dục. Lại có các vị đồng tu phạm hạnh khác, nghe pháp tỏ ngộ sanh vào cõi trời Ba mươi ba. Hoặc có các vị đồng tu phạm hạnh được sanh nơi cõi trời Dạ-ma. Hoặc có một số vị được sanh nơi cõi trời Đâu-suất. Hoặc có một số vị được sanh nơi cõi trời Hóa lạc. Hoặc có một số vị được sanh nơi cõi trời Tha hóa tự tại.

Này Ngũ Kế, thời ấy, những ai trong chúng hội, hoặc nam hay nữ cùng tu phạm hạnh, sanh tâm lỗi lầm với Thanh văn Đại Kiên Cố

thì khi thân hoại mạng chung bị đọa trong địa ngục.

Thời ấy, những ai trong chúng hội, hoặc nam hoặc nữ cùng tu phạm hạnh, khởi niềm tin thanh tịnh với Thanh văn Đại Kiên Cố thì sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào cõi trời.

Này Ngũ Kế, khi ấy Thanh văn Đại Kiên Cố đi khắp các nơi thành ấp xóm làng, vì tất cả hạng người hoặc vua, hoặc quan, hoặc trưởng giả, hoặc Bà-la-môn, kẻ sĩ, dân chúng đều giáo hóa, đem lại lợi ích khiến họ lìa bỏ tà đạo.

Bấy giờ, ở trong nước, các bậc vua, quan, trưởng giả, Bà-la-môn, bậc tu phạm hạnh và người tại gia, cho đến tất cả kẻ sĩ, dân chúng đều nói:

–Vui thay! Chúng ta quy y với bậc Thánh Đại Kiên Cố, quan phụ tướng của bảy vị vua nên hôm nay mới được lợi ích lớn lao, tốt đẹp.

Đức Thế Tôn giảng nói về nhân duyên đời trước như thế xong, vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kế sanh tâm hoan hỷ, xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh.

Phật nói kinh này xong, vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kế cùng toàn thể đại chúng nghe lời Phật giảng, đều rất hoan hỷ, tin nhận phụng hành.





## SỐ 9

# PHẬT NÓI KINH NHÂN TIÊN

*Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Pháp Hiền.*

Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật cùng đông đủ đại chúng ở trong tinh xá Côn-tả-ca, tại thành Na-đề-ca. Bấy giờ Tôn giả A-nan ở riêng một mình, suy nghĩ như thế này: “Đức Thế Tôn trước đây đã có nói về các nước, các thành như nước Áng-nga, nước Ma-già-đà, nước Ca-thi, nước Kiền-tát-la, nước Mật-nhĩ-sa, nước Đại lực sĩ, nước Bôn-noa, nước Tô-ma, nước A-thuyết-ca, nước Phược-đế, nước Câu-lỗ, nước Bán-tả, nước Phược-tha, nước Thú-la-tây-na, nước Dạ-phược-na, nước Cam-mô-nhạ... Các nước này có những bậc Thanh văn đã vào Niết-bàn, Đức Phật đều đã nói về chỗ sanh và quả báo của những vị ấy. Chỉ có nước Ma-già-đà là có các vị thuộc hàng thượng thủ Ưu-bà-tắc đã mạng chung. Những vị ở nước này chưa ai được Đức Thế Tôn nói về chỗ thác sanh của họ”.

Tôn giả A-nan nghĩ như vậy rồi liền ra khỏi tinh xá, đi đến chỗ Phật ngự. Đến nơi, Tôn giả trịch áo bày vai bên phải, gối quỳ sát đất, cúi đầu lễ bên chân Đức Thế Tôn xong, đứng trước Phật bạch:

–Các phương, các nước (*như trước đã nói*), con theo hầu Đức Phật được nghe đều đã rõ biết, cho đến theo Phật nghe pháp, cũng được biết rõ. Như chỗ thác sanh của các vị Ưu-bà-tắc trong thành Na-đề-ca, Phật cũng đã nói. Trong thành Na-đề-ca kia, lại có năm trăm vị Ưu-bà-tắc cũng đã mạng chung. Các Ưu-bà-tắc ấy khéo đoạn ba chướng, chứng quả Tu-đà-hoàn, ngược dòng sanh tử, bảy lần trở lại

nhân gian, bảy lần sanh lên cõi trời, rõ giới hạn của khổ, quyết chứng Bồ-đề.

Lại nữa, trong thành Na-đề-ca còn có ba trăm vị Ưu-bà-tắc cũng lần lượt mạng chung. Các vị ấy cũng đoạn được ba chương cùng tham, sân, si. Một lần trở lại nhân gian, rõ được giới hạn của khổ, chứng quả Tư-đà-hàm.

Lại nữa, trong thành Na-đề-ca, còn có hai trăm năm mươi vị Ưu-bà-tắc lần lượt mạng chung. Các Ưu-bà-tắc ấy đoạn năm thứ phiền não và tùy phiền não, chứng quả A-na-hàm, không trở lại nhân gian, không còn luân chuyển. Các việc như vậy con cũng đã rõ biết. Riêng nước Ma-già-đà có các vị Ưu-bà-tắc thượng thủ, sau khi mạng chung, những vị ở nước này chưa có ai được Đức Thế Tôn nói về chỗ thác sanh của họ. Cúi mong Đức Thế Tôn vì con mà giảng nói các vị Ưu-bà-tắc ở nước Ma-già-đà được thác sanh ở đâu? Hạnh nghiệp tu tập được quả báo gì?

Bạch Đức Thế Tôn, lại ở nước Ma-già-đà có vua Tần-bà-sa-la một lòng quy hướng Đức Phật, hiểu biết Chánh pháp, tôn trọng Tăng già, trọn đời luôn nhớ nghĩ không quên. Sau khi mạng chung, nhân dân trong nước đều khen ngợi công đức của vua. Họ nói: “Đây chính là bậc Pháp vương, nguyện cho Pháp vương sanh ở cõi lành, được an vui thù thắng”.

Bạch Đức Thế Tôn, vì sao Ngài chưa nói đến chỗ thác sanh, ý nguyện, quả vị của vua? Cúi mong Đức Thế Tôn giảng nói từng sự việc.

Tôn giả lại thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, nước Ma-già-đà kia là nơi Đức Phật thành Chánh giác, tối cao thù thắng không thể so sánh, nơi thắng địa này vị vua ấy là chủ, cúi mong Đức Thế Tôn vì vua nói chỗ thác sanh.

Lúc ấy Đức Thế Tôn nhận lời thỉnh cầu của Tôn giả A-nan bằng cách im lặng. Tôn giả A-nan thấy Phật im lặng, biết là đã nhận lời thỉnh, liền cúi đầu đánh lễ dưới chân Đức Thế Tôn rồi trở về chỗ cũ.

Bấy giờ, đêm đã gần mãn, trời sáng, sắp đến giờ thọ thực, Đức Thế Tôn đắp y mang bình bát vào thành Na-đề-ca lần lượt khát thực. Được thức ăn, Ngài trở về trú xứ, xếp y, rửa chân, trải tòa ngồi để thọ thực. Thọ thực xong, Ngài đi kinh hành, rồi trở lại chỗ ngồi suy nghĩ về câu hỏi của Tôn giả A-nan: “Quốc vương nước Ma-già-đà và

các vị Ưu-bà-tắc đã mạng chung ở đây sẽ sanh về chỗ nào? Do hạnh nguyện gì, được quả báo thế nào?”

Khi suy niệm như vậy, do thần lực của Phật, ở trong không trung có tiếng xưng tên:

–Bạch Thế Tôn, con là Nhân Tiên. Bạch Đức Thiện Thệ, con là Nhân Tiên.

Khi ấy Đức Thế Tôn nghe tiếng ở không trung, liền từ tòa ngời đứng dậy, đi đến chỗ các vị Thanh văn. Các chúng Thanh văn vây quanh Phật và an tọa. Tôn giả A-nan đi tới chỗ Phật, trích áo bày vai bên phải, lễ dưới chân Đức Phật, đứng ở phía trước, bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà ngài hoan hỷ hơn bình thường?

Đức Thế Tôn bảo A-nan:

–Như ông đã thưa thỉnh: “Vua Tần-bà-sa-la và các vị Ưu-bà-tắc sau khi mạng chung ở đây sẽ sanh về chỗ nào? Do hạnh nguyện gì, được quả báo ra sao?” Ta muốn đem ý nghĩa này chỉ bày cho thế gian, nhưng thời gian nói chưa đến. Ta luôn nhớ nghĩ mà an trú qua đêm, đến giờ ăn vào thành khát thực, trở về chỗ cũ, thọ thực xong, đi kinh hành, lui về tòa ngời. Vì đã đến thời có thể giảng nói nên Ta đã nhớ nghĩ, quán sát vấn đề ông hỏi. Quốc vương nước Ma-già-đà kia và các vị Ưu-bà-tắc chết ở đây, sanh ở kia và hạnh nguyện thọ quả báo của họ theo thứ tự như thế. Do thần lực của Ta, ở trong hư không có tiếng xưng tên: “Bạch Thế Tôn, con là Nhân Tiên. Bạch Đức Thiện Thệ, con là Nhân Tiên”.

Phật lại bảo:

–Này A-nan, ông xưa nay có nghe tên như vậy không?

A-nan bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn, con chưa nghe tên như vậy. Khi con nghe tên này lông toàn thân như dựng ngược.

Tôn giả A-nan nói như vậy, lại nghe trong không trung có tiếng:

–Bạch Thế Tôn, con là vua Tần-bà-sa-la. Bạch Đức Thiện Thệ, con là vua Tần-bà-sa-la. Con nay hướng về Đức Phật hai, ba lần tự xưng tên tuổi, dòng họ. Bạch Đức Thế Tôn, Nhân Tiên ngày xưa sau khi mạng chung, sanh vào cõi người, được làm vua loài người, chứng quả Tu-đà-hoàn, nay là đời thứ bảy con được sanh vào Thiên cung

Tỳ-sa-môn, cũng gọi là Nhân Tiên. Bạch Đức Thế Tôn, hiện nay con là con của Tỳ-sa-môn thiên vương, khéo rõ biết lời dạy vi diệu an lạc, tịch tĩnh của Phật. Sau này con sẽ chứng quả Tư-đà-hàm.

Phật liền khen ngợi:

–Lành thay! Hay thay! Ông là Nhân Tiên. Rất tốt! Ông nên như vậy mà tu hành không buông lung. Nay Nhân Tiên, do nhân duyên gì mà ông được quả Tu-đà-hoàn?

Nhân Tiên đáp:

–Con không tạo nhân gì, cũng không có duyên gì đặc biệt, chỉ biết Phật pháp vi diệu tối thắng, tin tưởng sâu sắc, thực hành theo nên liền chứng được sơ quả. Bạch Thế Tôn, theo lệnh của Thiên vương Trì Quốc, con đi đến chỗ Thiên vương Tăng Trưởng, do đó mà biết được Đức Thế Tôn ở tại tinh xá Côn-tả-ca, riêng ngồi một mình, suy niệm về Quốc vương nước Ma-già-đà và các Ưu-bà-tắc, từ đây mạng chung sanh về chỗ nào? Do hạnh nguyện gì? Được quả báo gì? Đức Phật muốn giảng nói các sự kiện như vậy. Bạch Đức Thế Tôn, con từ chỗ phụ vương Tỳ-sa-môn đích thân nghe được việc ấy, nhớ giữ không quên. Vì vậy con nay chính do nhân duyên ấy nên đi đến chỗ Phật để nói sự việc đó.

Phật dạy:

–Này Nhân Tiên, nay đã đúng thời, ông nên rộng nói.

Khi ấy Nhân Tiên vâng lời của Thế Tôn dạy, liền thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, một thời con nghe phụ vương Tỳ-sa-môn nói với chúng trời: “Các vị Thánh giả nên một lòng lắng nghe. Tôi ngày xưa ở cõi trời Ba mươi ba, đang thuyết pháp trong một hội chúng đặc biệt, chư Thiên đều vân tập đầy đủ và trời Hộ thế cũng có trong hội ấy, đều ngồi theo phương hướng của mình. Thiên vương Trì Quốc ngồi ở hướng Đông, quay mặt về hướng Tây. Thiên vương Tăng Trưởng ngồi ở hướng Nam, quay mặt về hướng Bắc. Thiên vương Quảng Mục ngồi ở hướng Tây, quay mặt về hướng Đông. Ta ngồi ở hướng Bắc, quay mặt về hướng Nam. Đại chúng nghe pháp ngồi trước mặt trời Hộ thế. Khi ấy chư Thiên và trời Hộ thế... đều muốn nghe pháp, đi đến hội chúng đó. Sau khi nghe pháp, trở về cung điện của mình, bỗng có ánh sáng lớn soi khắp cả hội chúng đến nỗi che khuất ánh sáng của chư Thiên. Bấy giờ trời Đế-thích bảo chư Thiên:

–Các vị nên biết, ánh sáng lớn này soi khắp hội chúng, khiến cho ánh sáng và sắc tướng của ta và của cả chư Thiên bị che không thể hiển hiện. Vì vậy chẳng bao lâu Đại Phạm thiên vương sẽ đến trong hội chúng này. Vì sao vậy? Phạm Đại Phạm thiên vương đi đến chỗ nào, trước hiện tướng lành. Chư Thiên các vị chớ rời khỏi chỗ ngồi, để biết vì sao hiển hiện ánh sáng này.

Chư Thiên và trời Hộ thế thưa Đế-thích:

–Chúng tôi thưa lệnh không đứng dậy khỏi chỗ ngồi, cho đến khi biết được lý do xuất hiện ánh sáng.

Khi ấy Đại Phạm thiên vương dùng thân hình đồng tử bỗng nhiên xuất hiện trong chúng hội ấy, đầu có năm búi tóc, sắc tướng đầy đủ, liền nói kệ bảo chư Thiên:

*Ông nương Phật Thế Tôn  
Là mắt sáng cõi trần  
Khéo nói pháp vi diệu  
Được nghe câu tịch tĩnh.  
Quý vị chúng chư Thiên  
Sắc tướng oai lực lớn  
Nhân tu phạm hạnh Phật  
Do đày sanh cõi trời.  
Lại có vị tịnh hạnh  
Đủ sắc, thọ, danh xưng  
Là Phật tử trí lớn  
Không lâu sanh cõi này.  
Chư Thiên nghe lời ấy  
Tâm sanh nhiều hoan hỷ  
Nương về Phật Thế Tôn  
Tin tưởng pháp vi diệu.  
Khi Phạm vương nói kệ  
Đủ năm thứ diệu âm  
Chấn động rất sâu xa  
Người nghe vui chân thật.*

Khi Đại Phạm thiên vương nói kệ có đủ năm thứ diệu âm, đó là: âm thanh của bậc Đại phạm, âm thanh như chim Ca-lăng-tần-già,

âm thanh như tiếng trống lớn, âm thanh như tiếng sấm vang rền và âm thanh luôn được yêu thích.

Phạm vương ở trong hội chúng, thân hình đồng tử lại, hiện ra thân lớn. Ý nghĩa ấy là thế nào? Đại Phạm thiên vương tùy tâm ưa thích của đại chúng mà hiện thân kia. Hiện ra thân lớn có hai loại đức tính:

1. Đầy đủ sắc tướng.
2. Danh xưng vang khắp.

Thí như vàng ròng có hai đức tính, nghĩa là màu sắc và danh tiếng. Đại Phạm thiên vương ở trong Thiên chúng hiện hai loại thân cũng lại như vậy.

Khi Phạm thiên vương đến hội chúng, Thiên chúng trong hội không đứng dậy, cũng không làm lễ. Lúc đó Thiên chúng chấp tay ngồi yên, đều khởi ý nghĩ: “Ôi! Đây là chủ của thế giới Ta-bà!”. Đại Phạm thiên vương ở trước chúng hội dùng thân đã hiện, lại hiện thân lớn hơn.

Khi ấy Phạm thiên vương biết tâm niệm của Thiên chúng, ngay trong thân lớn lại hiện lớn gấp bội. Ở trong hội chúng Thiên vương liền bay lên hư không ngồi kiết già, ví như đại lực sĩ ngồi vững trên đất, Đại Phạm thiên vương ngồi cũng như vậy.

Bấy giờ Đại Phạm thiên vương lại bảo Thiên chúng:

–Sở dĩ hiện được thân lớn là do năng lực của Bốn thần túc. Chỉ có Đức Thế Tôn mới biết, mới thấy, có thể nói, có thể tu, lại cũng có thể hiển hiện. Vì vậy cho nên các vị cũng nên thành tâm tu thần túc này, cho đến hiện được thần thông, được lợi ích lớn. Bốn thần túc ấy là: Dục, Cần, Tâm, Tuệ.

Thiên chúng lại suy nghĩ: “Ôi! Đại Phạm thiên vương, mong biến hóa chư Thiên chúng tôi tất cả đều như thân Phạm vương, trong chỗ ngồi của mỗi Phạm thiên đều có một thiên vương ngồi”.

Bấy giờ Đại Phạm thiên vương biết tâm niệm của Thiên chúng, liền dùng thần lực thâm nhiếp thân chư Thiên, hóa thành thân Phạm vương, ở trong mỗi chỗ ngồi kia đều có một Thiên vương ngồi. Tâm niệm của Thiên chúng đều thỏa mãn và an lạc. Ví như vua Sát-đế-lợi nhận vua cha lễ quán đánh để kế thừa vương vị, tâm niệm được thỏa mãn nên rất an vui, các Thiên chúng kia cũng lại như vậy.

Bấy giờ Đại Phạm lại bảo Thiên chúng:

–Chư Thiên và các vị trời Hộ thế nên một lòng lắng nghe! Trong các bậc Thánh chỉ có Phật Như Lai là Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, đối với Bốn thân tức có thể giảng nói rộng khắp, đã tu tập lâu dài, có năng lực biến hiện. Vì vậy các vị cần phải phát lòng thành, siêng năng tu tập, sẽ được biến hiện tự tại, đạt được nhiều lợi ích.

Khi ấy, các Thiên vương ngồi nơi chỗ ngồi của Phạm vương đều sanh niệm nghi ngờ: “Chỉ có một Đại Phạm vương, ngồi trong chỗ của ta. Vì sao khi ngài nói thì chư Thiên đều nói, nếu ngài im lặng thì chư Thiên cũng im lặng.” Lại nữa, thiên chủ Đế-thích cũng khởi ý niệm như vậy: “Ôi, Đại Phạm thiên vương, nguyện thâm nhiếp thân hình vốn có của Thiên chúng chúng tôi, biến thành một thân lớn, ngồi ở trong chỗ của ta”. Lúc đó Đại Phạm thiên vương biết ý niệm của Đế-thích, liền thâm thân hình của Thiên chúng, hiện ra một thân lớn, ngồi kiết già ở trong chỗ ngồi của Đế-thích. Đại Phạm thiên vương đã sử dụng sức thần túc, mỗi mỗi biến hiện như thế. Làm công việc biến hóa rồi, lại bảo chư Thiên và các vị trời Hộ thế:

–Đức Phật Thế Tôn dùng diệu lực của Bốn thân tức này và pháp Thanh văn trước kia đã hóa độ tám vạn vị Ưu-bà-tắc ở nước Ma-già-đà khéo đoạn ba chướng, dứt hết giới hạn của khổ, chứng quả Tu-đà-hoàn, ở trên cõi trời và trong nhân gian bảy lần qua lại. Có người sanh ở cõi trời Tha hóa tự tại, có người sanh ở cõi trời Hóa lạc, có người sanh cõi trời Ba mươi ba, có người sanh cõi Tứ thiên vương, có người sanh ở vương cung dòng Sát-đế-lợi, có người sanh vào nhà thượng thủ Bà-la-môn, có người sanh trong nhà trưởng giả giàu có lớn.

Lại nữa, trong các Thiên tử, có vị suy nghĩ: “Ôi! Làm sao có được bốn vị Phật xuất hiện ở đời. Ôi! Làm sao có được tám vị Phật xuất hiện ở đời”. Đại Phạm thiên vương biết tâm niệm của chư Thiên nên bảo:

–Thiên chúng các ông chớ nên nghĩ như vậy. Suy nghĩ muốn có bốn Đức Phật xuất hiện ở đời, cho đến tám Đức Phật xuất hiện ở đời, việc ấy không thể có được. Các Hiền giả nên biết, tôi nghe Phật dạy rằng không có hai Đức Phật cùng lúc xuất hiện ở đời, làm sao có đến bốn Đức Phật, tám Đức Phật cùng xuất hiện ở đời? Chư Hiền chỉ nên